

BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
CỤC CHÍNH TRỊ



**Những điều cần biết
VỀ HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA
VÀ KHU VỰC THỀM LỤC ĐỊA PHÍA NAM (DKI)**

Dự án Đại Sự
Ký Biển Đông

Digitally signed by Dự án Đại Sự Ký
Biển Đông
DN: cn=Dự án Đại Sự Ký Biển Đông, o,
ou=[https://
daisukybiendong.wordpress.com/](https://daisukybiendong.wordpress.com/),
email=sukybiendong@gmail.com,
c=US
Date: 2015.07.16 11:40:26 +02'00'

**BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
CỤC CHÍNH TRỊ**

**NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT
VỀ HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA
VÀ KHU VỰC THỀM LỤC ĐỊA PHÍA NAM (DK1)**

(Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Thực hiện số hoá: Long Ngo (cộng tác viên Dự án Đại Sự Ký Biển Đông)



“Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng.

Ngày nay ta có ngày, có trời, có biển.

Bờ biển ta dài, tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó”

LỜI HỒ CHỦ TỊCH (15/3/1961)

MỤC LỤC

Lời nói đầu	7
Phần I: Khái quát biển, đảo Việt Nam và các văn bản chính thức của Nhà nước Việt Nam về các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam	9
I. Khái quát về biển, đảo Việt Nam	9
II. Một số văn bản chính thức của Nhà nước Việt Nam về các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam	15
Phần II: Những điều cần biết về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa	51
I. Khái quát đặc điểm tự nhiên của hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa	51
II. Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa	59
III. Các đảo Việt Nam đang đóng giữ ở quần đảo Trường Sa hiện nay	78
Phần III: Những điều cần biết về thềm lục địa phía Nam của Tổ quốc và các nhà giàn DK1	129
I. Khái quát đặc điểm thềm lục địa phía Nam của Tổ quốc	129
II. Những điều cần biết về các nhà giàn DK1 trên thềm lục địa Việt Nam	136

**Phần IV: Hải quân nhân dân Việt Nam làm nòng cốt
bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc** 159

I. Truyền thống và những chiến công tiêu biểu của
Hải quân nhân dân Việt Nam 159

II. Một số kết quả nổi bật của Hải quân nhân dân
Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ
chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc thời gian gần đây 164

**Phần V: Một số vấn đề cần lưu ý trong công tác
tuyên truyền và khi đi công tác ở quần đảo
Trường Sa, Nhà giàn DK1 trên thềm lục địa
phía Nam của Tổ quốc** 185

I. Bảo vệ sức khỏe khi đi công tác ở Trường Sa và Nhà
giàn DK1 trên thềm lục địa phía Nam của Tổ quốc 185

II. Tuyên truyền về hai quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa
và Nhà giàn DK1 trên thềm lục địa phía Nam của
Tổ quốc 188



LỜI NÓI ĐẦU

*Nhằm cung cấp cho bạn đọc những kiến thức cơ bản về biển, đảo Việt Nam, về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, và các nhà giàn DK1 nằm trong khu vực thềm lục địa phía Nam, đồng thời cũng giới thiệu một số hoạt động của Hải quân nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ các quyền của Việt Nam ở khu vực biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc trong thời gian gần đây, Cục Chính trị Hải quân tiếp tục tái bản cuốn sách **Những điều cần biết về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và khu vực thềm lục địa phía Nam (DKI)**.*

Thông qua cuốn sách, các tác giả mong muốn góp phần nâng cao nhận thức về các quyền của Việt Nam trên Biển Đông, xác định trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể và mọi người dân Việt Nam hướng về biển, đảo. Từ đó, tích cực tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế xã hội gắn với củng cố quốc phòng an ninh, quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Trong quá trình thực hiện, Cục Chính trị Hải quân luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân chủng; sự phối hợp của các cơ quan chức năng trong và ngoài Quân chủng, đặc biệt là sự hỗ trợ của các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông: Cục Thông tin Đối ngoại, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông đã tạo điều kiện để xuất bản cuốn sách này.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã có nhiều cố gắng song cuốn sách sẽ khó tránh khỏi những thiếu sót, Cục Chính trị Hải quân rất mong nhận được sự ủng hộ và tham gia đóng góp ý kiến của đông đảo bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

CỤC CHÍNH TRỊ HẢI QUÂN

PHẦN I

KHÁI QUÁT BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM VÀ CÁC VĂN BẢN CHÍNH THỨC CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ CÁC VÙNG BIỂN VÀ THÊM LỤC ĐỊA CỦA VIỆT NAM

I. KHÁI QUÁT VỀ BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

1. Vị trí địa lý

Việt Nam là quốc gia ven biển nằm bên bờ Tây của Biển Đông, có vị trí địa chính trị và địa kinh tế rất quan trọng không phải bất kỳ quốc gia nào cũng có. Với bờ biển dài trên 3.260 km trải dài từ Bắc xuống Nam, Việt Nam đứng thứ 27 trong số 157 quốc gia ven biển, các quốc đảo và các lãnh thổ trên thế giới. Chỉ số chiều dài bờ biển trên diện tích đất liền của nước ta xấp xỉ 0,01 (*nghĩa là cứ 100 km² đất liền có 1km bờ biển*) đứng đầu các nước Đông Dương, trên Thái Lan và xấp xỉ Ma-lai-xia. Trong 63 tỉnh, thành phố của cả nước thì 28 tỉnh, thành phố có biển và gần một nửa dân số sinh sống tại các tỉnh, thành ven biển.

Theo Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 thì nước ta có diện tích biển khoảng 1 triệu km², gấp 3 lần diện tích đất liền, chiếm gần 30% diện tích Biển Đông

(diện tích Biển Đông gần 3,5 triệu km²). Vùng biển nước ta có khoảng 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ và 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa được phân bố khá đều theo chiều dài bờ biển, có vị trí đặc biệt quan trọng như một tuyến phòng thủ tiền tiêu để bảo vệ sườn phía Đông đất nước; một số đảo ven bờ còn có vị trí quan trọng được sử dụng làm các điểm cơ sở ven bờ lục địa Việt Nam, từ đó xác định vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, làm cơ sở pháp lý để bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển.

2. Tầm quan trọng của biển, đảo đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1. Về kinh tế, chính trị - xã hội

Biển Đông là biển có 1 trong số 10 tuyến đường hàng hải của thế giới có nhiều tàu thuyền nhất đi qua, giao thông nhộn nhịp đứng thứ 2 thế giới (sau Địa Trung Hải). Hàng ngày có khoảng 200 - 300 tàu từ 5.000 tấn trở lên qua lại (không kể tàu dưới 5.000 tấn) chiếm 1/4 lưu lượng tàu hoạt động trên biển của thế giới. Là tuyến đường hàng hải và hàng không huyết mạch mang tính chiến lược của các nước trong khu vực và thế giới; nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương, Châu Âu, Trung Đông với Châu Á và giữa các nước Châu Á với nhau; chuyên chở 1/2 sản lượng dầu thô và các sản phẩm toàn cầu. Với Mỹ, Biển Đông là khu vực hoạt động chính của Hạm đội 7, có 90% hàng hóa của Mỹ và đồng minh



chuyên chở qua Biển Đông; với Trung Quốc, hằng năm nhập khẩu 160 triệu tấn dầu thì 50% dầu nhập khẩu và 70% hàng hóa qua Biển Đông; với Nhật Bản: 70% lượng dầu nhập khẩu và 42% lượng hàng hoá xuất khẩu chuyên chở qua Biển Đông.

Đối với Việt Nam, vùng biển và ven biển Việt Nam nằm án ngữ tuyến đường hàng hải và hàng không huyết mạch thông thương giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa Châu Âu, Trung Cận Đông với Trung Quốc, Nhật Bản và các nước trong khu vực. Ngoài ra, sự hình thành mạng lưới cảng biển cùng các tuyến đường bộ, đường sắt dọc ven biển và nối với các vùng sâu trong nội địa (đặc biệt là các tuyến đường xuyên Á) cho phép vùng biển và ven biển nước ta có khả năng chuyển tải hàng hoá nhập khẩu tới mọi miền của Tổ quốc một cách nhanh chóng và thuận lợi. Cùng với đất liền, vùng biển nước ta là một khu vực giàu tài nguyên thiên nhiên, có thị trường với sức mua khá lớn, một vùng kinh tế có nhiều thập kỷ phát triển năng động. Với điều kiện thuận lợi đó, Biển Đông đã đem lại nhiều lợi thế cho đất nước ta, song cũng là khu vực rất nhạy cảm trước các biến chuyển trong đời sống chính trị thế giới.

Biển Việt Nam có tiềm năng tài nguyên phong phú, đặc biệt là dầu mỏ, khí đốt. Tại vùng biển và thềm lục địa Việt Nam đã xác định nhiều bể trầm tích có triển vọng dầu khí với trữ lượng dự báo khoảng 10 tỷ tấn dầu quy đổi, trong đó trữ lượng khai thác khoảng 2 tỷ tấn, đặc biệt khí thiên nhiên có



tiềm năng rất lớn. Hiện nay, chúng ta đã phát hiện hàng chục mỏ dầu khí có trữ lượng khai thác công nghiệp, trong đó đã đưa vào khai thác gần một chục mỏ, hàng năm cung cấp hàng chục triệu tấn dầu và hàng tỷ m³ khí phục vụ cho phát triển kinh tế, dân sinh. Ngoài ra, Biển Việt Nam còn có các khoáng sản quan trọng và có tiềm năng lớn như: than, sắt, titan, băng cháy, cát thủy tinh, muối và các loại vật liệu xây dựng khác.

Nguồn lợi hải sản nước ta được đánh giá vào loại phong phú trong khu vực. Ngoài cá biển là nguồn lợi chính còn có nhiều đặc sản khác có giá trị kinh tế cao như: tôm, cua, mực, hải sâm, rong biển... Dọc ven biển còn có hơn 80 vịnh héc ta bãi triều và các eo vịnh, đầm phá rất thuận lợi nuôi trồng hải sản có giá trị xuất khẩu cao như tôm, cua, ngọc trai, cá song, cá mú, rong câu... Với tiềm năng đó, trong tương lai chúng ta có thể phát triển ngành nuôi trồng hải sản ở biển và ven biển một cách toàn diện và hiện đại tạo ra nguồn xuất khẩu có kim ngạch lớn và khả năng cạnh tranh cao.

Dọc bờ biển nước ta, nhiều khu vực được xác định có thể xây dựng cảng, trong đó một số nơi có khả năng xây dựng cảng nước sâu như: Cái Lân và một số điểm ở Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, Lạch Huyện, Đình Vũ, Cát Hải, Nghi Sơn, Hòn La, Vũng Áng, Chon Mây, Đà Nẵng, Dung Quất, Văn Phong, Cam Ranh, Cát Lái, Cái Mép, Vũng Tàu, Thị Vải... Khu vực Vũng Tàu đến Hà Tiên có thể xây dựng cảng với quy mô vừa ở Hòn Chông, Phú Quốc hoặc cảng sông Cần Thơ. Hiện nay,



nước ta có trên 100 cảng biển và 10 khu chuyển tải hàng hoá, tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển có thể đạt 50 triệu tấn/năm. Trong tương lai, có thể phát triển một số cảng chuyên dụng hoặc cảng quá cảnh cho các nước láng giềng Trung Quốc, Lào, Mi-an-ma.

2.2. Về quốc phòng - an ninh

Biển, đảo nước ta được ví như mặt tiền, sân trước, cửa ngõ quốc gia; các vùng biển và hải đảo cùng với đất liền hình thành phen dậu, chiến lũy nhiều tầng, nhiều lớp, bố trí thành tuyến phòng thủ liên hoàn vững chắc bảo vệ Tổ quốc. Lịch sử dân tộc ghi nhận có tới 2/3 cuộc chiến tranh của kẻ thù bên ngoài sử dụng đường biển làm hướng tiến công chủ yếu xâm lược nước ta. Với tinh thần chiến đấu anh dũng, kiên cường, sáng tạo, nhân dân ta đã ba lần đại thắng quân thù trên sông Bạch Đằng (vào các năm 938, 981, 1288); chiến thắng trên phòng tuyến sông Như Nguyệt (năm 1077; chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (năm 1785) và những chiến công vang dội trên chiến trường sông biển qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đó là những mốc son chói lọi trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, biển đảo Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng, làm tăng chiều sâu phòng thủ đất nước ở hướng Đông. Do đặc điểm lãnh thổ đất liền nước ta có hình chữ S, trải dài từ Bắc vào Nam, chiều ngang hẹp, không một nơi nào trên lục địa của nước ta lại cách xa bờ biển quá 500 km, nên chiều sâu phòng



thù đất nước bị hạn chế. Hầu hết các trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước cách bờ biển không xa, nên rất dễ bị kẻ thù bên ngoài tiến công từ hướng biển. Nếu chiến tranh xảy ra thì các mục tiêu trên đất liền đều nằm trong tầm hoạt động, bắn phá của kẻ thù sử dụng vũ khí công nghệ cao xuất phát từ hướng biển. Các quần đảo xa bờ, gần bờ ngày càng được củng cố, xây dựng vững chắc, trở thành căn cứ, vị trí neo đậu, triển khai của các lực lượng Hải quân Việt Nam và sự tham gia của các thành phần, lực lượng vũ trang toàn dân sẽ làm tăng chiều sâu phòng thủ hiệu quả bảo vệ đất nước.

Từ những năm đầu thập kỷ 70 của thế kỷ XX đến nay trên Biển Đông đang tồn tại những tranh chấp biển, đảo rất quyết liệt và phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, tác động tới quốc phòng và an ninh của nước ta. Trên Biển Đông, vùng biển nước ta tiếp giáp với vùng biển 7 nước và 01 vùng lãnh thổ trong khu vực là: Trung Quốc, Đài Loan (phía Bắc), Campuchia và Thái Lan (Tây Nam), Phi-lip-pin, Ma-lai-xia, In-đô-nê-xia, Brunây (phía Đông, Đông Nam và Nam), nơi đây đang diễn ra những tranh chấp phức tạp và quyết liệt về chủ quyền giữa các quốc gia, đẩy tới xu hướng tăng cường lực lượng quân sự, đặc biệt là Hải quân của các nước trong khu vực. Điều đó đang đe dọa đến chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc ta.

Vươn ra biển, làm giàu từ biển là định hướng đúng đắn phù hợp trong điều kiện hiện nay, Việt Nam là một quốc gia có biển, một nhân tố mà thế giới luôn xem như một yếu tố đặc



lợi, chúng ta cần tăng cường hơn nữa khả năng quản lý, làm chủ vươn ra biển, làm động lực thúc đẩy các vùng khác trong đất liền phát triển, chúng ta phải có quyết tâm cao, tập trung huy động mọi tiềm năng và lợi thế của biển, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh trên biển để tạo ra môi trường hoà bình, ổn định, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và ngư dân các địa phương yên tâm làm ăn trên các vùng biển, đảo, nhất là ở vùng biển xa.

Tập trung xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam và các lực lượng vững mạnh, theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ để quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thêm lục địa của Tổ quốc là một đòi hỏi tất yếu.

II. MỘT SỐ VĂN BẢN CHÍNH THỨC CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ CÁC VÙNG BIỂN VÀ THÊM LỤC ĐỊA CỦA VIỆT NAM

1. Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng

1.1. Nghị quyết số 03-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khoá VI) ngày 6 tháng 5 năm 1993 "Về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt"

Nghị quyết chỉ rõ: Trong thời đại ngày nay, sự phát triển khoa học và công nghệ cho phép con người mở rộng khả năng khai thác tài nguyên biển vượt qua các giới hạn về độ sâu và

tiến tới khả năng sinh sống ở môi trường biển. Trước sức ép ngày càng tăng về dân số và sự cạn kiệt tài nguyên trên đất liền, tiến ra biển trở thành một hướng phát triển của loài người, một chiến lược lâu dài của nhiều nước trên thế giới.

Việt Nam là một quốc gia ven biển. Với diện tích rộng gấp ba lần lãnh thổ trên đất liền, các vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của nước ta chứa đựng nhiều tài nguyên và tiềm năng phong phú để phát triển kinh tế tổng hợp. Biển Việt Nam cùng với các đảo, quần đảo và hơn 3.260km bờ biển có nhiều cửa ngõ thông thương và vị trí thuận lợi trên các tuyến giao lưu quốc tế, tạo lợi thế lớn cho sự phát triển hệ thống kinh tế mở và các loại hình vận tải, dịch vụ hàng hải, du lịch. Vị trí và đặc điểm địa lý của nước ta cùng với bối cảnh phức tạp trong khu vực vừa tạo điều kiện, vừa đòi hỏi chúng ta phải đẩy mạnh phát triển kinh tế biển đi đôi với tăng cường khả năng bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái biển, phấn đấu đưa nước ta trở thành một nước mạnh về biển.

1.2. Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 22 tháng 9 năm 1997 của Bộ Chính trị (Khoá VIII) “Về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá”

Chỉ thị chỉ rõ: Vùng biển, hải đảo và ven biển nước ta là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế, an ninh - quốc phòng và môi trường sống; có nhiều lợi thế phát triển và là



cửa ngõ lớn của cả nước để đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài. Qua 10 năm đổi mới, với sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, lao động sáng tạo và anh dũng bảo vệ vùng biển Tổ quốc của nhân dân và lực lượng vũ trang, kinh tế biển nước ta có bước phát triển đáng kể, đang phát huy vai trò to lớn trong nền kinh tế quốc dân. Cơ cấu kinh tế biển dần hình thành với một số ngành mũi nhọn (thủy sản, dầu khí, vận tải và du lịch biển); đã tạo ra 27,8% GDP và khoảng 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; giải quyết việc làm cho gần 8,5 triệu lao động; cơ sở hạ tầng bước đầu hình thành; các thành phần kinh tế phát triển đa dạng, nhiều mô hình tốt về kinh tế - xã hội kết hợp an ninh - quốc phòng đã xuất hiện; bộ mặt xã hội nông thôn tiến bộ hơn trước.

Tuy nhiên, trong phát triển kinh tế biển cũng đang bộc lộ một số mặt yếu kém do nhận thức về vị trí kinh tế biển chưa đầy đủ; thiếu chiến lược phát triển tổng thể và liên kết chặt chẽ giữa các vùng, các ngành kinh tế, an ninh - quốc phòng và văn hoá, xã hội; chưa tổ chức tốt việc thực hiện Nghị quyết 03/NQ-TW của Bộ Chính trị (khóa VI) về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển. Các ngành và các địa phương phát triển kinh tế biển chưa theo một quy hoạch tổng thể, chưa hình thành cơ cấu có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, do đó chưa phát huy được toàn diện và đồng bộ các lợi thế, tiềm năng của biển. Kinh tế biển, đảo chủ yếu vẫn là các ngành nghề truyền thống, lệ thuộc tự nhiên. Vùng nông thôn ven biển và hải đảo phần lớn còn nghèo, đời sống khó khăn. Kết cấu hạ tầng phục

vụ kinh tế biển thiếu đồng bộ, lạc hậu và xuống cấp nghiêm trọng, hạn chế sản xuất kinh doanh, chưa bảo đảm an toàn tính mạng cho ngư dân và bảo vệ môi trường biển. Chính sách kinh tế - xã hội và thực lực khoa học, công nghệ chưa trở thành động lực phát triển kinh tế biển. Chúng ta chưa thực sự làm chủ vùng biển, tình trạng vi phạm an ninh, chủ quyền, lợi ích quốc gia, trật tự an toàn trên biển đang gia tăng và diễn biến phức tạp.

Chỉ thị của Bộ Chính trị (Khóa VIII) đã nêu lên các quan điểm trong phát triển kinh tế biển là:

- Vùng biển, hải đảo và ven biển là địa bàn chiến lược có vị trí quyết định đối với sự phát triển của đất nước ta, là tiềm năng và thế mạnh quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cần đặt kinh tế biển trong tổng thể kinh tế cả nước, trong quan hệ tương tác với các vùng và trong xu thế hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.

- Phát triển kinh tế biển phải nhằm tăng cường sức mạnh quốc gia, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; phục vụ cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước cùng với kinh tế hợp tác xã giữ vai trò nền tảng, tăng cường liên minh công - nông và trí thức để xây dựng đô thị và nông thôn vùng biển, ven biển, hải đảo cùng phát triển. Các vùng có điều kiện cần tập trung phát triển trước để tạo động lực phát triển các vùng khác.



- Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá kinh tế biển hướng mạnh vào xuất khẩu, dựa trên những tiến bộ về khoa học và công nghệ làm động lực; vừa thúc đẩy nghiên cứu, quản lý, khai thác tiềm năng biển có hiệu quả cao, vừa tái tạo tài nguyên biển, bảo vệ môi trường, đào tạo nguồn nhân lực.

- Lợi ích kinh tế biển không chỉ xuất phát từ một địa phương, một ngành, mà cần được liên kết một cách khoa học sự phát triển các ngành trên toàn vùng, trên từng địa bàn cụ thể, thành một chương trình phát triển tổng hợp thống nhất. Phát triển kinh tế biển phải chú trọng ngay từ đầu tới sự tiến bộ xã hội vùng ven biển.

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, hải đảo và ven biển phải gắn kết với yêu cầu phát triển kinh tế, bảo vệ đất nước; tăng tiềm lực kinh tế, đồng thời củng cố khả năng an ninh - quốc phòng, tạo ra thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. An ninh - quốc phòng phải vừa không ngừng tăng cường năng lực bảo vệ biển, đảo, vừa tạo điều kiện thuận lợi và chủ động tham gia phát triển kinh tế biển.

1.3. Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) đã thông qua Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 về "Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020"

Nghị quyết nhấn mạnh “Thế kỷ 21 được thế giới xem là thế kỷ của đại dương” và đã xác định các quan điểm chỉ đạo về định hướng chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

Một là, nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển mạnh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn.

Hai là, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường, kết hợp giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Ba là, khai thác mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa, phát huy đầy đủ và có hiệu quả các nguồn lực bên trong; tranh thủ hợp tác quốc tế, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

** Mục tiêu tổng quát đến năm 2020:* Phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá, làm cho đất nước giàu mạnh.

** Mục tiêu cụ thể:* Xây dựng và phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế xã hội, khoa học - công nghệ, tăng cường củng cố quốc phòng an ninh. Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế biển và ven biển góp khoảng 53-55% tổng GDP cả nước. Giải

quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện đáng kể đời sống nhân dân vùng ven biển; Có thu nhập bình quân đầu người cao gấp 2 lần so với thu nhập bình quân chung của cả nước. Xây dựng một số thương cảng quốc tế có tầm cỡ khu vực, hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh, xây dựng một số khu kinh tế mạnh ven biển; xây dựng cơ quan quản lý tổng hợp thống nhất về biển có hiệu quả, mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực về biển...

2. Một số văn bản của Nhà nước

Để bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo Việt Nam trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, Nhà nước ta đã có nhiều văn bản pháp lý về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của mình. Các văn bản đều phù hợp với thông lệ quốc tế và Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 mà Việt Nam là thành viên, cụ thể:

2.1. Việt Nam ký Công ước về Luật Biển năm 1982 (ngày 10 tháng 12 năm 1982)

Việt Nam tham gia Hội nghị lần thứ ba của Liên Hợp quốc về Luật Biển từ năm 1977 và đã có những đóng góp nhất định vào cuộc đấu tranh của các nước đang phát triển và các nước xã hội chủ nghĩa trong Hội nghị vì một trật tự pháp lý mới, công bằng trên biển; Là một trong 130 quốc gia bỏ phiếu thông qua Công ước 1982 và là một trong 119 quốc gia ký Công ước ngay từ những ngày đầu tiên (ngày 10/12/1982).



Năm 1977, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ra tuyên bố nêu rõ nguyên tắc xác định phạm vi lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, xác định chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, các quyền và lợi ích hợp pháp khác đối với từng vùng biển của Việt Nam trên tinh thần phù hợp với các quy định của Công ước Luật Biển 1982. Đây là một trong những tuyên bố sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á được thiết lập theo tinh thần Công ước Luật Biển 1982, thể hiện trong tiến trình đàm phán, xây dựng Công ước này.

Lập trường của Việt Nam là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam. Nhà nước Việt Nam đã chiếm hữu thật sự và hoà bình hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ít nhất là từ thế kỷ thứ XVII, phù hợp với thực tiễn và luật pháp quốc tế đương thời và hiện đại, khi nó chưa thuộc chủ quyền của bất kỳ quốc gia nào. Nhà nước Việt Nam đã thiết lập chủ quyền của mình một cách thật sự, liên tục và hoà bình cho đến khi nó bị các lực lượng vũ trang Trung Quốc và các nước khác đánh chiếm và chiếm đóng trái phép.

Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX kỳ họp thứ 5 đã thông qua Nghị quyết về việc phê chuẩn Công ước 1982 ngày 23/6/1994. Bằng việc chính thức cam kết tuân thủ các quy định của Công ước, Việt Nam “biểu thị quyết tâm cùng cộng đồng quốc tế xây dựng một trật tự

pháp lý công bằng, khuyến khích sự phát triển và hợp tác trên biển”, góp phần làm cho Công ước có hiệu lực từ ngày 16/11/1994, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nghị quyết nhấn mạnh: “Quốc hội một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và chủ trương giải quyết các bất đồng liên quan đến Biển Đông thông qua thương lượng hoà bình, trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các nước ven biển đối với vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa; trong khi nỗ lực thúc đẩy đàm phán để tìm giải pháp cơ bản lâu dài, các bên liên quan cần duy trì ổn định trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng, không có hành động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực”. “Cần phân biệt vấn đề tranh chấp quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa với các vấn đề bảo vệ các vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam căn cứ vào những nguyên tắc và những tiêu chuẩn của Công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982”. Nghị quyết cũng nêu rõ: “Quốc hội khẳng định chủ quyền của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với các vùng nội thuỷ, lãnh hải, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam trên cơ sở các quy định của Công

ước và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, yêu cầu các nước khác tôn trọng các quyền nói trên của Việt Nam".

2.2. Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 12/5/1977 về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam (Đây là văn bản pháp quy đầu tiên và là cơ sở nền tảng cho các văn bản pháp quy sau này)

Tuyên bố ngày 12/5/1977, được công bố ngay sau khi Việt Nam hoàn toàn thống nhất, đã đáp ứng nhu cầu thiết yếu nhằm bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và các quyền lợi của Việt Nam trên các vùng biển và thềm lục địa. Tuyên bố nêu trên cũng thể hiện đường lối đối ngoại hoà bình của Nhà nước. Tuyên bố khẳng định: nguyên tắc giải quyết tranh chấp, bất đồng liên quan tới biển với các nước liên quan thông qua thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế.

Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 12/5/1977 về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam nêu rõ: “Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ cùng các nước có liên quan thông qua thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế, giải quyết các vấn đề về các vùng biển và thềm lục địa của mỗi bên”.

2.3. Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam

Theo Tuyên bố ngày 12/5/1977, đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là hệ thống đường thẳng nối liền các đảo của Việt Nam (đảo Thổ Chu, Hòn Khoai, Côn Đảo, Hòn Ông Cẩn, đảo Lý Sơn, đảo Cồn Cỏ) và các mũi đất nhô ra xa nhất của bờ biển Việt Nam (mũi Đại Lãnh).

2.4. Luật Biên giới Quốc gia được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoá XI), kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003

Luật khẳng định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước”. “Biên giới quốc gia của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Theo Luật Biên giới Quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần

đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan. Các đường ranh giới phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa xác định quyền chủ quyền, quyền tài phán của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

2.5. Luật Biển Việt Nam

Quốc hội khoá XIII nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại kỳ họp thứ 3 ngày 21/6/2012 đã thông qua Luật Biển Việt Nam; Luật đã được Chủ tịch nước Trương Tấn Sang ký lệnh công bố ngày 2 tháng 7 năm 2012. Luật gồm 7 chương, 55 điều.

Việc thông qua Luật Biển Việt Nam là một hoạt động lập pháp quan trọng nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan đến biển, đảo nước ta. Đây là một văn bản luật quy định đầy đủ về chế độ pháp lý các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam theo đúng Công ước Luật Biển năm 1982, là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc quản lý, bảo vệ và phát triển kinh tế biển, đảo của nước ta.

Cùng với việc khẳng định chủ trương giải quyết các tranh chấp biển, đảo bằng các biện pháp hòa bình, Nhà nước



ta đã chuyển một thông điệp quan trọng tới toàn thế giới: Việt Nam là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó có Công ước Luật Biển năm 1982, quyết tâm phấn đấu vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Những nội dung cơ bản của luật:

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Gồm có 7 điều quy định về phạm vi điều chỉnh, việc áp dụng pháp luật, giải thích từ ngữ, nguyên tắc quản lý và bảo vệ biển, chính sách quản lý và bảo vệ biển, hợp tác quốc tế về biển, quản lý nhà nước về biển.

1. Phạm vi điều chỉnh: Điều 1 Luật quy định về đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển, quản lý và bảo vệ biển, đảo.

2. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ biển: Điều 4 Luật nêu rõ quản lý và bảo vệ biển được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với Hiến chương Liên Hợp quốc và các điều ước quốc tế khác mà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Các cơ quan, tổ chức và mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền,

quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển. Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

3. Chính sách quản lý, bảo vệ biển: Điều 5 Luật khẳng định Việt Nam sẽ phát huy sức mạnh toàn dân tộc và thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, phát triển kinh tế biển. Xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ các vùng biển, đảo và quần đảo một cách bền vững phục vụ mục tiêu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư lao động, vật tư, tiền vốn và áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ vào việc sử dụng, khai thác, phát triển kinh tế biển, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, phát triển bền vững các vùng biển phù hợp với điều kiện của từng vùng biển và bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh; tăng cường thông tin, phổ biến về tiềm năng, chính sách, pháp luật về biển. Khuyến khích và bảo vệ hoạt động thủy sản của ngư dân trên các vùng biển, bảo hộ hoạt động của tổ chức, công dân Việt Nam ngoài các vùng biển Việt Nam phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, pháp luật quốc tế,



pháp luật của quốc gia ven biển có liên quan. Đầu tư bảo đảm hoạt động của các lực lượng làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trên biển, nâng cấp cơ sở hậu cần phục vụ cho các hoạt động trên biển, đảo và quần đảo, phát triển nguồn nhân lực biển. Thực hiện các chính sách ưu tiên đối với nhân dân sinh sống trên các đảo và quần đảo; chế độ ưu đãi đối với các lực lượng tham gia quản lý và bảo vệ các vùng biển, đảo và quần đảo.

4. Cơ chế quản lý Nhà nước về biển: Quản lý biển là nhiệm vụ hết sức quan trọng và phức tạp, liên quan đến nhiều bộ, ngành và địa phương trong cả nước. Để bảo đảm nguyên tắc quản lý biển thống nhất, đồng bộ và hiệu quả, Luật Biển Việt Nam quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về biển trong phạm vi cả nước; các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về biển.

Chương II: VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Gồm có 14 điều quy định về việc xác định đường cơ sở; nội thủy; lãnh hải; vùng tiếp giáp lãnh hải; vùng đặc quyền kinh tế; thềm lục địa; đảo, quần đảo. Cùng với đó là các chế độ pháp lý tương ứng.

1. Đường cơ sở: Luật quy định đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố. Hiện nay nước ta đã có đường cơ sở từ đảo Cồn Cỏ đến đảo Thổ Chu. Một số khu vực hiện nay

chưa có đường cơ sở như Vịnh Bắc Bộ thì Chính phủ sẽ xác định và công bố sau khi được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

2. Nội thủy: Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam. Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với nội thủy như trên lãnh thổ đất liền.

3. Lãnh hải: Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam. Nhà nước thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải và vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải phù hợp với Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Tàu thuyền của tất cả các quốc gia được hưởng quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam. Đối với tàu quân sự nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam, thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Việc đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Các phương tiện bay nước ngoài không được vào vùng trời ở trên lãnh hải Việt Nam, trừ trường hợp được sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam hoặc thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là



thành viên. Nhà nước có chủ quyền đối với mọi loại hiện vật khảo cổ, lịch sử trong lãnh hải Việt Nam.

4. Vùng tiếp giáp lãnh hải: Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và các quyền khác quy định tại Điều 16 của Luật. Nhà nước thực hiện kiểm soát trong vùng tiếp giáp lãnh hải nhằm ngăn ngừa và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

5. Vùng đặc quyền kinh tế: Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Nhà nước thực hiện: quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển; về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế; quyền tài phán quốc gia về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển; nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển; các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật quốc tế. Nhà nước tôn trọng quyền tự do hàng hải, hàng không; quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam theo quy định của luật này và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa



xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam. Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt các thiết bị và công trình trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên cơ sở các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng được ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của chính phủ Việt Nam.

6. Thềm lục địa: Thềm lục địa là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa. Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này cách đường cơ sở chưa đủ 200 hải lý thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài không quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc không quá 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2.500 mét. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền đối với thềm lục địa về thăm dò, khai thác tài nguyên. Không ai có quyền tiến hành hoạt động thăm dò thềm lục địa hoặc khai thác tài nguyên của thềm lục địa nếu không có sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam. Nhà nước có quyền khai



thác lòng đất dưới đáy biển, cho phép và quy định việc khoan nhằm bất kỳ mục đích nào ở thềm lục địa. Nhà nước tôn trọng quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp khác của các quốc gia khác ở thềm lục địa Việt Nam theo quy định của Luật này và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam. Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt thiết bị và công trình ở thềm lục địa của Việt Nam trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam.

7. Đảo, quần đảo: Đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước. Quần đảo là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo, vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau. Đảo, quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam là bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam. Đảo thích hợp cho đời sống con người hoặc cho một đời sống kinh tế riêng thì có nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Đảo đá không thích hợp cho đời sống con người hoặc cho một

đời sống kinh tế riêng thì không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Nhà nước thực hiện chủ quyền trên đảo, quần đảo của Việt Nam.

Chương III: HOẠT ĐỘNG TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Luật quy định rõ những hành vi mà tàu, thuyền nước ngoài không được làm khi đi qua lãnh hải nước ta. Cụ thể là không được đe dọa hoặc sử dụng vũ lực chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; đe dọa hoặc sử dụng vũ lực chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia khác; thực hiện các hành vi trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế được quy định trong Hiến chương Liên hợp quốc; luyện tập hay diễn tập với bất kỳ kiểu, loại vũ khí nào, dưới bất kỳ hình thức nào; thu thập thông tin gây thiệt hại cho quốc phòng, an ninh của Việt Nam; tuyên truyền nhằm gây hại đến quốc phòng, an ninh của Việt Nam; phóng đi, tiếp nhận hay xếp phương tiện bay lên tàu thuyền; phóng đi, tiếp nhận hay xếp phương tiện quân sự lên tàu, thuyền; bốc, dỡ hàng hóa, tiền bạc hay đưa người lên xuống tàu thuyền trái với quy định của pháp luật Việt Nam về hải quan, thuế, y tế hoặc xuất nhập cảnh; cố ý gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường biển, đánh bắt hải sản trái phép; nghiên cứu, điều tra, thăm dò trái phép... Tàu thuyền nước ngoài phải tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến an toàn hàng hải, bảo vệ thiết bị và hệ thống bảo đảm hàng hải, đường dây cáp ngầm, bảo tồn tài nguyên biển, giữ gìn môi trường biển.



Luật nêu rõ Chính phủ quy định công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải, khi cần thiết lập vùng cấm tạm thời hoặc vùng hạn chế hoạt động trong lãnh hải Việt Nam. Luật cũng quy định tàu ngầm và các phương tiện đi ngầm khác khi ở trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam phải nổi trên mặt nước. Luật cũng quy định về vấn đề tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, giữ gìn bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, nghiên cứu khoa học biển; đồng thời nêu cụ thể những hành vi bị cấm, như đe dọa chủ quyền, quốc phòng, an ninh Việt Nam; khai thác tài nguyên, lấp đặt sử dụng thiết bị công trình, khoan đào, nghiên cứu khoa học một cách trái phép; tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí chất nổ, chất độc hại, mua bán người, hoạt động cướp biển, phát sóng trái phép...

Chương IV: PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

Chương này gồm 5 điều quy định các nguyên tắc phát triển biển, các ngành kinh tế biển ưu tiên phát triển, vấn đề quy hoạch phát triển kinh tế biển, khuyến khích, ưu đãi đầu tư phát triển kinh tế biển trên các đảo và hoạt động trên biển.

Các nguyên tắc phát triển kinh tế biển là phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; gắn với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn trên biển; phù hợp với yêu cầu quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; gắn với phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ven biển và hải đảo. Luật quy định Nhà

nước ưu tiên tập trung phát triển các ngành kinh tế biển: tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu, khí và các loại tài nguyên, khoáng sản biển; vận tải biển, cảng biển, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, phương tiện đi biển và các dịch vụ hàng hải khác; du lịch biển và kinh tế đảo; khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; phát triển, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ về khai thác và phát triển kinh tế biển; xây dựng và phát triển nguồn nhân lực biển.

Chương V: TUẦN TRA, KIỂM SOÁT TRÊN BIỂN

Luật quy định rõ các lực lượng có thẩm quyền tuần tra, kiểm soát trên biển, gồm: Hải quân nhân dân, Cảnh sát Biển, Bộ đội Biên phòng, Công an nhân dân, các đơn vị quân đội đóng trên các đảo, quần đảo, các lực lượng tuần tra kiểm soát chuyên ngành hải quan, thủy sản, giao thông vận tải, môi trường, y tế và kiểm dịch.

Các lực lượng này hoạt động theo nhiệm vụ được quy định cụ thể trong luật pháp Việt Nam và được trang bị cờ, sắc phục, phù hiệu có dấu hiệu đặc trưng. Ngoài các lực lượng chuyên trách nêu trên, khi cần thiết, các cơ quan có thẩm quyền sẽ huy động sự tham gia của các lực lượng bán chuyên trách.

Chương VI: XỬ LÝ VI PHẠM

Chương này quy định về dẫn giải và địa điểm xử lý vi phạm, biện pháp bảo đảm tổ tụng, xử lý vi phạm, biện pháp đối với đối tượng là người nước ngoài... nhằm đảm bảo sự

phối hợp nhịp nhàng, đúng pháp luật giữa các cơ quan có trách nhiệm xử lý vi phạm Luật.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Luật Biển Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2013. Chính phủ sẽ ban hành những quy định hướng dẫn thi hành các điều khoản được giao ở trong luật.

3. Ngoài ra, Việt Nam đã ký với một số nước trong khu vực về những hiệp định quan trọng có ý nghĩa lịch sử như:

3.1. Việt Nam đã cùng với các quốc gia trong khối ASEAN và Trung Quốc ký kết Bản tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) ngày 4/11/2012 tại Phnôm Pênh (Campuchia), đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề trên biển và duy trì ổn định ở khu vực.

Nội dung cơ bản của Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông giữa ASEAN và Trung Quốc.

**** Các cam kết về các nguyên tắc ứng xử trong Tuyên bố.***

- Một là, các bên khẳng định cam kết đối với mục tiêu và các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp quốc, Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên Hợp quốc, Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á, năm nguyên tắc tồn tại hòa bình và các nguyên tắc phổ cập khác của pháp luật quốc tế.

- Hai là, các bên cam kết giải quyết mọi tranh chấp lãnh thổ và tranh chấp về quyền tài phán bằng các biện pháp hòa

bình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, thông qua trao đổi ý kiến và thương lượng hữu nghị giữa các quốc gia có chủ quyền liên quan phù hợp với các nguyên tắc phổ cập của pháp luật quốc tế, trong đó có Công ước Luật Biển năm 1982. Mặc dù, DOC không nói rõ các biện pháp hòa bình ở đây là gì, nhưng căn cứ pháp luật quốc tế cũng như quy định tại Điều 33 của Hiến chương Liên Hợp quốc thì các biện pháp hòa bình để giải quyết tranh chấp bao gồm thương lượng, môi giới, trung gian, hòa giải, trọng tài và tòa án quốc tế. Điều này có nghĩa là các bên có rất nhiều sự lựa chọn các biện pháp hòa bình và họ hoàn toàn tự do trong việc lựa chọn các biện pháp hòa bình này. Điều mấu chốt là không được đe dọa dùng hỏa lực hoặc sử dụng vũ lực để giải quyết các tranh chấp liên quan ở Biển Đông.

- *Ba là*, các bên khẳng định tôn trọng tự do hàng hải và tự do bay ở Biển Đông như đã quy định bởi các nguyên tắc phổ cập của pháp luật quốc tế, trong đó có Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Điều này có nghĩa là tàu thuyền của mọi quốc gia (bất kể trong khu vực hay ngoài khu vực) đều được tự do hàng hải trong vùng đặc quyền kinh tế của các nước ven Biển Đông cũng như vùng biển quốc tế ngoài phạm vi 200 hải lý; tàu bay của mọi quốc gia được quyền tự do bay trên vùng trời trên vùng đặc quyền kinh tế của các quốc gia ven Biển Đông và ở vùng trời trên các vùng biển quốc tế.



- *Bốn là*, các bên cam kết kiềm chế không tiến hành các hoạt động có thể làm phức tạp thêm hoặc gia tăng tranh chấp và ảnh hưởng đến hòa bình và ổn định của khu vực. Tuyên bố DOC không liệt kê những hành động cụ thể, nhưng chúng ta có thể xác định được: các hoạt động có thể làm phức tạp thêm các tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; các hoạt động có thể gia tăng các tranh chấp đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; và loại hành động thứ 3 là các hành động có thể ảnh hưởng đến hòa bình và ổn định ở trong khu vực. Tuyên bố DOC đặc biệt nhấn mạnh việc kiềm chế không đưa người lên các đảo, bãi hiện nay không có người ở.

** Các cam kết về việc tìm kiếm phương cách xây dựng lòng tin và các hoạt động hợp tác trong một số lĩnh vực ít nhạy cảm.*

- *Một là*, ASEAN và Trung Quốc đồng ý căn cứ vào các nguyên tắc Hiến chương Liên Hợp quốc, Công ước Luật Biển năm 1982, Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á, năm nguyên tắc tồn tại hòa bình và các nguyên tắc phổ cập khác của pháp luật quốc tế, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau để tìm kiếm phương cách xây dựng lòng tin. Từ cam kết mang tính nguyên tắc đó, ASEAN và Trung Quốc nhất trí là trong khi tìm kiếm giải pháp hòa bình cho các tranh chấp, các bên cam kết tăng cường nỗ lực để xây dựng lòng tin như: tiến

hành đối thoại quốc phòng; đối xử nhân đạo với người bị nạn trên biển; thông báo cho các bên liên quan về các cuộc diễn tập quân sự; trao đổi thông tin liên quan. Việc thông báo và trao đổi như vậy được các bên liên quan tiến hành trên cơ sở tự nguyện.

- *Hai là*, đồng thời trong khi tìm kiếm giải pháp toàn diện và lâu dài cho vấn đề tranh chấp ở Biển Đông, các bên có thể tìm kiếm và tiến hành các hoạt động trong các lĩnh vực ít nhạy cảm như: bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học biển, an toàn và an ninh hàng hải, tìm kiếm, cứu nạn trên biển, đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia (buôn bán ma túy, cướp biển, cướp có vũ trang trên biển và buôn lậu vũ khí). Các bên sẽ thỏa thuận phương thức, địa điểm và phạm vi của các hoạt động hợp tác này trước khi triển khai.

- *Ba là*, ASEAN và Trung Quốc long trọng và cam kết tôn trọng các quy định của DOC và hành động phù hợp với các nội dung của DOC. ASEAN và Trung Quốc đồng ý sẽ cùng nhau hợp tác trên cơ sở đồng thuận để đạt mục tiêu cuối cùng cao hơn là thông qua một Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC - Code of Conduct). Các bên đều nhất trí rằng việc thông qua Bộ Quy tắc đó sẽ tăng cường hơn nữa hòa bình và ổn định của khu vực. Đồng thời, ASEAN và Trung Quốc cũng khuyến khích các quốc gia khác tôn trọng các nguyên tắc DOC.



3.2. Vùng nước lịch sử Việt Nam - Campuchia

Ngày 7/7/1982, Chính phủ Việt Nam và Campuchia đã ký hiệp định thiết lập một vùng nước lịch sử chung giữa hai nước và thoả thuận “sẽ thương lượng vào một thời gian thích hợp để hoạch định đường biên giới trên biển giữa hai nước trong vùng nước lịch sử, lấy đường Brévié do toàn quyền Đông Dương vạch ra năm 1939 phân chia quyền cảnh sát và hành chính đối với các đảo trong Vịnh giữa hai nước làm đường phân chia đảo trong khu vực này”.

Theo thoả thuận của Chính phủ, ngày 22/8/2002, Hải quân Việt Nam và Hải quân Cam-pu-chia đã ký kết “quy chế tuần tra chung giữa Hải Quân hai nước”. Ngày 16/8/2005, Hải quân hai nước đã thiết lập đường dây nóng và tổ chức tuần tra chung.

3.3. Khai thác chung dầu khí Việt Nam - Ma-lai-xia

Giữa Việt Nam và Malaixia tồn tại một vùng chồng lấn vùng biển và thềm lục địa rộng khoảng 2.800km². Tháng 5/1992, hai nước đàm phán ở Cua-la Lăm-pua và đã ký thoả thuận hợp tác thăm dò khai thác chung vùng chồng lấn, giao cho các công ty dầu lửa của hai nước ký các dàn xếp thương mại và tiến hành hợp tác thăm dò khai thác. Việc phân định vùng chồng lấn sẽ giải quyết sau.

3.4. Phân định vùng biển giữa Việt Nam và Thái Lan trong Vịnh Thái Lan

Giữa Việt Nam và Thái Lan có một vùng chồng lấn khoảng 6.000 km² được hình thành bởi yếu sách ranh giới

thêm lục địa của Việt Nam và Thái Lan. Ngày 9/8/1997, hai nước ký Hiệp định về phân định ranh giới trên biển và được hai nước phê chuẩn, có hiệu lực từ 27/2/1998. Đường ranh giới (gọi là đường K-C) này đồng thời là ranh giới thêm lục địa và ranh giới vùng đặc quyền kinh tế dài 74 hải lý (173km).

3.5. Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định Nghê cá trong Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc

Sau khi kí Hiệp định biên giới trên Bộ Việt Nam - Trung Quốc ngày 30/12/1999, hai quốc gia láng giềng lại tập trung sức lực giải quyết vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ. Ngày 25/12/2000, hai nước đã chính thức ký Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa và Hiệp định Hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ tại Bắc Kinh với sự chứng kiến của Chủ tịch nước Trần Đức Lương và Chủ tịch Giang Trạch Dân. Theo Hiệp định phân định, Việt Nam được 53% diện tích Vịnh Bắc Bộ. Cả hai Hiệp định nói trên có hiệu lực từ ngày 30/6/2004.

3.6. Phân định thêm lục địa Việt Nam - In-đô-nê-xia

Ngày 26/6/2003, Việt Nam và Inđônêxia đã ký Hiệp định phân định ranh giới thêm lục địa giữa hai nước. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 29/5/2007. Hiện nay hai bên đang tiến hành đàm phán về phân định vùng đặc quyền về kinh tế giữa hai nước.



3.7. Thỏa thuận Việt Nam - Trung Quốc về nguyên tắc chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển

Ngày 11/10/2011 trong chuyến thăm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Việt Nam và Trung Quốc đã ký thỏa thuận về 6 nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển.

Một là, lấy đại cục quan hệ giữa hai nước làm trọng, xuất phát từ tầm cao chiến lược và toàn cục, dưới sự chỉ đạo của phương châm “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” và tinh thần “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”, kiên trì thông qua hiệp thương hữu nghị, xử lý và giải quyết thoả đáng vấn đề trên biển, làm cho Biển Đông trở thành vùng biển hoà bình, hữu nghị, hợp tác, đóng góp vào việc phát triển quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc, góp phần duy trì hoà bình và ổn định trong khu vực.

Hai là, trên tinh thần tôn trọng đầy đủ chứng cứ pháp lý và xem xét các yếu tố liên quan khác như lịch sử..., đồng thời chiếu cố đến quan ngại hợp lý của nhau, với thái độ xây dựng, cố gắng mở rộng nhận thức chung, thu hẹp bất đồng, không ngừng thúc đẩy tiến trình đàm phán. Căn cứ chế độ pháp lý và nguyên tắc được xác định bởi luật pháp quốc tế trong đó có Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, nỗ lực tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài mà hai bên đều có thể chấp nhận được cho các vấn đề tranh chấp trên Biển.

Ba là, trong tiến trình đàm phán vấn đề trên biển, hai bên nghiêm chỉnh tuân thủ thoả thuận và nhận thức chung mà Lãnh đạo cấp cao hai nước đã đạt được, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc và tinh thần của “*Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông*” (DOC). Đối với tranh chấp trên biển giữa Việt Nam - Trung Quốc, hai bên giải quyết thông qua đàm phán và hiệp thương hữu nghị. Nếu tranh chấp liên quan đến các nước khác, thì sẽ hiệp thương với các bên tranh chấp khác.

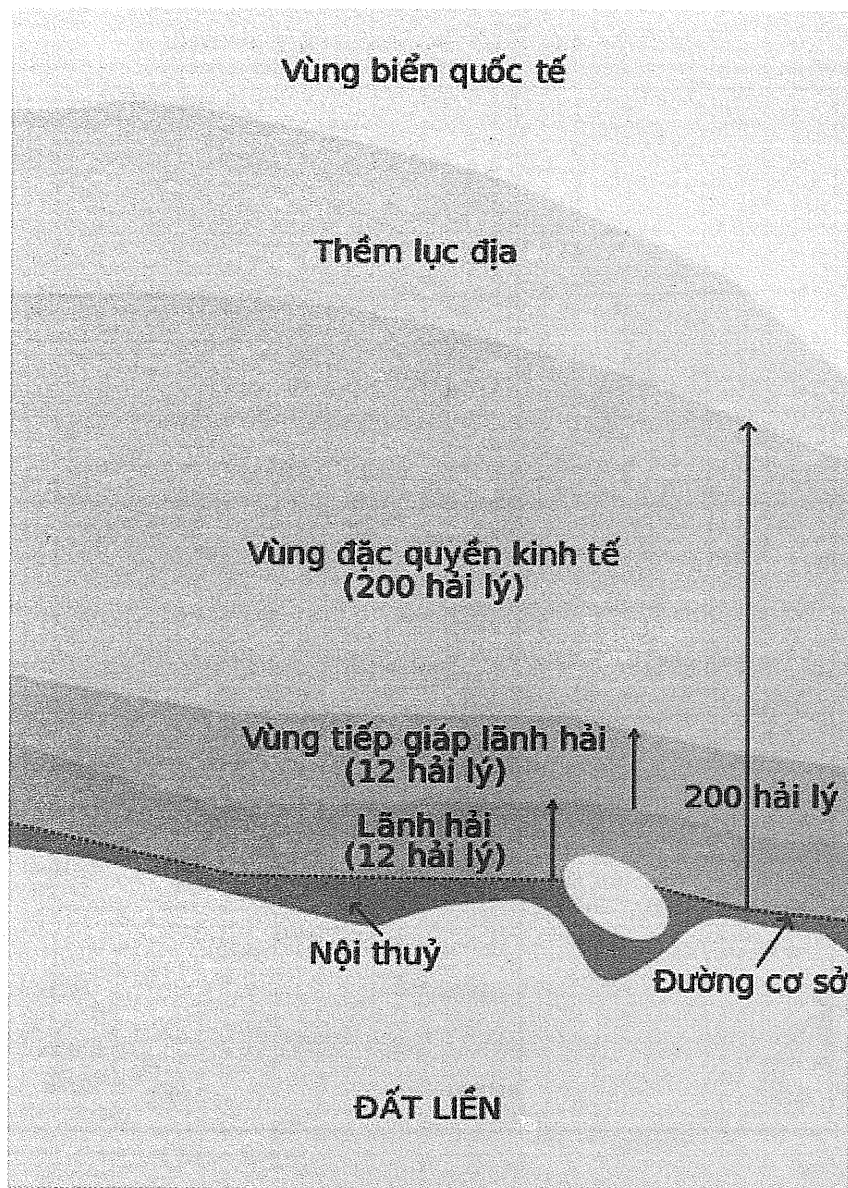
Bốn là, trong tiến trình tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài cho vấn đề trên biển, trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau, đối xử bình đẳng, cùng có lợi, tích cực bàn bạc thảo luận về những giải pháp mang tính quá độ, tạm thời mà không ảnh hưởng đến lập trường và chủ trương của hai bên, bao gồm việc tích cực nghiên cứu và bàn bạc về vấn đề hợp tác cùng phát triển theo những nguyên tắc đã nêu tại điều 2 của Thoả thuận này.

Năm là, giải quyết các vấn đề trên biển theo tinh thần tự tiêm tiến, dễ trước khó sau. Vững bước thúc đẩy đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ, đồng thời tích cực bàn bạc về vấn đề hợp tác cùng phát triển tại vùng biển này. Tích cực thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực ít nhạy cảm như bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học biển, tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn trên biển, phòng chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai. Nỗ lực tăng cường tin cậy lẫn nhau để tạo điều kiện cho việc giải quyết các vấn đề khó khăn hơn.



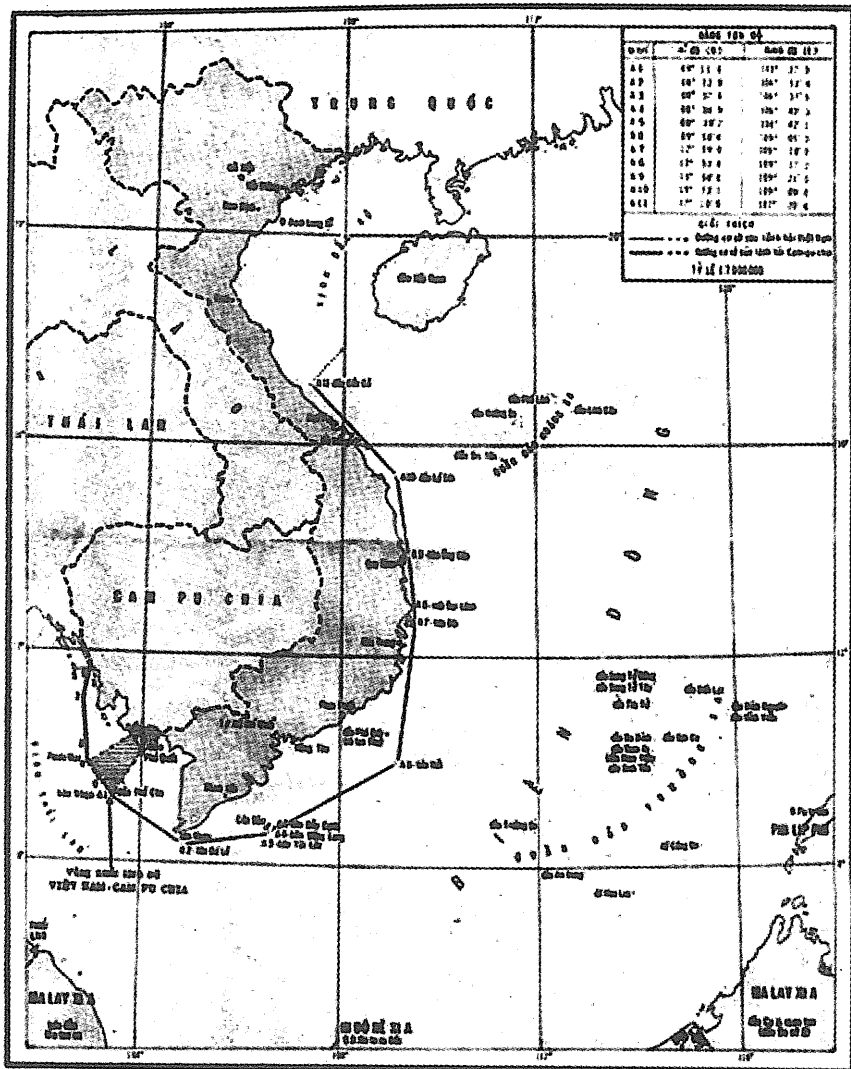
Sáu là, hai bên tiến hành cuộc gặp định kỳ Trưởng đoàn đàm phán biên giới cấp Chính phủ một năm hai lần, luân phiên tổ chức, khi cần thiết có thể tiến hành các cuộc gặp bất thường. Hai bên nhất trí thiết lập cơ chế đường dây nóng trong khuôn khổ đoàn đại biểu cấp Chính phủ để kịp thời trao đổi và xử lý thoả đáng vấn đề trên biển.

Với thiện chí nhằm gìn giữ hoà bình trên Biển Đông, Việt Nam luôn luôn chủ trương giải quyết mọi tranh chấp về biên giới, lãnh thổ bằng các biện pháp hoà bình, không sử dụng vũ lực hay đe doạ sử dụng vũ lực; thông qua con đường đàm phán với các nước hữu quan để tìm ra giải pháp phù hợp cho vấn đề hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.



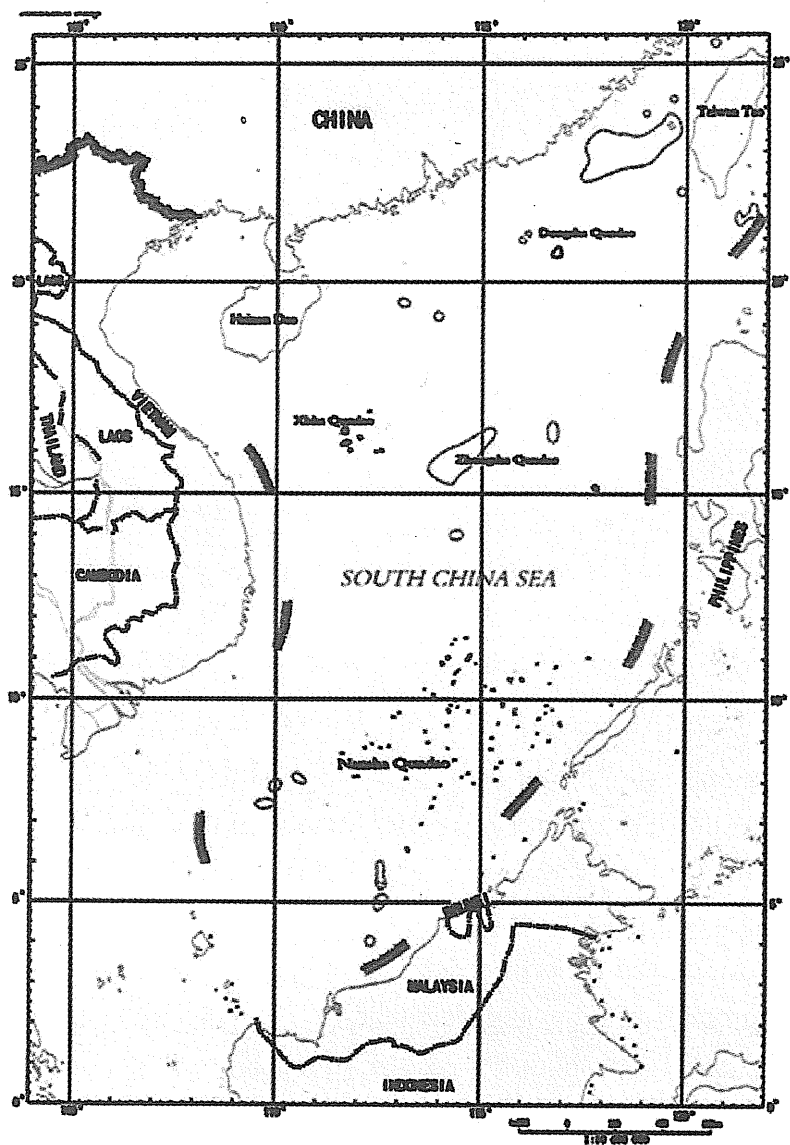
Các vùng biển theo UNCLOS

SƠ ĐỒ ĐƯỜNG CƠ SỞ TÍNH CHIỀU NÔNG LÃNH HẢI VỀN ĐỒ LỤC ĐỊA VIỆT NAM



Cục Đo đạc và Bản đồ Nhà nước và tháng 7 năm 1982

Sơ đồ đường cơ sở thẳng của Việt Nam năm 1982



*Bản đồ Trung Quốc đính kèm theo Công hàm gửi Liên Hợp quốc
ngày 07 tháng 5 năm 2009*

PHẦN II

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CỦA HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

1. Quần đảo Hoàng Sa

Quần đảo Hoàng Sa gồm trên 30 đảo, đá, cồn san hô và bãi cạn và một số đối tượng địa lý khác thuộc huyện Hoàng Sa thành phố Đà Nẵng. Khu vực quần đảo nằm trên một vùng biển rộng khoảng 30.000km².

Quần đảo Hoàng Sa chia làm hai nhóm: *nhóm phía Đông* có tên là nhóm An Vĩnh, gồm khoảng 12 đảo, đá, bãi cạn, trong đó có hai đảo lớn là Phú Lâm và Linh Côn, mỗi đảo rộng khoảng 1,5 km²; *nhóm phía Tây* gồm nhiều đảo xếp thành hình vòng cung nên còn gọi là nhóm Lưỡi Liềm, trong đó có các đảo Hoàng Sa (diện tích gần 1 km²), Quang Ảnh, Hữu Nhật, Quang Hòa, Duy Mộng, Chim Yến, Tri Tôn...

* *Nhóm Lưỡi Liềm*: Nhóm đảo này có hình cánh cung hay lưỡi liềm, nằm về phía tây quần đảo, gần đất liền Việt Nam, gồm 08 đảo chính là Đá Bắc, Hoàng Sa, Hữu Nhật, Duy

Mộng, Quang Ảnh, Quang Hòa, Bạch Quy, Tri Tôn và các bãi ngầm, mỏm đá.

- Đảo Đá Bắc có tọa độ địa lý $17^{\circ}06,0'$ N và $111^{\circ}30,8'$ E

- Đảo Hoàng Sa nằm ở tọa độ $16^{\circ}32,0'$ N và $111^{\circ}36,7'$ E, có hình bầu dục, độ cao khoảng 9m, diện tích khoảng $0,5 \text{ km}^2$, dài khoảng 950m, rộng khoảng 650m, có vòng san hô bao quanh. Tuy không phải là đảo lớn nhất nhưng Hoàng Sa là đảo chính của quần đảo, có vị trí quân sự quan trọng nhất cho việc phòng thủ bờ biển Việt Nam. Trên đảo Hoàng Sa từng có bia chủ quyền của Việt Nam với dòng chữ khắc trên bia: République Française - Royaume d'An Nam - Archipel des Paracels - 1816 - Île de pattle 1938 (*Cộng hòa Pháp - Đế chế An Nam - Quần đảo Hoàng Sa 1816 - Đảo Hoàng Sa 1938*). Ngoài ra, trên đảo còn có Miếu Bà, một số ngôi mộ của binh lính ra canh đảo bị chết tại đây.

- Đảo Hữu Nhật nằm về phía Nam và cách đảo Hoàng Sa 3 hải lý, ở tọa độ $16^{\circ}30,3'$ N và $111^{\circ}35,3'$ E, dáng đảo hình tròn, đường kính 800m, độ cao 8m, diện tích $0,6 \text{ km}^2$, có vòng đai san hô bao ngoài, giữa là vùng biển lặng.

- Đảo Duy Mộng nằm về phía đông nam đảo Hữu Nhật và phía đông bắc đảo Quang Hòa ở tọa độ $16^{\circ}27,6'$ N và $111^{\circ}44,4'$ E, do san hô cấu tạo thành, bãi san hô nằm xa đảo, nhô lên khỏi mặt nước khoảng 4 m, có hình bầu dục, diện tích $0,5 \text{ km}^2$.



- Đảo Quang Hòa nằm ở tọa độ $16^{\circ}26,9'$ N và $111^{\circ}42,7'$ E, do san hô cấu tạo thành, là đảo lớn nhất trong nhóm đảo Lưỡi Liềm, diện tích gần $0,5 \text{ km}^2$, trên đảo có nhiều cây cối, xung quanh đảo là một bãi san hô màu vàng nhạt, nhô ra rất xa đảo, nối với một số đảo nhỏ khác thành đảo Quang Hòa Đông và Quang Hòa Tây.

- Đảo Quang Ảnh nằm ở tọa độ $16^{\circ}27,0'$ N và $111^{\circ}30,8'$ E do san hô cấu tạo thành, độ cao 6 m. Chung quanh đảo là bờ biển có nhiều đá ngầm sắc nhọn rất nguy hiểm, tàu lớn không thể thả neo gần đảo mà phải neo ở ngoài khơi, muốn vào phải sử dụng thuyền nhỏ. Đảo có hình bầu dục, diện tích khoảng $0,7 \text{ km}^2$.

- Đảo Bạch Quy nằm ở tọa độ $16^{\circ}03,5'$ N và $111^{\circ}46,9'$ E.

- Đảo Tri Tôn nằm ở tọa độ $15^{\circ}47,2'$ N và $111^{\circ}11,8'$ E, nằm ở gần bờ biển Việt Nam nhất, có nhiều hải sâm, ba ba. San hô ở đây phát triển mạnh và đa dạng.

Ngoài ra, nhóm Lưỡi Liềm còn có một số đảo nhỏ, mỏm đá và bãi như: Đảo Ốc Hoa, đảo Ba Ba, đảo Lưỡi Liềm, đá Hải Sâm, đá Lồi, đá Chim Én, bãi Xà Cừ, bãi Ngự Bình, bãi ngầm Ốc Tai Voi...

* *Nhóm An Vĩnh*: Nằm ở phía đông, bao gồm các đảo tương đối lớn của quần đảo Hoàng Sa và cũng là các đảo san hô lớn nhất của Biển Đông như đảo Phú Lâm, đảo Cây, đảo Linh Côn, đảo Trung, đảo Bắc, đảo Nam, đảo Tây, đảo Hòn Đá.



- Đảo Phú Lâm nằm ở tọa độ $16^{\circ}50,2'$ N và $112^{\circ}20,0'$ E, là đảo quan trọng nhất của cụm đảo An Vĩnh và quần đảo Hoàng Sa. Đảo có chiều dài 1,7 km, chiều ngang 1,2 km.

- Đảo Linh Côn có tọa độ $16^{\circ}40,3'$ N và $112^{\circ}43,6'$ E, cao khoảng 8,5 m, trên đảo có nước ngọt. Vùng san hô bao quanh đảo kéo dài về phía Nam đến 15 hải lý.

- Đảo Cây nằm ở tọa độ $16^{\circ}59,0'$ N và $112^{\circ}15,9'$ E.

- Đảo Trung (còn gọi là đảo Giữa) nằm ở tọa độ $16^{\circ}57,6'$ N và $112^{\circ}19,1'$ E.

- Đảo Bắc nằm ở tọa độ $16^{\circ}58,0'$ N và $112^{\circ}18,3'$ E.

- Đảo Nam nằm ở tọa độ $16^{\circ}57,0'$ N và $112^{\circ}19,7'$ E.

- Đảo Đá nằm ở tọa độ $16^{\circ}50,9'$ N và $112^{\circ}20,5'$ E, diện tích $0,4 \text{ km}^2$.

Ngoài ra, nhóm An Vĩnh còn có nhiều mỏm đá, cồn cát và bãi như: Đá Trương Nghĩa, đá Sơn Kỳ, đá Trà Tây, đá Bông Bay, bãi Bình Sơn, bãi Đèn Pha, bãi Châu Nhai, cồn Cát Tây, cồn Cát Nam, Hòn Tháp, bãi cạn Gò Nổi, bãi Thủy Tề, bãi Quang Nghĩa.

Quần đảo Hoàng Sa là một thế giới san hô với hơn 100 loài đã tạo thành một phần của vòng cung san hô ngầm dọc bờ biển Đông Nam của lục địa châu Á.

Hình thái địa hình các đảo trong quần đảo Hoàng Sa tương đối đơn giản nhưng mang đậm bản sắc của địa hình ám tiêu san hô vùng nhiệt đới. Đa số các đảo có độ cao dưới 10m,

và có diện tích nhỏ hẹp dưới 1 km². Tổng diện tích phần nổi của tất cả các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa khoảng 10 km². Ngoài các đảo, còn có các cồn san hô, vành đai san hô bao bọc một vùng nước tạo thành một đầm nước giữa biển khơi, có cồn dài tới 30 km, rộng 10 km như cồn Cát Vàng.

Trên đảo Hoàng Sa còn có một trạm khí tượng được chính quyền bảo hộ Pháp xây dựng và hoạt động từ năm 1938, đến năm 1947 được Tổ chức Khí tượng thế giới (WVO) công nhận và đặt số hiệu 48860 trong mạng lưới khí tượng quốc tế. Nhiệt độ không khí ở vùng biển quần đảo Hoàng Sa có giá trị thấp nhất 22⁰ - 24⁰C trong tháng 1, tăng dần đạt cực đại 28,5⁰ - 29⁰C trong tháng 6, 7 và giảm từ từ tới 25⁰C vào tháng 12. Chế độ gió mùa vùng quần đảo Hoàng Sa phức tạp và thể hiện ảnh hưởng của địa hình lục địa Việt Nam và Trung Quốc. Lượng mưa trung bình hàng năm là 1.200 - 1.600 mm, thấp hơn nhiều so với lượng mưa ở quần đảo Trường Sa và các vùng khác trên đất liền. Mưa chủ yếu tập trung vào mùa hè (từ tháng 5 đến tháng 10), lượng mưa trung bình hàng tháng 100 - 200 mm, đạt 200 - 400 mm trong tháng 10. Lượng mưa trung bình trong mùa đông (từ tháng 11 đến tháng 4) 200 - 300 mm với lượng mưa hàng tháng 20 - 25 mm (tháng 1, 2, 3) và đạt đến 50 mm trong tháng 12 và tháng 4. Độ ẩm tương đối trung bình ở Hoàng Sa là 80 - 85% và hầu như không bị biến động nhiều theo mùa.



Thảm thực vật của quần đảo Hoàng Sa rất đa dạng. Có đảo cây cối um tùm nhưng có đảo chỉ có các cây nhỏ và cỏ dại. Thực vật phần lớn thuộc các loài có nguồn gốc ở miền duyên hải Việt Nam.

Hải sản ở quần đảo Hoàng Sa có nhiều loài quý như: tôm hùm, hải sâm, đồi mồi, vich, ốc tai voi,... và loại rau câu quý hiếm, rất có giá trị trên thị trường quốc tế.

2. Quần đảo Trường Sa

Quần đảo Trường Sa nằm giữa Biển Đông về phía Đông Nam nước ta, phía Bắc là quần đảo Hoàng Sa, phía Đông giáp biển Phi-lip-pin, phía Nam giáp biển Ma-lai-xia, Brunây và In-đô-nê-xia. Từ trung tâm quần đảo Trường Sa đến biển của Malaixia khoảng 250 hải lý, đến biển của Philippin khoảng 210 hải lý, đến biển của Brunây khoảng 320 hải lý, đến đảo Hải Nam khoảng 585 hải lý và đến đảo Đài Loan khoảng 810 hải lý; cách Cam Ranh 243 hải lý, cách Vũng Tàu 440 hải lý. Quần đảo Trường Sa gồm trên 100 hòn đảo nhỏ và bãi san hô với diện tích vùng biển rộng khoảng 150.000 km². Được chia làm 8 cụm (Song Tử, Loại Ta, Thị Tứ, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên), đảo cao nhất là Song Tử Tây (*khoảng 4-6 m*). Khoảng cách giữa các đảo cũng khác nhau, gần nhất từ đảo Song Tử Đông đến Song Tử Tây khoảng 1,5 hải lý, xa nhất từ Song Tử Tây (phía Bắc) đến An Bang (phía Nam) khoảng 280 hải lý.



Khí hậu thời tiết rất khắc nghiệt, nước ngọt hiếm, 1 năm có tới 131 ngày bão, gió từ cấp 6 trở lên, mỗi tháng có từ 13-20 ngày gió mạnh. Chỉ có tháng 4, tháng 5 là ít gió nhất; từ tháng 6 đến tháng 9 là thời kỳ thịnh hành của gió Tây Nam. Quần đảo Trường Sa án ngữ đường hàng hải quốc tế nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương, giữa châu Âu, châu Phi, Trung Cận Đông với Trung Quốc, Nhật Bản, với các nước Đông Nam Á và Đông Bắc Á, một tuyến đường huyết mạch có lưu lượng tàu thuyền tấp nập vào hàng thứ hai trên thế giới (*chỉ sau Địa Trung Hải*). Trung bình mỗi ngày có từ 250 đến 300 tàu biển các loại đi qua Biển Đông, trong đó có 15 đến 20% tàu lớn trọng tải trên 30.000 tấn. Hiện nay, trên các đảo và bãi san hô đã có một số công trình kiên cố và nhà ở, một số đảo có dân cư sinh sống, có đèn biển và luồng vào, trên luồng có thiết bị phao dẫn luồng và phao buộc tàu tạo thuận lợi cho tàu thuyền vào tránh giông bão. Tuy nhiên việc điều động tàu vẫn khó khăn vì luồng hẹp, độ sâu hay thay đổi nên tàu thuyền ra vào phải nhằm thời tiết tốt và vào ban ngày.

Trên thềm san hô quần đảo Trường Sa có nhiều loại hải sản quý như hải sâm, rùa biển, cá ngừ, tôm hùm, rong biển và các loại ốc có giá trị dinh dưỡng cao, nếu được khai thác, chế biến tốt sẽ mang lại thu nhập lớn cho nhân dân và làm hàng hoá xuất khẩu thu lợi nhuận cao cho Nhà nước. Với vị trí ở giữa Biển Đông, quần đảo Trường Sa có thể mạnh về dịch vụ hàng hải, nghề cá đối với tàu thuyền đi lại và đánh bắt hải sản



trong khu vực. Đồng thời là địa điểm du lịch hấp dẫn trong và ngoài nước. Trong một vài thập kỷ tới, tốc độ phát triển kinh tế cao của các nước trong khu vực (*dự báo khoảng 7% năm*), khối lượng hàng hoá vận chuyển qua Biển Đông sẽ tăng gấp hai, ba lần hiện nay, khi đó Biển Đông nói chung, vùng biển thuộc quần đảo Trường Sa nói riêng có vai trò to lớn trong thương mại quốc tế. Đặc biệt sau khi xây dựng xong kênh KRA (*ở Thái Lan*) sẽ thu hút thêm một lượng tàu biển quốc tế lớn đi qua đây, tạo cơ hội để chúng ta chia sẻ thị phần vận tải biển quốc tế, khi đó vùng biển Việt Nam và quần đảo Trường Sa sẽ trở thành chiếc "*cầu nối*" cực kỳ quan trọng để phát triển thương mại quốc tế và mở rộng giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, tuyến đảo của quần đảo Trường Sa tạo thành lá chắn quan trọng phía trước vùng biển và dải bờ biển Nam Trung Bộ và Nam Bộ, bảo vệ sườn phía Đông của đất nước, tạo thành một hệ thống cứ điểm tiên tiêu để ngăn chặn và đẩy lùi các hoạt động lấn chiếm của tàu thuyền nước ngoài. Vì thế từ lâu quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa luôn được các nhà quân sự, khoa học, chính trị đánh giá cao. Sau khi xâm lược nước ta và đánh giá cao vị trí chiến lược của quần đảo Trường Sa, người Pháp đã tổ chức khảo sát, đo đạc, biên vẽ bản đồ vùng Biển Đông trong đó có quần đảo Trường Sa. Trước khi tiến hành chiến tranh ở Thái Bình Dương, Nhật Bản đã chiếm quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa làm bàn đạp đánh chiếm Đông Dương, Singapore, In-đô-nê-xia. Sau



Hiệp định Genève năm 1954, Mỹ can thiệp, đưa quân vào miền Nam Việt Nam đã ủng hộ và tạo điều kiện cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa đóng giữ quần đảo Trường Sa. Bàn về biển Đông, nhiều nhà quân sự thế giới cho rằng: Ai làm chủ Trường Sa sẽ làm chủ biển Đông.

II. CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

1. Các nhà nước Việt Nam đã liên tục chiếm hữu và thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Giai đoạn nhà nước phong kiến

Nhà nước phong kiến Việt Nam trong suốt 3 thế kỷ, từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, dù trải qua 3 triều đại khác nhau, đều đã thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình, với tư cách là Nhà nước Đại Việt, tiến hành chiếm hữu và thực thi chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa:

Nhà nước Đại Việt thời chúa Nguyễn: Chứng cứ lịch sử có giá trị pháp lý chứng minh việc chiếm hữu và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, đó là sự ra đời và hoạt động thường xuyên, liên tục của đội Hoàng Sa, một tổ chức do nhà nước lập ra để đi quản lý, bảo vệ, khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đội Hoàng Sa, về sau lập thêm đội Bắc Hải do đội Hoàng Sa kiêm quản, đã hoạt động theo lệnh của 7 đời chúa, từ chúa



Nguyễn Phúc Lan hay Nguyễn Phúc Tần cho đến khi phong trào Tây Sơn nổi dậy.

Nhà nước Đại Việt thời Tây Sơn: Trong thời gian từ năm 1771 đến năm 1801, gần như lúc nào cũng có chiến tranh, trên đất liền cũng như ngoài Biển Đông. Tuy nhiên, các lực lượng của Chúa Nguyễn, Chúa Trịnh, Tây Sơn đã làm chủ được từng khu vực lãnh thổ thuộc phạm vi quản lý của mình.

Từ năm 1773, Tây Sơn chiếm được cảng Quy Nhơn, tiến về phía Quảng Nam, kiểm soát đến Bình Sơn, Quảng Ngãi, nơi có cửa biển Sa Kỳ và Cù lao Ré, căn cứ xuất phát của Đội Hoàng Sa.

Năm 1775, Phường Cù lao Ré thuộc xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi đã nộp đơn xin cho phép đội Hoàng Sa và đội Quế Hương hoạt động trở lại theo thông lệ.

Năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng Hoàng đế, chính quyền Tây Sơn được củng cố một cách hoàn chỉnh và năm 1786, đã ra quyết định sai phái Hội Đức hầu, cai đội Hoàng Sa, chỉ huy 4 chiếc thuyền câu vượt biển ra Hoàng Sa làm nhiệm vụ như cũ. Ngoài ra còn có các đội Quế Hương, Đại Mạo, Hải Ba cũng được giao nhiệm vụ hoạt động trong Biển Đông.

Nhà nước Việt Nam thời nhà Nguyễn tiếp tục sử dụng đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa: Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn, thống nhất đất nước, tuy bận việc nội trị, vẫn tiếp



tục quan tâm đến việc bảo vệ, quản lý và khai thác khu vực hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tháng 7 năm 1803, vua Gia Long cho lập lại đội Hoàng Sa: Lấy cai cơ Võ Văn Phú làm thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa (theo *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhất kỷ, quyển 12).

Tháng giêng năm Ất Hợi (1815) vua Gia Long quyết định: “sai bọn Phạm Quang Ảnh thuộc đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa xem xét đo đạc thủy trình”... (*Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhất kỷ, q.50, tờ 6a).

Sang đời Minh Mạng, việc đo đạc thủy trình chủ yếu giao cho thủy quân thực hiện...

Năm 1833, 1834, 1836, Minh Mạng đã chỉ thị cho Bộ Công phái người ra Hoàng Sa để dựng bia chủ quyền, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ... mỗi thuyền vãng thám Hoàng Sa phải đem theo 10 tấm bài gỗ dài 4, 5 thước, rộng 5 tấc, “Vua Minh Mạng đã chuẩn y lời tâu của Bộ Công sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền đi, đem theo 10 cái bài gỗ dựng làm dấu mốc...”

Như vậy, suốt từ thời chúa Nguyễn đến thời nhà Nguyễn, đội Hoàng Sa, kiêm quản đội Bắc Hải, đã đi làm nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Những hoạt động này đã được các văn bản nhà nước ghi nhận, như: châu bản của triều đình nhà



Nguyễn, các văn bản của chính quyền địa phương như tờ lệnh, tờ tư, bằng cấp,... hiện đang được lưu trữ tại các Cơ quan lưu trữ nhà nước.

Trong giai đoạn lịch sử này, có một chứng cứ hết sức quan trọng không thể không đề cập đến khi chứng minh nhà nước phong kiến Việt Nam đã quản lý thật sự, hiệu quả đối với hai quần đảo này. Đó là việc tổ chức đơn vị hành chính của Hoàng Sa trong hệ thống tổ chức hành chính của nhà nước lúc bấy giờ. Thời chúa Nguyễn, Hoàng Sa thuộc Thừa tuyên Quảng Nam hay Quảng Nghĩa (Ngãi), lúc là phủ khi thì trấn: “Bãi Cát vàng trong phủ Quảng Nghĩa” (*Toản tập Thiên nam tứ chí lộ đồ thư*); “Hoàng Sa ở phủ Quảng Nghĩa (thuộc dinh Quảng Nam, huyện Bình Sơn, xã An Vĩnh)” (*Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn); sang thời Tây Sơn, phủ Quảng Nghĩa đổi thành phủ Hòa Nghĩa. Thời nhà Nguyễn, Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Giai đoạn Pháp thuộc

Theo Hiệp ước Pa-tơ-nôt năm 1884, Chính quyền thuộc địa Pháp đã tiến hành các hoạt động đại diện cho Nhà nước Việt Nam trong việc tiếp tục bảo vệ, quản lý và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, sau đây là một số hoạt động chủ yếu, có giá trị pháp lý:

Sau một thời gian tổ chức các cuộc nghiên cứu, khảo sát tại thực địa của các nhà khoa học và những cuộc trao đổi giữa



những chính khách Pháp có liên quan đến quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, ngày 8 tháng 3 năm 1925, Toàn quyền Đông Dương đã tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là bộ phận lãnh thổ thuộc địa của Pháp. Ngày 19 tháng 3 năm 1926, Thống đốc Nam Kỳ cấp giấy phép nghiên cứu mỏ ở đảo Trường Sa cho Công ty phosphat của Bắc kỳ.

Ngày 13 tháng 4 năm 1930, Thông báo hạm Malicieuse do thuyền trưởng De Lattre điều khiển ra quần đảo Trường Sa theo chỉ thị của Toàn quyền Đông Dương dựng bia chủ quyền, đóng giữ đảo Trường Sa và các đảo, đá, bãi phụ thuộc. Ngày 23 tháng 9 năm 1930, Chính phủ Pháp gửi thông báo ngoại giao cho các cường quốc về sự kiện đóng giữ quần đảo Trường Sa theo đúng thủ tục.

Ngày 31 tháng 12 năm 1930, Phòng đối ngoại Phủ Toàn quyền Đông Dương gửi báo cáo lên Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp về những hoạt động đóng giữ đảo Trường Sa và các đảo phụ cận, cũng như các tư liệu khảo cứu về pháp lý bảo vệ cho sự kiện đóng giữ này.

Ngày 11 tháng 01 năm 1931, Thống sứ Nam kỳ thông báo cho Toàn quyền Đông Dương về việc sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa.

Ngày 04 tháng 01 năm 1932, Chính phủ Pháp gửi Công hàm tới Công sứ Trung Quốc tại Paris khẳng định chủ quyền của Pháp đối với Hoàng Sa và đề nghị giải quyết tranh chấp



thông qua đàm phán hữu nghị hoặc bằng phương thức trọng tài quốc tế. Trung Quốc từ chối đề nghị này với lập luận rằng khi vua Gia Long chiếm hữu quần đảo này, Việt Nam là chủ hầu của Trung Quốc.

Ngày 21 tháng 12 năm 1933, Thống đốc Nam Kỳ J.Krautheimer ký Nghị định số 4762-CP sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa.

Ngày 18 tháng 02 năm 1937, Pháp lại chính thức yêu cầu Trung Quốc áp dụng phương thức trọng tài quốc tế để xác định chủ quyền quần đảo Hoàng Sa, Trung Quốc lại khước từ.

Ngày 26 tháng 11 năm 1937, Pháp phái kỹ sư trưởng J.Gauthier ra Hoàng Sa để nghiên cứu tìm địa điểm xây dựng đèn biển, bãi đỗ cho thủy phi cơ, nghiên cứu các điều kiện định cư ở quần đảo này.

Năm 1938, Pháp phái các đơn vị bảo an đến đồn trú trên các đảo và xây dựng một hải đăng, một trạm khí tượng được Tổ chức Khí tượng thế giới cho đăng ký với số hiệu là 48859 ở đảo Phú Lâm, một trạm vô tuyến điện TSF trên đảo Hoàng Sa.

Ngày 30 tháng 3 năm 1938, vua Bảo Đại ký Dụ số 10 sáp nhập Hoàng Sa vào tỉnh Thừa Thiên thay vì Nam Ngãi trước đây.

Ngày 15 tháng 6 năm 1938, Pháp xây xong trạm khí tượng ở đảo Ba Bình, quần đảo Trường Sa.

Ngày 15 tháng 6 năm 1938, Toàn quyền Đông Dương Jules Brevie ký Nghị định 156-S-V thành lập đơn vị hành chính cho quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Tháng 6 năm 1938, một đơn vị lính bảo an Việt Nam được phái ra đồn trú tại quần đảo Hoàng Sa. Một bia chủ quyền đã được dựng tại đảo Hoàng Sa có khắc dòng chữ: “Republique Francaise - Rayaume d’Annam - Achipel de Paracel 1816- Ile de Pattle 1938”.

Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, Nhật bản tuyên bố sáp nhập các quần đảo trong Biển Đông vào các vùng lãnh thổ mà Nhật đã chiếm đóng. Ngày 4 tháng 4 năm 1939, Chính phủ Pháp gửi Công hàm phản đối các quyết định nói trên của Nhật và bảo lưu quyền của Pháp tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Ngày 5 tháng 5 năm 1939, Toàn quyền Đông Dương J.Brevie ký Nghị định số 3282 tách đơn vị hành chính Hoàng Sa thành hai đơn vị: “Croissant và các đảo phụ thuộc”, “Amphitrite và các đảo phụ thuộc”.

Ngày 26 tháng 11 năm 1943, Tuyên bố Cairo về việc kết thúc chiến tranh với Nhật và giải quyết các vấn đề sau chiến tranh, trong đó có vấn đề lãnh thổ nước khác bị Nhật chiếm đóng từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 1 năm 1914.

Ngày 26 tháng 7 năm 1945, Tuyên bố Posdam khẳng định các điều khoản của Tuyên bố Cairo sẽ được thực hiện.



Ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật thua trận phải rút khỏi Đông Dương và ngày 26 tháng 8 năm 1945, quân đội Nhật phải rút khỏi quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Giai đoạn 1945 - 1975

Trong hoàn cảnh lịch sử cuối năm 1946 đầu năm 1947, mặc dù Việt Nam đã tuyên bố độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945, không còn ràng buộc vào Hiệp định Pa-tơ-nốt 1884, song Pháp cho rằng theo Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn nằm trong khối Liên hiệp Pháp, về ngoại giao vẫn thuộc Pháp, nên Pháp có nhiệm vụ thực thi quyền đại diện Việt Nam trong vấn đề chống lại mọi xâm phạm chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Theo Hiệp định ngày 8 tháng 3 năm 1949, Pháp dựng lên chính quyền thân Pháp, gọi là Quốc gia Việt Nam do cựu hoàng Bảo Đại đứng đầu; tuy nhiên, trong thực tế quân đội Pháp vẫn làm chủ Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1949, Tổ chức khí tượng thế giới (OMM: Organisation Mondiale de Meteorologie) đã chấp nhận đơn xin đăng ký danh sách các trạm khí tượng do Pháp xây dựng tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa vào danh sách các trạm khí tượng thế giới: Trạm Phú Lâm, số hiệu 48859, Trạm Hoàng Sa số hiệu 48860, Trạm Ba Bình số hiệu 48419.

Ngày 8 tháng 3 năm 1949, Pháp ký với Bảo Đại Hiệp định Hạ Long trao trả độc lập cho chính phủ Bảo Đại, tháng 4, Hoàng thân Bửu Lộc, tuyên bố khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa.

Ngày 14 tháng 10 năm 1950, Tổng trấn Trung phần Phan Văn Giáo đã chủ trì việc bàn giao quản lý quần đảo Hoàng Sa giữa Chính phủ Pháp và Chính phủ Bảo Đại.

Từ ngày 5 tháng 9 đến ngày 8 tháng 9 năm 1951, Hội nghị San Francisco có đại diện của 51 nước tham dự để ký kết Hòa ước với Nhật. Tại phiên họp toàn thể mở rộng, ngày 5 tháng 9, với 48 phiếu chống, 3 phiếu thuận, đã bác bỏ đề nghị của ngoại trưởng Gromurco (Liên Xô cũ) về việc tu chỉnh khoản 13 của Dự thảo Hòa ước, trong đó có nội dung: Nhật thừa nhận chủ quyền của CHND Trung Hoa đối với quần đảo Hoàng Sa và những đảo xa hơn nữa về phía Nam.

Ngày 7 tháng 9 năm 1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng của Chính phủ Quốc gia Việt Nam Trần Văn Hữu đã long trọng tuyên bố hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam. Không một đại biểu nào trong Hội nghị có bình luận gì về tuyên bố này. Ngày 8 tháng 9 năm 1951, Hòa ước với Nhật được ký kết. Điều 2, Đoạn 7 của Hòa ước đã ghi rõ: “Nhật Bản từ bỏ chủ quyền, danh nghĩa và tham vọng đối với các quần đảo Paracel và Sprathly” (khoản f).



Ngày 20 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết đã công nhận một nước có nền độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất. Điều 1 của Hiệp định đã quy định lấy sông Bến Hải (vĩ tuyến 17) làm giới tuyến tạm thời để phân chia quyền quản lý lãnh thổ giữa 2 miền Nam Bắc Việt Nam. Giới tuyến tạm thời này cũng được kéo dài bằng một đường thẳng từ bờ biển ra ngoài khơi (Điều 4). Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm dưới vĩ tuyến 17 nên thuộc quyền quản lý của chính quyền miền Nam Việt Nam.

Tháng 4 năm 1956, khi quân đội viễn chinh Pháp rút khỏi Đông Dương, quân đội quốc gia Việt Nam, về sau là Việt Nam Cộng hòa, đã ra tiếp quản nhóm phía Tây quần đảo Hoàng Sa.

Trước những hành động xâm chiếm một số đảo ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa do Trung Quốc và Phi-líp-pin tiến hành vào thời điểm giao thời này, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng phản đối: Ngày 24 tháng 5 và ngày 8 tháng 6 năm 1956, Việt Nam Cộng hòa ra thông cáo nhấn mạnh quần đảo Hoàng Sa cùng với quần đảo Trường Sa “luôn luôn là một phần của Việt Nam” và tuyên bố khẳng định chủ quyền từ lâu đời của Việt Nam.

Ngày 22 tháng 8 năm 1956, Tàu HQ04 của Hải quân Việt Nam Cộng hòa đã ra quần đảo Trường Sa cắm bia chủ quyền, dựng cờ, bảo vệ quần đảo trước hành động xâm chiếm trái phép, vi phạm chủ quyền Việt Nam của Đài Loan và Phi-líp-pin.



Ngày 20 tháng 10 năm 1956, bằng Sắc lệnh 143/VN, Việt Nam Cộng hòa đã đặt quần đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Phước Tuy.

Năm 1960, Việt Nam Cộng hòa đã có quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Bá Thước, cán bộ hành chính hạng 1 tại Tam Kỳ, Quảng Nam, giữ chức Phái viên hành chính Hoàng Sa; ngày 27 tháng 6 năm 1961, bổ nhiệm ông Hoàng Yêm giữ chức Phái viên hành chính Hoàng Sa. Ngày 13 tháng 7 năm 1961, Việt Nam Cộng hòa sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào tỉnh Quảng Nam. Ngày 11 tháng 4 năm 1967, Việt Nam Cộng hòa ban hành Nghị định số 809-NĐ-DUHC cử ông Trần Chuân giữ chức phái viên hành chính xã Định Hải (Hoàng Sa), quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Ngày 21 tháng 10 năm 1969, bằng Nghị định số 709-BNV-HCĐP-26 của Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa sáp nhập xã Định Hải (quần đảo Hoàng Sa) vào xã Hòa Long, quận Hòa Vang tỉnh Quảng Nam.

Ngày 13 tháng 7 năm 1971, tại Hội nghị ASPEC Manila, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa Trần Văn Lắm đã tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam.

Ngày 6 tháng 9 năm 1973, Tổng trưởng Nội vụ Việt Nam Cộng hòa ký Nghị định 420-BNV-HCĐP/26 sáp nhập quần đảo Trường Sa vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy.

Từ 17 tháng 01 đến 20 tháng 01 năm 1974, Trung Quốc huy động lực lượng quân sự đánh chiếm nhóm phía Tây, quần đảo Hoàng Sa. Mặc dù đã chiến đấu quả cảm, nhiều binh sỹ đã anh dũng hy sinh, quân lực Việt Nam Cộng hòa đã không can phá được hành động xâm lược của Trung Quốc. Tuy nhiên trên mặt trận ngoại giao Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng phản đối mạnh mẽ trước Liên Hợp quốc và cộng đồng quốc tế: ngày 19 tháng 01 năm 1974, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa đã ra Tuyên cáo kêu gọi các dân tộc yêu chuộng công lý và hòa bình lên án hành động xâm lược thô bạo của Trung Quốc.

Cũng trong thời gian này, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã tuyên bố nêu rõ lập trường của mình trước sự kiện này:

- Chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng đối với mỗi dân tộc.
- Vấn đề biên giới và lãnh thổ là vấn đề mà giữa các nước láng giềng thường có những tranh chấp do lịch sử để lại.
- Các nước liên quan cần xem xét vấn đề này trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt và phải giải quyết bằng thương lượng.

Ngày 01 tháng 02 năm 1974, Việt Nam Cộng hòa tăng cường lực lượng đóng giữ, bảo vệ quần đảo Trường Sa trong tình hình Trung Quốc tăng cường sức mạnh tiến hành xâm

chiếm lãnh thổ mà theo nhận định của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu: “Trung cộng sẽ đánh Trường Sa và xâm chiếm bằng vũ lực giống như Hoàng Sa, có sự tiếp tay hoặc làm nơ của Mỹ”.

Ngày 02 tháng 7 năm 1974, tại Hội nghị Luật Biển lần thứ 3 của Liên Hợp quốc tại Caracas, đại biểu Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng tố cáo Trung Quốc xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa bằng vũ lực và khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam, chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này là không tranh chấp và không thể chuyển nhượng.

Ngày 14 tháng 02 năm 1975, Việt Nam Cộng hòa công bố Sách trắng về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Giai đoạn 1975 đến nay

Ngày 05 tháng 4 năm 1975, Bộ Tư lệnh Hải quân Nhân dân Việt Nam đã triển khai kế hoạch tiếp quản quần đảo Trường Sa.

Từ ngày 13 đến 28 tháng 4 năm 1975, các lực lượng Quân đội Nhân dân Việt Nam đã tiếp quản các đảo có quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ, đồng thời triển khai lực lượng đóng giữ các đảo, một số vị trí khác trong quần đảo Trường Sa.



Ngày 05 tháng 6 năm 1975, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 02 tháng 7 năm 1976, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa 6 (1976-1981), Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất được bầu vào ngày 25 tháng 4 năm 1976, đã quyết định đổi tên nước là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoàn toàn có nghĩa vụ, quyền hạn tiếp tục quản lý và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Ngày 12 tháng 5 năm 1977, Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố về các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam, trong đó khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 28 tháng 9 năm 1979, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố Sách trắng: chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, trong đó đã giới thiệu 19 tài liệu liên quan đến chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tháng 12 năm 1981, Bộ Ngoại giao Việt Nam công bố Sách trắng “Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam”.



Ngày 12 tháng 11 năm 1982, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về hệ thống đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải ven bờ lục địa Việt Nam.

Ngày 09 tháng 12 năm 1982, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 193-HĐBT thành lập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai. Ngày 11 tháng 12 năm 1982, Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định số 194-HĐBT thành lập huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 12 năm 1982, Quốc hội khóa 7 nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết sáp nhập huyện Trường Sa vào tỉnh Phú Khánh.

Ngày 11 tháng 4 năm 2007, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Nghị định số 65/NĐ/CP quyết định thành lập 3 đơn vị hành chính trực thuộc huyện Trường Sa:

- Thị trấn Trường Sa, gồm đảo Trường Sa Lớn và phụ cận.
- Xã Song Tử Tây, gồm đảo Song Tử Tây và phụ cận.
- Xã Sinh Tồn, gồm đảo Sinh Tồn và phụ cận.

Năm 1988, CHND Trung Hoa đã huy động lực lượng vũ trang đánh chiếm các bãi cạn phía tây bắc quần đảo Trường Sa. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông báo cho Liên Hợp quốc và gửi các Công hàm tố cáo và phản đối Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã đánh chiếm các bãi cạn thuộc quần đảo Trường Sa: Chữ Thập, Châu Viên, Gaven, Tư Nghĩa, Gạc Ma, Su Bi.



Tháng 4 năm 1988, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố Sách trắng “Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và Luật pháp quốc tế”.

Ngày 01 tháng 7 năm 1989, tỉnh Phú Khánh được tách làm hai tỉnh: Phú Yên và Khánh Hòa, huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 1994, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết phê chuẩn Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Ngày 01 tháng 01 năm 1997, Đà Nẵng tách khỏi tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, huyện đảo Hoàng Sa trực thuộc thành phố Đà Nẵng.

Ngày 25 tháng 4 năm 2009, Thành phố Đà Nẵng công bố quyết định bổ nhiệm ông Đặng Công Ngữ giữ chức Chủ tịch UBND Huyện Hoàng Sa...

Cho đến nay, ngoài những hoạt động kể trên, Việt Nam đang đóng giữ và quản lý 21 vị trí tại quần đảo Trường Sa; không ngừng củng cố và phát triển các cơ sở vật chất phục vụ cho đời sống kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của huyện Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Như vậy, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ thiêng liêng không thể tách rời của Việt Nam. Việt Nam có đầy đủ chứng cứ về lịch sử, cơ sở pháp lý và thực tế để khẳng định điều đó.



2. Thực trạng trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của nước ta hiện nay

** Quần đảo Hoàng Sa*

Trung Quốc đã tranh chấp chủ quyền lãnh thổ với Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ XX (năm 1909), mở đầu là sự kiện Đô đốc Lý Chuẩn chỉ huy 3 pháo thuyền ra khu vực quần đảo Hoàng Sa, đổ bộ chớp nhoáng lên đảo Phú Lâm, sau đó phải rút lui vì sự hiện diện của quân đội viễn chinh Pháp với tư cách là lực lượng được Chính quyền Pháp, đại diện cho nhà nước Việt Nam, giao nhiệm vụ bảo vệ, quản lý quần đảo này.

Năm 1946, lợi dụng việc giải giáp quân đội Nhật Bản thua trận, chính quyền Trung Hoa Dân quốc đưa lực lượng ra chiếm đóng nhóm phía Đông quần đảo Hoàng Sa. Khi Trung Hoa Dân quốc bị đuổi khỏi Hoa lục, họ phải rút luôn số quân đang chiếm đóng ở quần đảo Hoàng Sa.

Năm 1956, lợi dụng tình hình quân đội Pháp phải rút khỏi Đông Dương theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ và trong khi chính quyền Nam Việt Nam chưa kịp tiếp quản quần đảo Hoàng Sa, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã đưa quân ra chiếm đóng nhóm phía Đông quần đảo Hoàng Sa.

Năm 1974, lợi dụng quân đội Việt Nam Cộng hòa đang trên đà sụp đổ, quân đội viễn chinh Mỹ buộc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa lại huy động lực lượng quân đội ra xâm chiếm nhóm phía Tây Hoàng Sa đang do quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ.



Mọi hành động xâm lược bằng vũ lực nói trên của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đều gặp phải sự chống trả của quân đội Việt Nam Cộng hòa và đều bị Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, với tư cách là chủ thể trong quan hệ quốc tế, đại diện cho Nhà nước Việt Nam quản lý phần lãnh thổ miền Nam Việt Nam theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, lên tiếng phản đối mạnh mẽ trên mặt trận đấu tranh ngoại giao và dư luận.

** Quần đảo Trường Sa*

- Dưới thời Pháp thuộc nhà nước phong kiến Việt Nam đã chiếm hữu và thực hiện chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa. Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, chính quyền Việt Nam Cộng hòa thực hiện chủ quyền đối với quần đảo và đóng quân trên một số đảo nổi.

- Trong chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, Hải quân nhân dân Việt Nam đã phối hợp với một bộ phận lực lượng quân khu 5 tiếp quản quần đảo Trường Sa, góp phần vào thắng lợi vĩ đại trọn vẹn của dân tộc, đưa non sông đất nước ta thu về một mối; từ một số đảo nổi ta giải phóng từ quân đội Việt Nam Cộng hòa cho tới nay chúng ta đã khẳng định chủ quyền và đóng giữ phần lớn các đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

- Hiện nay trên quần đảo Trường Sa có mặt lực lượng của 4 nước 5 bên và yêu sách về chủ quyền có 5 nước 6 bên, cụ thể:



+ *Trung Quốc*: Đánh chiếm 7 đảo, đá (đảo chìm): Đánh chiếm 6 đảo, đá năm 1988 (Chữ Thập, Châu Viên, Gạc Ma, XuBi, Tư Nghĩa, Ga Ven) và tháng 1/1995 đánh chiếm bãi đá Vành Khăn.

+ *Đài Loan*: Chiếm đóng đảo Ba Bình năm 1956, cắm mốc Bãi cạn Bàn Than năm 2005.

+ *Philipin*: Chiếm đóng 9 đảo: Song Tử Đông, Thị Tứ, Đảo Dừa, Loại Ta, Loại Ta Tây, Bình Nguyên, Vĩnh Viễn, Công Đo, Bãi cạn Cỏ Mây.

+ *Ma-lai-xia*: Chiếm đóng 7 đảo: Đá Suối Cát, Sắc Lót, Hoa Lau, Kiêu Ngựa, Kỳ Vân, Én Ca, Thám Hiểm.

+ *Brunây*: Không có đảo nào song vẫn yêu sách vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý đi qua phía Nam quần đảo Hoàng Sa.

+ *Việt Nam*: Thực thi chủ quyền và đóng giữ 21 đảo: Gồm 9 đảo nổi 12 đảo, đá ngầm, với 33 vị trí đóng quân. 9 đảo nổi: Đảo Trường Sa, Trường Sa Đông, An Bang, Sinh Tồn Đông, Phan Vinh, Song Tử Tây, Nam Yết, Sinh Tồn, Sơn Ca. 12 đảo đá ngầm: Đá Nam, Đá Lớn, Đá Lát, Đá Đông, Đá Tây, Đá Thị, Thuyền Chài, Cô Lin, Len Đao, Tiên Nữ, Núi Le, Tóc Tan. Các đảo của Việt Nam ngày càng được củng cố, phát triển cơ sở vật chất và đời sống kinh tế - xã hội nhằm từng bước xây dựng huyện đảo Trường Sa trở thành đơn vị hành chính ngang tầm với vị trí và vai trò trong hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa



Việt Nam. Những năm gần đây, đời sống vật chất và tinh thần của huyện đảo được nâng lên rõ rệt.

III. CÁC ĐẢO VIỆT NAM ĐANG ĐÓNG GIỮ Ở QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA HIỆN NAY

1. Đảo Trường Sa

Là một hòn đảo được mệnh danh là “*Thủ đô của huyện đảo Trường Sa*” giống như một pháo đài sừng sững kiên trung giữa Biển Đông, đảo Trường Sa ở tọa độ $08^{\circ}38,8' N$ và $111^{\circ}55,1' E$, nằm ở phía Nam và là đảo lớn của quần đảo Trường Sa, cách Cam Ranh (Khánh Hòa) khoảng 254 hải lý. Đảo có hình dáng gần như một tam giác vuông, mặt đảo bằng phẳng, thổ nhưỡng trên đảo là cát san hô được phủ một lớp mùn mỏng lẫn phân chim của nhiều loài chim sinh sống như hải âu, hải yến, vịt biển. So với mực nước biển lúc thủy triều xuống thấp nhất, mặt đảo cao khoảng 3,4m - 5m.

Do nằm trên nền san hô ngập nước, nền san hô ở phía Đông rộng thoải, phía Tây hẹp, dốc. Trên đảo có nước lợ nằm ở độ sâu khoảng 2m thuận tiện cho tắm, giặt, tưới cây, đây là sự ưu đãi của thiên nhiên cho con người ở đảo. Điều kiện khí hậu, thủy văn ở đảo Trường Sa mang đặc trưng khí hậu, thủy văn của quần đảo Trường Sa, có mùa hè mát mẻ, mùa đông ẩm áp. Mùa khô từ tháng 2 đến tháng 5, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 năm sau. Những tháng mùa khô khí



hậu rất khắc nghiệt, ngày nắng, nóng, oi bức kéo dài từ 04 giờ 30 phút đến 19 giờ hàng ngày, nhưng đây là thời kỳ sóng yên, biển lặng rất thuận lợi cho các đoàn khách từ đất liền ra kiểm tra, thăm hỏi, tham quan, động viên bộ đội và nhân dân trên đảo. Đồng thời cũng là mùa đánh bắt hải sản của ngư dân các tỉnh ven biển Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Vì thế, tuy có nắng nóng và thiếu nước ngọt nhưng đây là những tháng mà mọi hoạt động của cán bộ, chiến sỹ, dân và quân trên đảo trở lên sôi động hơn.

Thủy triều ở khu vực đảo là chế độ nhật triều, một lần nước lên, một lần nước xuống. Ở vĩ độ thấp, gần đường xích đạo, số ngày nắng trên đảo nhiều, trên dưới 300 ngày trong năm. Nằm giữa biển khơi, chịu sự chi phối của 3 đới gió mùa Đông Bắc, Đông Nam và Tây Bắc thường xuyên thay nhau thịnh hành mang hơi nước từ biển thổi vào, gây hư hại cho các trang thiết bị, vũ khí và sự sinh trưởng của cây cối. Những tháng mùa mưa thời tiết mát mẻ hơn nhưng lại hay có giông gió bất thường ảnh hưởng đến các hoạt động trên đảo.

Thực vật ở đảo chủ yếu là cây phong ba, bàng vuông, xương rồng, phi lao, muồng biển và một số loài cỏ lau thân mềm, cỏ lá kim nhưng sự phát triển, sinh trưởng kém do sự khắc nghiệt của khí hậu. Xung quanh đảo có nhiều loài ốc, cá, hải sâm. Chim có một số loài, nhiều hơn cả là cò và một số loài chim di cư theo mùa. Khu vực biển quanh đảo có nguồn hải sản phong phú có giá trị kinh tế cao thu hút nhiều tàu đánh



bắt cá xa bờ của ngư dân các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Khánh Hoà, Bình Thuận, Phú Yên... Chính điều kiện trên đã làm cho mảnh đất nơi đây in đậm những dấu vết của người Việt xưa. Những phát hiện khảo cổ là căn cứ lịch sử và pháp lý để khẳng định chủ quyền quần đảo Trường Sa là của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay.

Đảo Trường Sa (thị trấn Trường Sa) là Trung tâm hành chính của huyện đảo Trường Sa tỉnh Khánh Hoà; trên đảo có các công trình như: nhà đèn, nhà dân, chùa, trạm khí tượng thủy, nhà khách Thủ đô, nhà tưởng niệm Bác Hồ, tượng đài liệt sĩ... Nằm ở trung tâm quần đảo Trường Sa, đảo Trường Sa là nơi thuận tiện cho ngư dân tránh gió. Trên thực tế, nhiều năm qua ngư dân các tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên, Quảng Ngãi, Quảng Nam và một số địa phương ven biển Nam Bộ mỗi khi xa bờ, ra khơi sản xuất, bắt gặp có bão, giông, đau ốm, bệnh tật phần nhiều đã đến Trường Sa tạm lánh, cấp cứu, điều trị, tiếp nhận nước ngọt, lương thực, thực phẩm và rau xanh. Với vị trí thuận lợi, Trường Sa hoàn toàn có thể trở thành địa chỉ cung ứng dịch vụ nghề cá, cảng biển.

**** Những thành tích đạt được:***

- Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (1985). Huân chương chiến công hạng Ba (1984); hạng Nhì (tháng 2001); Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất (2004).



- Cờ Thi đua của Bộ Quốc phòng (1996, 2005 - 2009, 2010, 2011); Cờ của Tư lệnh Hải quân (12/2003); Cờ của Thủ tướng Chính phủ (1998, 2000, 2001, 2003); Cờ của Tư lệnh Hải quân (1997, 1996 - 2000) và (2001- 2005)”; Cờ Thi đua quyết thắng: 2001, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009.

- Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (1999).

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2000); Bằng khen của Bộ Văn hoá - Thông tin (2002); Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (1992-1997, 2004, 2001 - 2005, 2012); Bằng khen của Bộ Quốc Phòng (2004, 2006 - 2010); Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2006); Bằng khen của UBND tỉnh Khánh Hoà (2012).

2. Đảo An Bang

Đảo An Bang nằm ở tọa độ địa lý 07°53,59' N và 112°55,17' E, cách đảo Trường Sa 75 hải lý về phía Đông Nam, cách đá Thuyền Chài 21 hải lý về phía Tây Nam. Đảo nằm dài theo hướng Bắc - Nam với diện tích nổi và thềm san hô khoảng 2,1km².

Đảo An Bang nằm trên thềm san hô ngập nước. Khi thủy triều xuống thấp nhất, độ cao của đảo khoảng 3m, mép bờ đảo xa thềm khoảng 50m. Đảo do các tầng đá san hô liên kết với nhau tạo nên. Bờ đảo được bao bọc bởi các tầng đá san hô lớn. Bờ Tây là một dải cát hẹp. Bờ Nam bãi cát thường thay đổi theo mùa, từ tháng 4 đến tháng 7 hàng năm được bồi thêm



cát thành một bãi cát dài, đến tháng 8 bãi cát này biến mất và dịch sang bờ phía Đông của đảo. Do cấu trúc san hô của đảo dựng đứng nên 4 mùa sóng vỗ, do vậy việc ra vào đảo gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm. Nhiều chuyến tàu từ đất liền đến thăm cán bộ, chiến sỹ đảo An Bang vào đúng mùa sóng dữ đã không thể vào được đảo. Là đảo nhỏ trong quần đảo Trường Sa, đảo An Bang mang đặc điểm, tính chất khí hậu, thủy văn của quần đảo Trường Sa. Mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Số ngày nắng, nóng, giông tố lớn. Độ mặn trong hơi nước và không khí cao. Đảo không có nước ngọt. Thỏ nhưỡng là cát san hô, bề mặt có phủ một lớp mùn mỏng, nghèo chất dinh dưỡng, rất khó cho cây cối phát triển. Mùa hè nắng, nóng, oi bức ảnh hưởng đến chất lượng học tập, huấn luyện, sinh hoạt của bộ đội.

Nằm ở phía Nam của quần đảo Trường Sa, đảo An Bang có vị trí rất quan trọng như cầu nối giữa các đảo thuộc quần đảo Trường Sa với khu vực dầu khí nằm trên thềm lục địa phía Nam của Tổ quốc, cùng với các đảo trong quần đảo Trường Sa, đảo An Bang tạo thành lá chắn vòng ngoài, ngăn chặn các hoạt động chống phá, tiến công của kẻ thù trên hướng biển; không chế các máy bay quân sự, các tàu thuyền nước ngoài xâm phạm chủ quyền an ninh quốc gia; kết hợp với ngư dân các địa phương xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, trận địa chiến tranh nhân dân trên khu vực Nam Trường Sa. Về kinh tế, nằm gần đường hàng hải quốc tế tấp nập vào hàng thứ hai trên thế giới, nếu được đầu tư, đảo An Bang là địa



điểm làm dịch vụ hàng hải mang lại lợi nhuận cao. Để phục vụ cho hoạt động hàng hải trên biển trên đảo được xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng từ năm 1996. Trên các hồ của thềm san hô có nhiều loài tôm, cá quý hiếm như cá ngừ, cá mú, tôm hùm, rùa biển rất thuận tiện cho đánh bắt, chế biến, xuất khẩu.

**** Những thành tích đạt được:***

- Huân chương chiến công hạng Ba (2004).
- Danh hiệu Đơn vị quyết thắng (1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2008, 2009, 2010, 2013).
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (1999 - 2001); Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2007, 2008, 2011); Bằng khen của Tổng cục Chính trị (1992 - 2002, 2004, 2006, 2010); Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (2003, 2002 - 2007); Bằng khen của Vùng 4 (1997, 1996 - 2000).

3. Đảo Trường Sa Đông

Đảo Trường Sa Đông nằm ở toạ độ 08056,1' N và 112020,9' E cách Cam Ranh, Khánh Hòa khoảng 260 hải lý, cách đảo Đá Tây khoảng 6,0 hải lý về phía Đông Bắc, cách Đá Đông khoảng 13 hải lý về phía Tây Bắc. Đảo nằm trên bãi san hô ngập nước dài khoảng 1 hải lý. Phía Tây có một bãi cát nhỏ. Khi thủy triều thấp nhất, toàn bộ đảo và bãi cát đều khô nước. Thềm san hô xung quanh đảo độ dốc lớn, chỗ nhô ra, chỗ thụt vào. Bề mặt san hô không bằng phẳng, chỗ cao, chỗ thấp, khi nước thủy triều lên cao ngập bãi rất khó xác định độ



nông, sâu, gây nguy hiểm cho tàu, xuống ra vào. Lốp mùn san hô trên đảo mỏng, rất khó cho việc trồng cây xanh. Tương tự như các đảo khác trong quần đảo Trường Sa, thời tiết trên đảo Trường Sa Đông rất khắc nghiệt, nắng, mưa, giông gió thất thường, diện tích đảo lại hẹp nên việc ăn, ở, sinh hoạt của bộ đội khó khăn.

Cùng với các đảo trong quần đảo Trường Sa, đảo Trường Sa Đông có vị trí rất quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế, quốc phòng- an ninh. Nằm ở phía Đông Đông Bắc của đảo Trường Sa, từ Trường Sa Đông đến các đảo trong quần đảo Trường Sa không xa, thuận tiện cho việc giao lưu, trao đổi, học tập, xây dựng đảo không ngừng tiến bộ về mọi mặt, bảo vệ đảo trước âm mưu xâm chiếm của kẻ thù và tạo thành lá chắn vững chắc bảo vệ sườn phía Đông của đất nước.

Trong thềm san hô có nhiều loài hải sản quý như tôm hùm, cá ngừ, hải sâm, rùa biển và một số loài ốc có giá trị dinh dưỡng cao. Là một trong các đảo ở trung tâm của quần đảo Trường Sa, hàng năm số lượng tàu thuyền đi qua khu vực đảo Trường Sa Đông rất lớn, trong đó có nhiều tàu trọng tải từ 30.000 tấn trở lên, việc thực hiện các dịch vụ hàng hải sẽ mang lại lợi nhuận kinh tế cao. Do vị trí thuận lợi, hàng năm ngư dân các địa phương ven biển Trung Bộ, Nam Trung Bộ ra sản xuất, khai thác, đánh bắt hải sản tương đối đông, tạo thành thể trận quốc phòng- an ninh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, tài nguyên. môi trường và trật tự an ninh chính trị trong khu vực.



* Những thành tích đạt được:

- Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba (2009 - 2013).
- Danh hiệu đơn vị Quyết thắng (2005, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013).
- Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (2001); Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2006); Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2007, 2008, 2011, 2012, 2014); Bằng khen của UBND tỉnh Khánh Hòa (2011, 2012).
- Giấy khen của Tư lệnh Hải quân (2007); Giấy khen của Vùng 4 (1998, 1999); UBND tỉnh Khánh Hoà tặng 02 Bằng khen; Giấy khen của Tổng cục Chính trị (2012)

4. Đảo Sinh Tồn Đông

Đảo Sinh Tồn Đông nằm ở khu vực phía Bắc quần đảo Trường Sa, cách đảo Sinh Tồn khoảng 15 hải lý về phía Đông; nằm ở toạ độ $09^{\circ}54,18' N$ và $114^{\circ}33,75' E$. Đảo chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và nằm trên một nền san hô ngập nước. Rìa ngoài của nền san hô ngập nước cách bờ đảo từ 300m-600m. Xung quanh đảo có bờ cát rộng từ 5m - 10m; phía hai đầu đảo có hai doi cát. Doi cát phía Đông Nam dài hơn doi cát phía Tây Tây Bắc và có kích thước khoảng 140m x 45m, cả hai doi cát này thường di chuyển theo mùa sóng gió.

Đất trên đảo là cát san hô nên hầu như không trồng được cây ăn quả, rau xanh, chỉ phù hợp với các loại cây nước lợ



như mù u, phong ba, phi lao, rau muống biển, cây bàng quả vuông, cây bả táp, cỏ dại, đất qua cải tạo có thể trồng được rau xanh. Đảo không có nước ngọt.

*** Các thành tích đạt được:**

- Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2011, 2013).

- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2002 - 2004, 2008, 2009, 2010, 2011, 2014); Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2004); Bằng khen của Bộ Tư lệnh Hải quân (2003, 2009, 2010); Bằng khen của Vùng 4 (2000, 2001).

- Giấy khen của Vùng 4 (1999, 2007, 2008).

5. Đảo Phan Vinh

Đảo Phan Vinh hay còn gọi là đảo Hòn Sập, nằm ở tọa độ $08^{\circ}58,61' N$ và $113^{\circ}42,43' E$, nằm cách bãi đá Tóc Tan khoảng 14 hải lý về phía Tây Bắc và cách bãi đá Châu Viên (Trung Quốc chiếm giữ) khoảng 47 hải lý về phía Đông. Đảo nằm theo hướng Đông Bắc - Tây Nam trên một nền san hô hình vành khuyên, dài khoảng 5 hải lý, theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. ở phía Tây của vành san hô này có 1 xác tàu đắm luôn nhô cao trên mặt nước biển.

Đảo không có nước ngọt, có cây xanh, lúc thủy triều xuống thấp nhất, người có thể lội bộ từ đảo đến xác tàu đắm. Ở giữa vành đai san hô là một hồ nước sâu. Rìa ngoài của vành san hô ở hướng Bắc và đông Bắc đến bờ đảo dài khoảng



200m, ta xây dựng trên nền san hô đó 1 nhà lầu bên còn gọi là đảo Phan Vinh B. Tại điểm này có một lạch được dọn sạch đá san hô, rất tiện cho việc chèo xuống ra vào đảo; khi thủy triều xuống còn 0,4 đến 0,5m, người có thể lội qua thềm san hô để vào đảo mà nước cũng chỉ sâu đến đầu gối chân. Tại thềm san hô tận cùng phía Tây của vành san hô hình vành khuyên, cách mép sóng khoảng 200m có 1 bãi san hô, khi thủy triều xuống còn 1,7m thì bãi này bắt đầu nhô lên khỏi mặt nước và khi thủy triều còn khoảng 1,5m thì bãi đã nổi cao thành hình một bãi san hô dài khoảng 50m, rộng từ 5m - 10m.

**** Các thành tích đạt được:***

- Huân chương chiến công hạng Nhất (1985).
- Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (2003, 2004, 2006).
- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2007, 2009, 2010, 2011, 2014); Bằng khen của Tổng cục Chính trị ((2004, 2006, 2009); Bằng khen của Bộ Tư lệnh Hải quân (2003, 2010, 2012); Bằng khen của Vùng 4 (1997, 1999, 2000).
- Giấy khen của Bộ Tư lệnh Hải quân (2007).

6. Đảo Song Tử Tây

Đảo Song Tử Tây nằm ở toạ độ $11^{\circ}25,79'$ N và $114^{\circ}19,78'$ E, cách đảo Song Tử Đông (do Philíppin đang chiếm giữ) 1,5 hải lý. Về phía Nam cách 2,5 hải lý có đảo Đá Nam. Đảo Song Tử Tây có hình bầu dục, lòng đảo trũng xung quanh cao so với mực nước biển từ 4m - 6m đứng từ xa nhìn

đảo như một khu rừng thu nhỏ mọc lên giữa đại dương. Màu xanh của cỏ cây hoà quyện với màu xanh của biển tạo nên màu xanh thanh bình, ổn định. Đảo có nhiều nước lợ thuận lợi cho việc sinh hoạt và tưới cây, môi trường sinh thái của đảo khá thuận lợi.

Hình như biển cả đã bao dung, ưu ái tặng cho con người nơi đây vị ngọt ngào, chân chất của đất liền, để bù lại những con sóng mạnh dội vào không ngớt, cho nên điều kiện trên đảo nuôi được bò, lợn, gà, trồng được nhiều rau xanh các loại tươi tốt bốn mùa. Đặc sản của đảo có cây sâm đất, quân dân ta vẫn dùng làm nước uống.

Đảo Song Tử Tây (xã đảo Song Tử) là 1 trong 3 xã, thị trấn của huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hoà; bên cạnh các đơn vị quân đội, trên đảo có các hộ dân sinh sống, các công trình dân sự, văn hoá tâm linh như: Chùa, trạm khí tượng thủy văn của Nam Trung Bộ, Âu tàu với sức chứa hàng trăm tàu cá công suất lớn, đây là địa chỉ an toàn cho ngư dân đánh bắt cá xa bờ, đảo còn có một trạm dịch vụ sửa chữa, cung cấp dầu diezen, nước ngọt cho tàu cá của ngư dân với giá bán bằng giá trong đất liền.

*** Những thành tích đạt được:**

- Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (1999).
- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (1997, 1999); Cờ thi đua của Bộ Tư lệnh Hải quân (1998, 2000, 2005).



- Danh hiệu Đơn vị quyết thắng (2004, 2007, 2008, 2010, 2011, 2014).

- Bằng khen của Bộ Thủy sản (2006); Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (2006); Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2003 - 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2012); Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2004); Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (1996, 1997, 1999, 2001, 2003, 2003, 2004, 2012 và các giai đoạn 1995 - 1997, 1997 - 1999, 2005 - 2007); Bằng khen của Vùng 4 (2004); Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Giấy khen của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài.

7. Đảo Nam Yết

Đảo Nam Yết nằm ở phía Bắc quần đảo Trường Sa, nằm ở tọa độ $10^{\circ}10,79'$ N và $114^{\circ}21,9'$ E, cách đảo Sơn Ca khoảng 13 hải lý về phía Tây Nam, cách đảo Ba Bình (Đài Loan đang chiếm giữ) khoảng 11 hải lý về phía Nam, cách đá Ga Ven (Trung Quốc đang chiếm giữ) khoảng 7 hải lý về phía Đông, là một trong những đảo có vị trí chiến lược quan trọng trên quần đảo Trường Sa.

Đảo Nam Yết có dáng hình bầu dục hơi hẹp bề ngang, nằm theo hướng Đông - Tây. Khi thủy triều thấp nhất đảo cao khoảng từ 3m - 4m. Đất trên đảo là cát san hô nên hầu như không trồng được các loại cây ăn quả, rau, chỉ phù hợp với



các loại cây nước lợ như mù u, bàng quả vuông, phong ba, dừa và các loại cây leo, cỏ dại. Đất qua cải tạo có thể trồng được rau muống, bầu, bí. Đảo không có nước ngọt. Bãi san hô ngập nước bao quanh đảo, lan ra cách bờ từ 300m - 1.000m. Khi thủy triều thấp nhất, bãi san hô nhô lên khỏi mặt nước từ 0,2m - 0,4 m.

Về thời tiết, mùa mưa liên tục từ tháng 6 đến tháng 1 năm sau, thời gian kéo dài từ 6 đến 8 tháng, lượng mưa trung bình hàng năm từ 2.848mm - 3.235mm. Mùa khô từ tháng 2 đến tháng 5, thời gian kéo dài 4 tháng (*có năm kéo dài 5 tháng*). Nhiệt độ trung bình hàng năm ở đảo Nam Yết từ 25°C - 29°C, cao nhất 35°C, thấp nhất từ 14°C. Gió mùa Tây Nam thổi từ tháng 5 đến tháng 10. Gió Đông bắc từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau. Từ tháng 7 đến tháng 12 thường hay có bão đổ bộ vào đảo. Khi biển lặng, sóng cao từ 0,2m - 0,5m. Biển động, sóng cao từ 4m - 5 m. Từ tháng 8 đến tháng 12 là thời kỳ cao điểm mưa to, gió lớn, gây khó khăn cho tàu ta neo đậu làm nhiệm vụ tại đảo. Độ ẩm trung bình hàng năm trên đảo Nam Yết là 79%; độ ẩm cao nhất là 96%; thấp nhất: 61%. Độ ẩm cao mang theo nhiều hơi sương muối, làm cho trang bị vũ khí, khí tài nhanh xuống cấp và lương thực, thực phẩm nhanh hư hỏng.

*** Các thành tích đạt được:**

- Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (2004); Huân chương chiến công hạng Nhất (1985); Huân chương chiến công hạng Ba (2003).



- Cờ của Bộ Tư lệnh Hải quân (1992 - 2002, 1997, 1999, 2000, 2002, 1996 - 2000, 2010).

- Danh hiệu Đơn vị quyết thắng (1998, 2001, 2003, 2004, 2005, 2006, 2008, 2013).

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2000, 2014); Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2006 - 2010, 2011, 2014); Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2004); Bằng khen của Bộ Tư lệnh Hải quân (2001 - 2005, 2002 - 2007, 1996, 1997, 2004, 2007, 2010); Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hoà (2011).

8. Đảo Sinh Tồn

Đảo Sinh Tồn nằm ở khu vực phía Bắc quần đảo Trường Sa, nằm ở toạ độ $09^{\circ}53,15' N$ và $114^{\circ}19,75' E$ cách đảo Sinh Tồn Đông khoảng 15 hải lý về phía Tây. Đảo chạy dài theo hướng Đông - Tây. Rìa ngoài của nền san hô ngập nước cách bờ đảo từ 300m - 600m. Xung quanh đảo có bờ cát rộng từ 5m - 10m; phía hai đầu đảo theo hướng Đông - Tây có hai doi cát.

Đảo Sinh Tồn (xã đảo Sinh tồn) là 1 trong 3 xã, thị trấn của huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hoà; bên cạnh các đơn vị quân đội, trên đảo có các hộ dân sinh sống, các công trình dân sự, văn hoá tâm linh như: Chùa, trạm khí tượng thủy văn nằm trong hệ thống khí tượng thủy văn quốc gia và thế giới.

Đất trên đảo là cát san hô nên hầu như không trồng được cây ăn quả, rau xanh, chỉ phù hợp với các loại cây nước lợ



như mù u, phong ba, phi lao, rau muống biển, cây bàng quả vuông, cây bả táp, cỏ dại, đất qua cải tạo có thể trồng được rau xanh. Đảo không có nước ngọt.

*** Các thành tích đạt được:**

- Huân chương chiến công hạng Ba (10/1988); Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất (2004).

- Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (1996, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2008, 2011).

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2004); Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2004); Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2004, 2006 - 2008, 2010, 2014); Bằng khen Tư lệnh Hải quân (1997).

- Giấy khen của Tư lệnh Hải quân (2002 - 2003); Giấy khen của Vùng 4 (1996).

- Năm 2011 được Bộ Quốc phòng tặng 01 Bằng khen.

9. Đảo Sơn Ca

Đảo Sơn Ca nằm ở toạ độ $10^{\circ}22,6' N$ và $114^{\circ}28,7' E$; cách đảo Ba Bình 6,2 hải lý về phía Đông. Đảo hình bầu dục, hẹp ngang, nằm theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Trên đảo có nhiều cây cối xanh tốt, nhiều cây sống lâu năm lá xum xuê, rợp bóng mát rất thích nghi với điều kiện sinh sống của loài chim sơn ca. Do nhu cầu bản năng, chim sơn ca thường đến đây làm tổ, nuôi con và sinh sống nên người ta đặt tên cho đảo là Sơn Ca.



Là đảo nổi, mặt đảo bằng phẳng, thổ nhưỡng trên đảo là cát san hô, được phủ một lớp mùn mỏng lẫn phân chim, không có đất màu nên việc trồng rau xanh khó khăn. Nằm trên nền san hô ngập nước, đảo không có nước ngọt. Khí hậu, thủy văn ở đảo Sơn Ca mang đặc trưng khí hậu thủy văn của quần đảo Trường Sa, mùa hè mát, mùa đông ấm. Tuy nhiên do ở vĩ độ thấp nên thời tiết buổi trưa hơi oi bức. Mùa khô ở đảo bắt đầu từ tháng 2 đến tháng 5, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 năm sau. Những tháng mùa khô, thời tiết rất khắc nghiệt, ngày nắng, nóng kéo dài từ sáng sớm đến xẩm tối. Thủy triều ở đảo là chế độ nhật triều, một lần nước lên, một lần nước xuống. Số ngày nắng trên đảo thường dao động trên dưới 300 ngày trong năm. Đảo chịu sự chi phối của 3 đới gió mùa Đông Bắc, Đông Nam và Tây Nam, mạnh và hoạt động dài ngày là gió mùa Đông Bắc về mùa đông và gió mùa Tây Nam về mùa hè, mang hơi nước từ biển gây hư hại cho vũ khí, trang thiết bị và sinh trưởng của cây cối. Những tháng mùa mưa thời tiết mát mẻ hơn, nhưng hay có giông gió bão ảnh hưởng đến các hoạt động trên đảo. Thực vật ở đảo khá phong phú, đa dạng về chủng loại, song nhiều hơn cả là cây bàng quả vuông, sồi, phi lao, muống biển và một số loài cỏ thân mềm có nguồn gốc tự nhiên và do cán bộ, chiến sỹ mang từ đất liền ra đảo, lâu ngày phù hợp với điều kiện thời tiết, thiên nhiên của đảo nên phát triển tốt, xanh mát quanh năm. Có thể nói, cùng với Song Tử Tây, Sơn Ca là một trong hai đảo có thảm thực vật phong phú,



xanh tốt. Xung quanh đảo, biển có nhiều loài ốc, cá, hải sâm. Chim có một số loài, nhiều hơn cả là chim sơn ca và một số loài chim di cư theo mùa.

Xung quanh đảo Sơn Ca, phía sát ngoài rìa của thềm san hô có nhiều loài cá quý như chim, thu, ngừ, mú và một số loài hải sản có giá trị dinh dưỡng cao. Mùa sóng yên biển lặng, tàu thuyền ngư dân các địa phương ven biển Việt Nam và các nước trong khu vực đến đánh bắt, khai thác, chế biến hải sản tương đối đông đúc. Một số loài cá xuất khẩu mang lại lợi nhuận kinh tế cao như cá ngừ đại dương, cá mú đã cho thấy giá trị kinh tế của khu vực đảo.

*** Các thành tích đạt được:**

- Danh hiệu Đơn vị quyết thắng (1999, 2000, 2002, 2007, 2008, 2009, 2011, 2013).
- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2006, 2008, 2009, 2010); Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2004; 2010); Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (2002, 2010).

10. Đảo Đá Nam

Đảo Đá Nam nằm ở phía Bắc quần đảo Trường Sa, tọa độ $11^{\circ}23,32' N$ và $114^{\circ}17,8' E$, cách đảo Song Tử Tây khoảng 3,5 hải lý về phía Tây Nam, là một trong những đảo có vị trí quan trọng trên quần đảo. Đá Nam nằm theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Khi thủy triều thấp có nhiều đá mỏ côi nhô lên



khỏi mặt nước. Độ cao trung bình khoảng 0,3m. Phía Đông Nam của bãi cạn có một hồ nhỏ dài khoảng 600m rộng 150m, khi thủy triều thấp nhất độ sâu của hồ từ 3m - 15m.

Về thời tiết ở đây cơ bản chỉ có hai mùa; mùa khô và mùa mưa. Mùa khô từ tháng 2 đến tháng 4, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 năm sau. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 25°C - 29°C, thấp nhất 14°C, cao nhất 35°C. Độ ẩm trung bình hàng năm từ 76% - 80%, cao nhất là 97%, thấp nhất là 60%. Độ ẩm mang theo nhiều hơi sương muối làm cho trang bị vũ khí, khí tài nhanh chóng xuống cấp và lương thực thực phẩm nhanh chóng bị hư hỏng. Mỗi năm ở đây có tới hơn 130 ngày có gió mạnh từ cấp 6 trở lên. Gió Đông Bắc thổi từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, gió mùa Tây Nam thổi từ tháng 5 đến tháng 10. Tháng 4 là tháng ít có gió mạnh nhất, đây là thời điểm chuyển tiếp từ gió mùa Đông Bắc sang gió mùa Tây Nam. Từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm thường có bão đi qua khu vực đảo, biển động, sóng cao từ 4m - 5m, có những tháng cao điểm mưa to, gió lớn gây khó khăn cho tàu ra neo đậu làm nhiệm vụ tại đảo.

*** Các thành tích đạt được:**

- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2006; 2009, 2010, 2012, 2014); Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2010); Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (2005, 2006, 2011); Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2012, 2014).



11. Đảo Đá Lớn

Đảo Đá lớn thuộc bãi đá ngầm của nền san hô ngập nước, nằm ở toạ độ $10^{\circ}03,7' N$ và $113^{\circ}51,1' E$. Cách đảo Nam Yết khoảng 28 hải lý về phía Tây - Tây Nam. Bãi chạy theo hướng Bắc - Nam. Khí hậu thủy văn ở Đảo Đá Lớn mang đặc trưng khí hậu thủy văn của quần đảo Trường Sa, mùa hè mát, mùa đông ấm. Tuy nhiên do vĩ độ thấp nên buổi trưa hơi oi bức. Mùa khô ở đảo bắt đầu từ tháng 2 đến tháng 5, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 năm sau. Những tháng mùa khô thời tiết rất khắc nghiệt, ngày nắng nóng kéo dài từ sáng sớm đến tối xẩm. Tuy nhiên, đây lại là thời kỳ sóng yên, biển lặng rất thuận tiện cho tàu thuyền đi lại, làm ăn trong khu vực.

Chế độ thủy triều của đảo là nhật triều, một lần nước lên, một lần nước xuống. Số ngày nắng trên đảo thường giao động trên dưới 300 ngày trong năm. Đảo chịu sự chi phối của 3 đới gió mùa Đông Bắc, Đông Nam và Tây Nam. Mùa gió mạnh và hoạt động dài ngày là gió mùa Đông Bắc về mùa Đông và gió mùa Tây Nam về mùa hè, mang hơi nước mặn từ biển gây hư hại cho vũ khí, trang bị và ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ chiến sỹ trên đảo. Mùa mưa thời tiết mát mẻ hơn, nhưng hay có giông tố, bão, áp thấp.

Hiện nay ở đảo có các nhà lầu bèn, tùy thuộc vào sóng gió mà tàu ra đảo có thể vào neo đậu ở gần các nhà lầu bèn để làm công tác chuyển tải. Xung quanh Đá Lớn, sát ngoài rìa của thềm san hô có nhiều loài cá quý hiếm như: cá chim, cá



thu, cá ngừ và một số loài hải sản có giá trị dinh dưỡng cao. Mùa sóng yên biển lặng, tàu thuyền của các địa phương ven biển Việt Nam và các nước trong khu vực đến đánh bắt, khai thác, chế biến hải sản tương đối đông đúc. Từ vị trí địa lý và giá trị kinh tế của đảo Đá Lớn nói riêng cũng như khu vực quần đảo Trường Sa nói chung, càng khẳng định việc bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo và thêm lục địa có một ý nghĩa chiến lược rất to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

*** Những thành tích đạt được:**

- Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (2000, 2007).

- Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2004); Bằng khen của Bộ Tư lệnh Hải quân (2003, 2012); Bằng khen của Vùng 4 (1998, 1999, 2001).

- Giấy khen của Vùng 4 (2009).

12. Đảo Đá Thuyền Chài

Đảo Đá Thuyền Chài nằm ở tọa độ 08⁰11,0' N và 113⁰18,6' E cách đảo Trường Sa khoảng 87 hải lý về Đông Nam và cách đảo An Bang khoảng 20 hải lý về phía Đông Bắc. Đảo chạy theo hướng Đông - Tây Nam. Xung quanh đảo có thềm san hô chiều rộng khoảng 200m - 350m. Hai đầu thu nhỏ, giữa phình to, từ xa trông đảo có hình dáng một cái thuyền đánh cá của ngư dân, nên từ lâu người ta đặt tên cho đảo là đảo Thuyền Chài.



Phần phía Đông Bắc đảo có độ cao lớn hơn phần phía Đông Nam. Dọc theo suốt hai phần ba chiều dài của đảo, tính từ Tây Nam lên Đông Bắc, lác đác có những khối đá mò côi cao trên mặt nước từ 0,2m - 0,4m (khi thủy triều xuống còn 0,5m). Dọc theo một phần ba đảo còn lại, đá mò côi trồi lên mặt nước, dày hơn và cao hơn. Giữa đảo Thuyền Chài có một hồ nước sâu, khi thủy triều xuống thấp nhất vẫn bị ngập nước. Trong hồ có 3 bãi cát nhỏ nhô lên khi thủy triều xuống còn khoảng 0,5m và khi nước lớn, cả 3 bãi này đều bị ngập sâu 1 m.

Ở bờ phía Đông của hồ, phía Nam đảo Thuyền Chài, có một luồng cho tàu đi ra vào trong hồ. Thềm san hô - tính từ phía Đông Bắc của hồ lên phía Bắc chạy dài theo hướng Bắc Nam, dài khoảng 13km, rộng 3km. Trên nền san hô này có những mô đá. Đảo Thuyền chài hiện nay có các nhà lầu bên, mỗi điểm 2 nhà nối với nhau bằng cầu, trong đó có 01 nhà phục vụ ngư dân.

*** Các thành tích đạt được:**

- Huân chương chiến công hạng Ba (1988, 1995).
- Danh hiệu đơn vị Quyết thắng (2001, 2002, 2003, 2004, 2006).
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ 4 năm liên tục (2001 - 2004), Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2004, 2007, 2011), Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2004, 2006, 2009), Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (2003; 2007), Bằng khen



của Vùng 4 (2000, 2009), Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2011).

- Giấy khen của Tư lệnh Hải quân (2003).

13. Đảo Đá Cô Lin

Đảo Đá Cô Lin nằm ở tọa độ $09^{\circ}46,4' N$ và $114^{\circ}15,2' E$, nằm cách đảo Sinh Tồn khoảng 9 hải lý về phía Tây Nam, cách bãi đá Gạc Ma (Trung Quốc chiếm giữ) khoảng 1,9 hải lý về phía Tây Bắc và cách bãi đá Len Đảo khoảng 6,8 hải lý về phía Tây - Tây Nam. Đá Cô Lin có dạng một hình tam giác nhưng cạnh hơi cong, mỗi cạnh dài khoảng 1 hải lý. Khi thủy triều lên, đảo bị ngập chìm trong nước. Khi thủy triều xuống thấp, cả đảo chỉ lộ ra một vài hòn đá mờ mờ.

Điều kiện khí hậu, thủy văn ở đá Cô Lin mang đặc trưng khí hậu, thủy văn của quần đảo Trường Sa, có mùa hè mát mẻ, mùa đông ấm áp. Mùa khô từ tháng 2 đến tháng 5, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 năm sau. Những tháng mùa khô khí hậu rất khắc nghiệt, ngày nắng, nóng, oi bức kéo dài từ 4 giờ 30 phút đến 19 giờ hàng ngày.

Tuy nhiên đây là thời kỳ sóng yên, biển lặng rất thuận lợi cho các đoàn khách từ đất liền ra kiểm tra nắm tình hình, tham quan, động viên bộ đội trên đảo. Đồng thời cũng là mùa đánh bắt hải sản của ngư dân các tỉnh ven biển Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Ở vĩ độ thấp, gần đường xích đạo, số ngày nắng trên đảo nhiều, trên dưới 300 ngày trong năm. Nằm giữa biển khơi; chịu sự chi phối của 3 khối gió mùa

Đông Bắc, Đông Nam và Tây Bắc thường xuyên thay nhau thịnh hành mang hơi nước từ biển thổi vào, gây hư hại cho các trang thiết bị, vũ khí. Những tháng mùa mưa thời tiết mát mẻ hơn nhưng lại hay có giông gió bất thường, ảnh hưởng đến các hoạt động trên đảo.

Ở Đảo Đá Cô Lin và khu vực quần đảo Trường Sa có nhiều loài chim sinh sống, đặc biệt là cò và một số loài chim di cư theo mùa. Xung quanh đảo, phía sát ngoài rìa của thềm san hô có nhiều loài cá quý như chim, thu, ngừ và một số loài hải sâm có giá trị dinh dưỡng cao. Mùa biển lặng, tàu thuyền ngư dân nước ta và các nước trong khu vực đến đánh bắt hải sản tương đối đông đúc. Với vị trí tiền tiêu, Đảo Đá Cô Lin cùng phối hợp với các đảo khác của quần đảo Trường Sa tạo thành thế trận liên hoàn, vững chắc; là lá chắn vòng ngoài bảo vệ biển, đảo; bảo vệ hướng phía Đông của các tỉnh Nam Trung Bộ, Nam Bộ.

**** Các thành tích đạt được:***

- Danh hiệu đơn vị Quyết thắng (2005, 2006, 2008, 2010, 2011, 2013).

- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2000 - 2004, 2010, 2012, 2014), Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2004; 2008), Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (2010), Bằng khen của Vùng 4 (2000, 2001), Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Giấy khen của Vùng 4 (1996, 1997, 2009).



14. Đảo Đá Len Đảo

Đảo nằm ở toạ độ $09^{\circ}46,73'$ N và $114^{\circ}22,26'$ E, cách đảo Sinh Tồn về phía Đông Nam 6,5 hải lý, cách đá Cô Lin về phía Đông 6,4 hải lý, cách đá Gạc Ma về phía Đông Bắc là 5,5 hải lý. Bề mặt Đá Len Đảo tương đối bằng phẳng, khi nước thủy triều xuống thấp bãi san hô nổi lên khoảng 0,5m, khi nước thủy triều lên cao bãi ngập khoảng 1,8m. Bãi cát san hô trên đảo lấy tâm là nhà lâu bền cứ xoay một vòng là hết một năm, vào tháng 3, tháng 4 có gió mùa Đông Bắc bãi cát dịch chuyển về phía Tây Nam của đảo, khi nước triều lên có thời điểm bãi cát tạo thành hình bản đồ Việt Nam, đã có rất nhiều nhà báo đến thăm đảo chụp được hình ảnh có một không hai này.

Sự kiện ngày 14/3/1988 còn mãi in đậm trong tâm trí của mỗi người dân Việt Nam khi Trung Quốc dùng vũ lực xâm chiếm Trường Sa. Trong sự kiện này, 64 cán bộ, chiến sỹ cùng 3 tàu đã vĩnh viễn nằm lại trong lòng của biển cả. Các anh đã anh dũng ngã xuống khi tuổi đời còn tươi đẹp nhất và từ đó cho đến ngày nay cứ vào dịp 14/3 hàng năm, những người lính đảo lại thấp hương để tưởng nhớ tới các anh. Các con tàu đưa các đoàn đại biểu đến thăm, kiểm tra đá Len Đảo thường dừng lại, thả những vòng hoa xuống vùng biển và dành thời gian mặc niệm tưởng nhớ đến các đồng chí đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ quần đảo Trường sa của Tổ quốc.

** Các thành tích đạt được:*

- Danh hiệu đơn vị Quyết thắng (1989, 2003, 2004, 2008, 2010).

- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2009, 2010); Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2004, 2010); Bằng khen của Vùng 4 (1998, 1999, 2000, 2001, 2009)..

15. Đảo Đá Tiên Nữ

Đảo Đá Tiên Nữ nằm ở toạ độ $08^{\circ}51,3'N$ và $114^{\circ}39,3'E$, cách Cam Ranh 374 hải lý, cách đá Tốc Tan 35 hải lý về phía Đông. Chiều dài nhất khoảng 6,7 km, chiều rộng nhất khoảng 3km. Đảo là một vành đai san hô khép kín; gắn với câu chuyện huyền thoại về một người con gái xuất hiện giữa biển khơi, mang đến bình yên cho vùng này.

Khi thủy triều xuống còn khoảng 0,7m, có những gò san hô nổi lên, nhiều và cao nhất là rìa Bắc và rìa Đông của đảo. Ở rìa Đông có hai hòn đá mề côi luôn cao hơn mặt nước biển. Khi thủy triều xuống còn 0,1m, toàn bộ vành ngoài mép san hô đều nổi cao lên, có thể đi bộ quanh đảo. Thềm san hô quanh đảo có chiều rộng từ 300m - 500m. Phía trong vành đai san hô là hồ. Chiều dài hồ khoảng 5,8 km, chiều rộng khoảng 2,3 km. Điều kiện thời tiết, thủy văn của đảo Tiên Nữ mang đặc điểm kiểu thời tiết, thủy văn của quần đảo Trường Sa, mát về mùa hè, ấm về mùa đông; có hai mùa mưa và khô. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4. Đây là thời kỳ sóng biển tương đối êm ả, ít giống bão và không có thời tiết bất thường xảy ra. Chế độ thủy triều của đảo là nhật triều, một lần nước lên, một lần nước xuống. Lượng mưa phân bố không đều, về mùa khô cả tháng không



có giọt nước mưa, về mùa mưa có ngày lượng mưa lên tới 300 mm Đảo Đá Tiên Nữ có vị trí rất quan trọng. Từ đảo Tiên Nữ đến các đảo Tóc Tan, Núi Le, Phan Vinh và một số đảo ở phía Nam của quần đảo Trường Sa khoảng cách không xa, thuận tiện cho việc trao đổi thông tin, gặp gỡ, tiếp xúc giữa các đảo và là địa chỉ tin cậy của ngư dân các địa phương ra sản xuất trong khu vực này. Xung quanh đảo có nhiều loài tôm cá quý hiếm như cá ngừ, cá mú, cá tráp, tôm hùm, rùa biển dễ đánh bắt, khai thác, chế biến phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Hiện trên đảo đã có nhà lâu bền, là nơi học tập, sinh hoạt, công tác, ăn, ở, nghỉ ngơi của bộ đội. Trong lòng hồ có phao buộc tàu, luồng ra vào có tiêu chỉ dẫn, thuận tiện cho tàu thuyền.

** Các thành tích đạt được:*

- Danh hiệu đơn vị Quyết thắng (2000, 2002).
- Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2009), Bằng khen của Bộ Tư lệnh Hải quân (2002), Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hoà (2002), Bằng khen của Vùng 4 (1998, 1999, 2009).

16. Đảo Đá Núi Le

Đá Núi Le là bãi đá san hô ngầm, nằm ở toạ độ $08^{\circ}42,6'$ N và $114^{\circ}11,1'$ E, cách Cam Ranh hơn 300 hải lý, cách đảo Tóc Tan 6,0 hải lý về phía Đông. Đảo trải dài theo hướng Bắc - Nam, chiều dài khoảng 8,69 km, rộng khoảng 3,78 km, đảo



gồm 2 điểm là Núi Le A và Núi Le B. Đảo có thêm san hô xung quanh tương đối khép kín, bên trong là hồ, chiều dài 11 hải lý, chiều rộng 2,3 hải lý. Khi thủy triều xuống thấp nhất, rải rác có những điểm nhô lên khỏi mặt nước. Thời tiết khí hậu, thủy văn của đảo Núi Le phản ánh đặc trưng thời tiết, khí hậu, thủy văn của quần đảo Trường Sa, mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Nắng, nóng, giông gió thất thường. Lượng mưa phân bố không đều, mùa khô từ tháng 2 đến tháng 4 không có mưa, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 ngày nào cũng có mưa, có ngày lượng mưa hơn 200mm. Thủy triều của đảo là chế độ nhật triều, một lần nước lên, một lần nước xuống.

Đảo có vị trí rất quan trọng, là địa chỉ tin cậy của ngư dân các địa phương mỗi khi ra đánh bắt hải sản ở khu vực này. Trong khu vực đảo có nhiều loài tôm cá quý như cá ngừ, cá mú, tôm hùm, rùa biển đang được khai thác phục vụ cho nhu cầu đời sống của nhân dân và xuất khẩu mang lại lợi nhuận cao.

*** Các thành tích đạt được:**

- Danh hiệu đơn vị Quyết thắng (2004).
- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2009, 2010, 2011), Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2004), Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (2003, 2010),
- Giấy khen của Bộ tổng tham mưu (2012), Giấy khen của Vùng 4 (1996, 1999, 2000, 2007, 2008, 2009).



17. Đảo Đá Tốc Tan

Đảo Đá Tốc Tan nằm ở toạ độ $08^{\circ}48,7' \text{ N}$ và $113^{\circ}59,0' \text{ E}$, cách bãi Đá Đông khoảng 78 hải lý về phía Đông. Khi thủy triều xuống một số đá mò côi nhô lên khỏi mặt nước. Những ngày biển động, có thể phát hiện cụm bãi đá này từ xa nhờ sóng biển đập vào bờ san hô tung bọt trắng xoá. Thềm san hô phía Bắc rộng hơn phía Nam và tạo thành vành đai liên, còn thềm san hô phía Nam thường bị đứt quãng bởi các luồng vào hẹp và nông.

Độ sâu trung bình trong hồ của cụm bãi đá này tương đối lớn, giới hạn trong khoảng 15m - 25m. Trong hồ có nhiều đá mò côi lập lờ dưới mặt nước. Công binh Hải quân Việt Nam đã xây dựng trên thềm san hô của cụm bãi đá phía tây 3 nhà lâu bền: Một nhà ở thềm san hô phía Tây Bắc (*nhà B*); một nhà ở thềm san hô phía Bắc (*nhà C*); một nhà ở thềm san hô phía Đông Nam (*nhà A*).

** Các thành tích đạt được:*

- Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (2005, 2011).
- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2009, 2010, 2012), Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2006).
- Giấy khen của Tư lệnh Hải quân (2007), Giấy khen của Vùng 4 (2000, 2007).

18. Đảo Đá Đông

Đảo Đá Đông nằm ở toạ độ $08^{\circ}49,7' \text{ N}$ và $112^{\circ}35,8' \text{ E}$, cách đảo Đá Tây khoảng 19 hải lý về phía Đông, cách đảo

Châu Viên (Trung Quốc chiếm giữ) 10 hải lý về phía Tây. Đảo nằm theo hướng Đông Tây. Cấu trúc vành đai san hô phía Bắc cao hơn so với vành đai san hô phía Nam. Khi thủy triều Trường Sa xuống 0,4m thì vành đai san hô phía Bắc đã nhô lên khỏi mặt nước, vành đai san hô phía Nam thấp hơn, nên khi thủy triều xuống còn 0,2m thì vành đai san hô mới nhô lên khỏi mặt nước.

Đảo Đá Đông thuộc cụm Trường Sa trong quần đảo Trường Sa. Khí hậu thủy văn của đảo Đá Đông mang đặc trưng khí hậu thủy văn của quần đảo Trường Sa, mùa hè mát, mùa đông ấm hơn trong đất liền. Tuy nhiên do ở vĩ độ thấp nên thời tiết buổi trưa hơi oi bức. Mùa khô ở đảo bắt đầu từ tháng 2 đến tháng 5, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 năm sau. Những tháng mùa khô thời tiết rất khắc nghiệt, ngày nắng kéo dài từ sáng sớm đến tối xẩm. Tuy nhiên đây là thời kỳ sóng yên, biển lặng rất thuận tiện cho tàu thuyền đi lại, làm ăn trong khu vực, nhất là các đoàn khách từ đất liền ra không mấy khi gặp sóng to, gió lớn. Thủy triều trên đảo là chế độ nhật triều, một lần nước lên, một lần nước xuống. Số ngày nắng trên đảo thường dao động trên dưới 300 ngày trong năm. Đảo chịu sự chi phối của 3 đới gió mùa Đông Bắc, Đông Nam và Tây Nam, mạnh và hoạt động dài ngày là gió mùa Đông Bắc về mùa đông và gió mùa Tây Nam về mùa hè, mang hơi nước từ biển vào nên gây hư hại cho vũ khí trang bị và ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của bộ đội trên đảo. Những tháng mùa mưa thời tiết mát mẻ hơn nhưng hay có giông bão, ảnh hưởng tới hoạt động ở trên đảo.



Cùng với các đảo khác thuộc quần đảo Trường Sa, đảo Đá Đông là lá chắn vòng ngoài bảo vệ sườn phía Đông của các tỉnh Nam Trung Bộ. Xung quanh đảo Đá Đông, phía ngoài của thềm san hô có nhiều loài cá quý như chim, thu, ngừ, mú và một số loài hải sản có giá trị kinh tế cao. Mùa sóng yên, biển lặng, các loại tàu thuyền của ngư dân các địa phương ven biển Việt Nam và các nước trong khu vực đến đánh bắt, khai thác, chế biến hải sản tương đối đông đúc. Do đặc điểm là đảo đá ngầm, cho nên để bảo đảm cho lực lượng hải quân ăn ở, sinh hoạt và thực hiện nhiệm vụ, công binh Hải quân đã xây dựng trên bãi san hô Đá Đông những nhà lâu bền.

**** Các thành tích đạt được:***

- Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (2002, 2005, 2008, 2010).

- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2009, 2010), Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (2014), Bằng khen của Vùng 4 (1999, 2001). Năm 2012 Đá Đông C được Tư lệnh Hải quân tặng 01 Bằng khen.

- Giấy khen của Bộ Tổng tham mưu (2014), Giấy khen của Vùng 4 (2000, 2007)

19. Đảo Đá Tây

Đảo Đá Tây nằm ở phía Nam quần đảo Trường Sa, tọa độ $08^{\circ}51,5'N$ và $112^{\circ}13,1'E$, cách đảo Trường Sa khoảng 20 hải lý về phía Đông Bắc, là một trong những đảo có vị trí

quan trọng trên quần đảo. Đảo Đá Tây có dạng hình quả trám, nằm theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, ở giữa là một cái hồ, có độ sâu không đều. Chiều dài đảo có thể phân ra thành 4 đảo nhỏ riêng biệt được ngăn cách bằng các luồng. Ở bãi san hô phía Đông có một doi cát nổi lên, chỗ cao nhất khoảng 0,7m.

Thời tiết ở đây cơ bản chỉ có hai mùa: Mùa khô và mùa mưa. Mùa khô từ tháng 2 đến tháng 4, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 năm sau. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 26°C - 30°C , thấp nhất 15°C , cao nhất có khi lên đến 36°C . Độ ẩm trung bình hàng năm từ 76 đến 80%, cao nhất là 97%, thấp nhất là 60%. Độ ẩm mang theo nhiều hơi sương muối làm cho trang bị vũ khí, khí tài nhanh chóng xuống cấp và lương thực thực phẩm nhanh chóng bị hư hỏng. Mỗi năm có tới hơn 130 ngày có gió mạnh từ cấp 6 trở lên. Gió Đông Bắc thổi từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, gió mùa Tây Nam thổi từ tháng 5 đến tháng 10. Tháng 4 là tháng ít có gió mạnh nhất, đây là thời điểm chuyển tiếp từ gió mùa Đông Bắc sang gió mùa Tây Nam. Từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm thường có bão đi qua khu vực đảo, có những tháng cao điểm mưa to, gió lớn gây khó khăn cho tàu ra neo đậu làm nhiệm vụ tại đảo. Đảo Đá Tây hiện có 3 nhà văn hoá đa năng, chương trình góp đá xây Trường Sa xây 2 nhà và Ngân hàng Quân đội MB xây 01 nhà.

*** Các thành tích đạt được:**

- Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (2001, 2005, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011).



- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2008, 2009, 2010, 2011, 2012), Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2006; 2010), Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (2012), Bằng khen của Vùng 4 (1997), Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2012). Năm 2012, Đá Tây B được Tư lệnh Hải quân tặng Bằng khen.

- Giấy khen của Vùng 4 (1996, 2000). Năm 2012, Đá Tây A được Tổng cục Chính trị tặng 01 Giấy khen, , Đá Tây C được Bộ Tổng Tham mưu tặng 01 Giấy khen.

20. Đảo Đá Lát

Đảo Đá Lát nằm ở phía Nam quần đảo Trường Sa, tọa độ $08^{\circ}40,24' N$ và $111^{\circ}40,29' E$, cách đảo Trường Sa khoảng 14 hải lý về phía Tây. Đảo Đá Lát nằm theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Đá Lát là đảo san hô khép kín, phía trong là hồ nước, khi thủy triều lớn toàn đảo bị ngập nước, thủy triều xuống thấp các bãi san hô và đá mò côi nhô lên khỏi mặt nước.

Về thời tiết ở đây cơ bản chỉ có hai mùa: Mùa khô và mùa mưa. Mùa khô từ tháng 2 đến tháng 4, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 năm sau. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ $26^{\circ}C$ - $30^{\circ}C$, thấp nhất $15^{\circ}C$, cao nhất có khi lên đến $36^{\circ}C$. Độ ẩm trung bình hàng năm từ 76% - 80%, cao nhất là 97%, thấp nhất là 60%. Độ ẩm mang theo nhiều hơi sương muối làm cho trang bị vũ khí, khí tài nhanh chóng xuống cấp và lương thực thực phẩm nhanh chóng bị hư hỏng. Mỗi năm ở đây có tới hơn 130 ngày có gió mạnh từ cấp 6 trở lên. Gió Đông Bắc thổi



từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, gió mùa Tây Nam thổi từ tháng 5 đến tháng 10. Tháng 4 là tháng ít có gió mạnh nhất, đây là thời điểm chuyển tiếp từ gió mùa Đông Bắc sang gió mùa Tây Nam. Từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm thường có bão đi qua khu vực đảo, có những tháng cao điểm mưa to, gió lớn gây khó khăn cho tàu ra neo đậu làm nhiệm vụ tại đảo.

*** Các thành tích đạt được:**

- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2006, 2009, 2010, 2011), Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2010), Bằng khen của Tư lệnh Hải quân (2007), Bằng khen của Vùng 4 (1997, 2001).

- Giấy khen của Tổng cục Chính trị (2007), Giấy khen của Tư lệnh Hải quân (2007), Giấy khen của Vùng 4 (1996, 2007, 2008, 2010).

21. Đảo Đá Thị

Đảo Đá Thị nằm ở phía Bắc quần đảo Trường Sa, tọa độ $10^{\circ}24,7' N$ và $114^{\circ}35,15' E$, cách đảo Sơn Ca khoảng 6 hải lý về phía Đông - Đông Bắc, là một trong những đảo có vị trí quan trọng trên quần đảo. Đảo Đá Thị có hình hơi tròn và dẹt về hai đầu, nằm theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Đảo có độ dốc về hướng Đông Nam, độ sâu của đảo không đều, khi nước thủy triều cao khoảng 1,2m thì toàn bộ đảo nằm dưới mặt nước khoảng 0,6m. Khi mặt đảo nhô lên khỏi mặt nước 0,3m thì ở giữa đảo vẫn còn chỗ có nước. Về thời tiết ở đây cơ bản



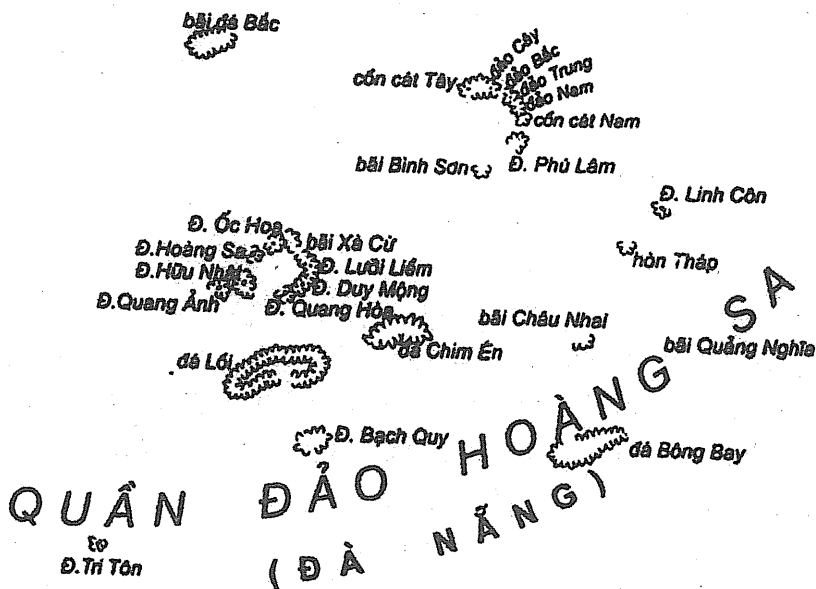
có hai mùa: Mùa khô và mùa mưa. Mùa khô từ tháng 2 đến tháng 4, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 năm sau. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 25°C - 29°C , thấp nhất 14°C , cao nhất 35°C .

Độ ẩm trung bình hàng năm từ 76% - 80%, cao nhất là 97%, thấp nhất là 60%. Độ ẩm mang theo nhiều hơi sương muối làm cho trang bị vũ khí, khí tài nhanh chóng xuống cấp và lương thực thực phẩm nhanh chóng bị hư hỏng. Mỗi năm ở đây có tới hơn 130 ngày có gió mạnh từ cấp 6 trở lên. Gió Đông Bắc thổi từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, gió mùa Tây Nam thổi từ tháng 5 đến tháng 10. Tháng 4 là tháng ít có gió mạnh nhất, đây là thời điểm chuyển tiếp từ gió mùa Đông Bắc sang gió mùa Tây Nam. Từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm thường có bão đi qua khu vực đảo, biển động, sóng cao từ 4m - 5m, có những tháng cao điểm mưa to, gió lớn gây khó khăn cho tàu ra neo đậu làm nhiệm vụ tại đảo.

**** Các thành tích đạt được:***

- Danh hiệu đơn vị Quyết thắng (2007).
- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2006, 2008).
- Giấy khen của Vùng 4 (2010).
- Lữ đoàn 146 tặng Danh hiệu đơn vị tiên tiến (2014).





Quần đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng

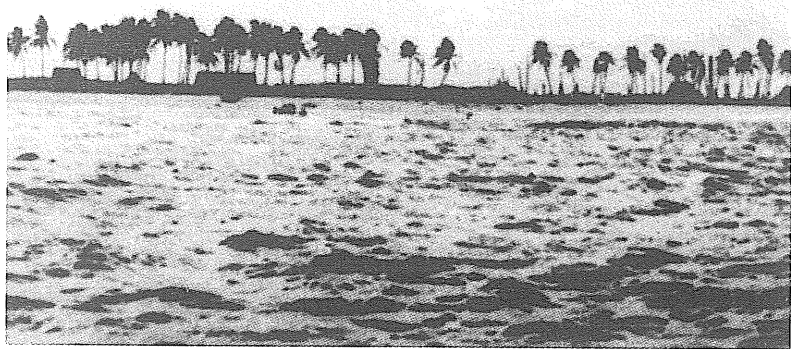
Nguồn: Bản đồ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
1/2.200.2000 Địa giới, địa danh trong nước theo tài liệu 364/CT-12-2010



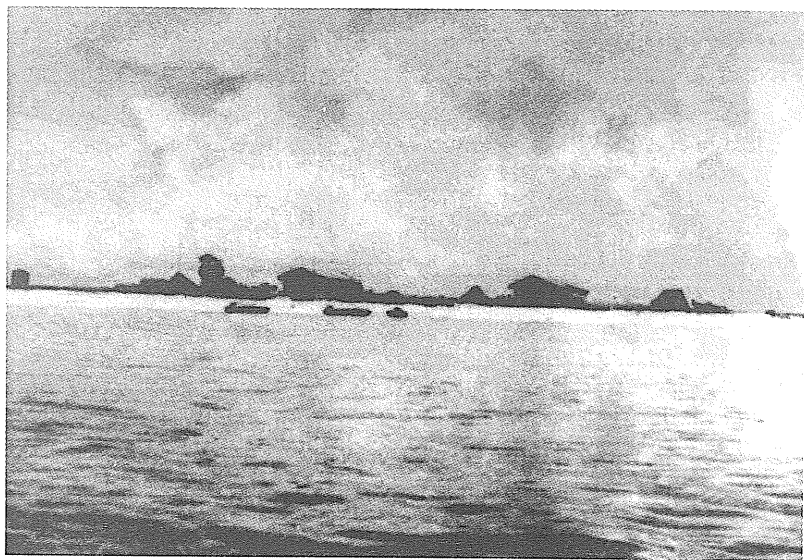
Toàn cảnh đảo Hữu Nhật



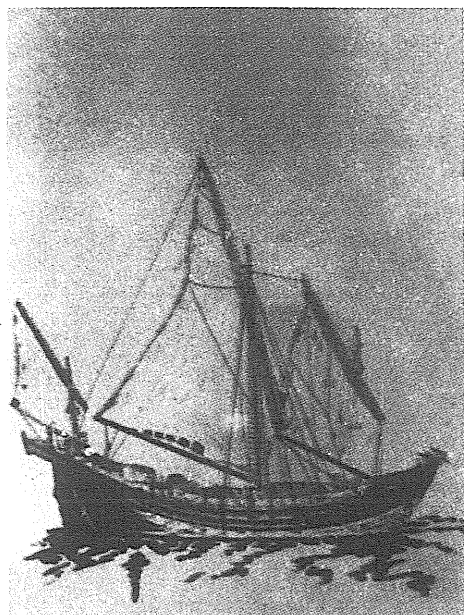
Toàn cảnh đảo Lưỡi Liềm



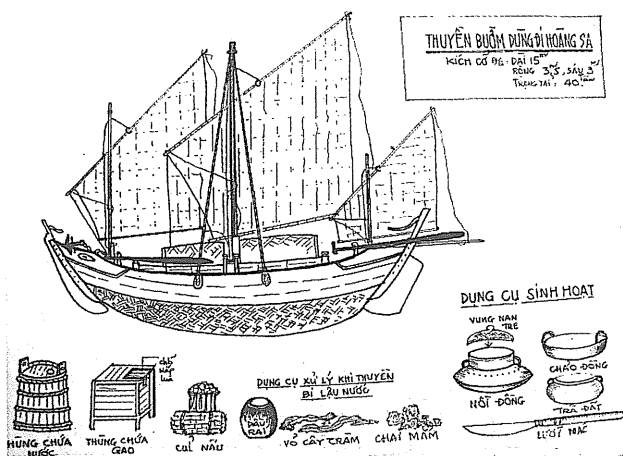
Toàn cảnh đảo Phú Lâm



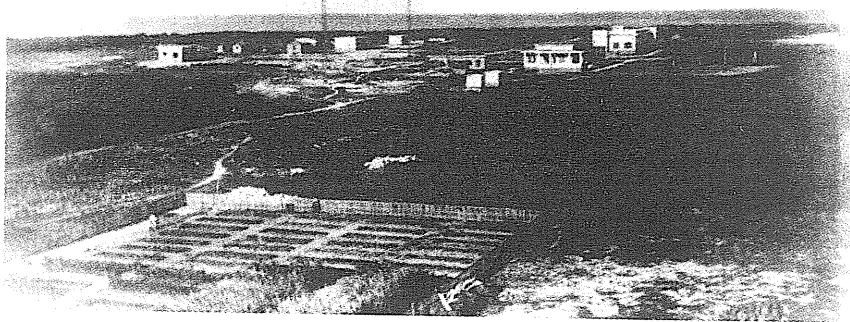
Bãi đá ngầm



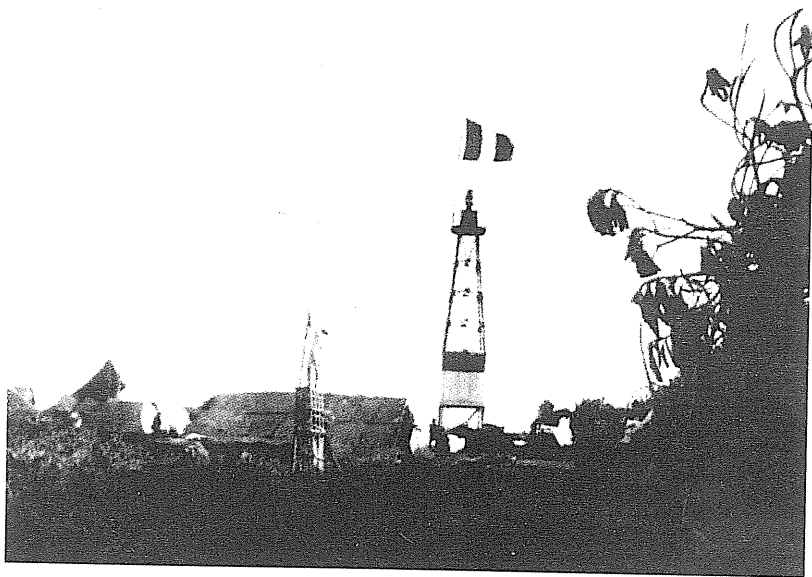
Thuyền buồm của đội Hoàng Sa vào thế kỷ XVII-XVIII



*Bản vẽ kỹ thuật thuyền buồm
 và một số vật dụng dùng để đi Hoàng Sa*



*Toàn cảnh cơ sở hành chính và kỹ thuật
trên đảo Hoàng Sa (1938)*



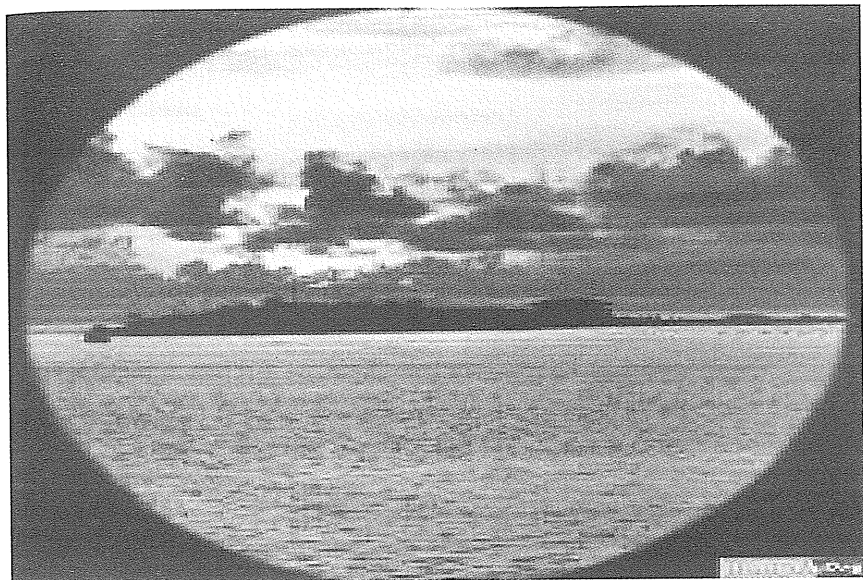
Cột hải đăng trên đảo Hoàng Sa (1939)



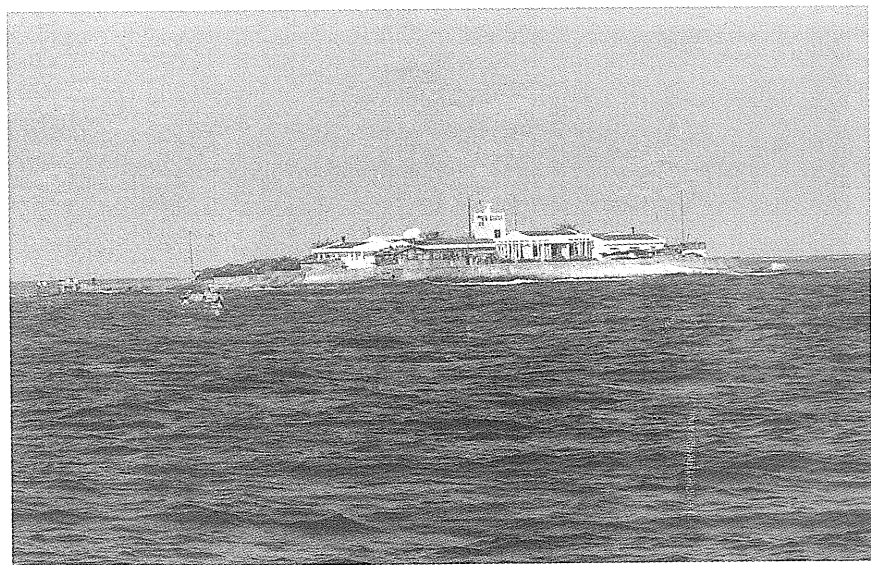
Đảo An Bang



Đảo Trường Sa Đông



Đảo Sinh Tồn Đông



Đảo Phan Vinh



Đảo Song Tử Tây



Đảo Nam Yết



Đảo Sinh Tồn



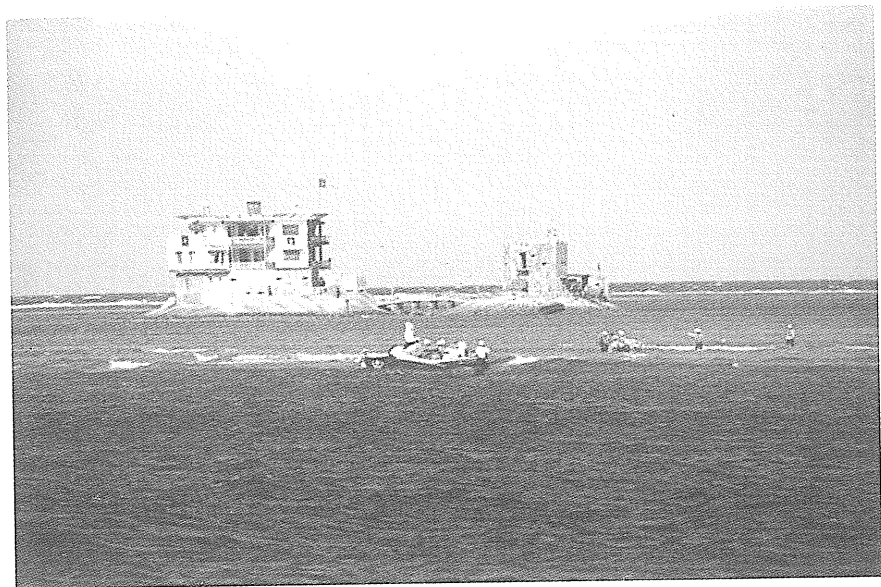
Đảo Sơn Ca



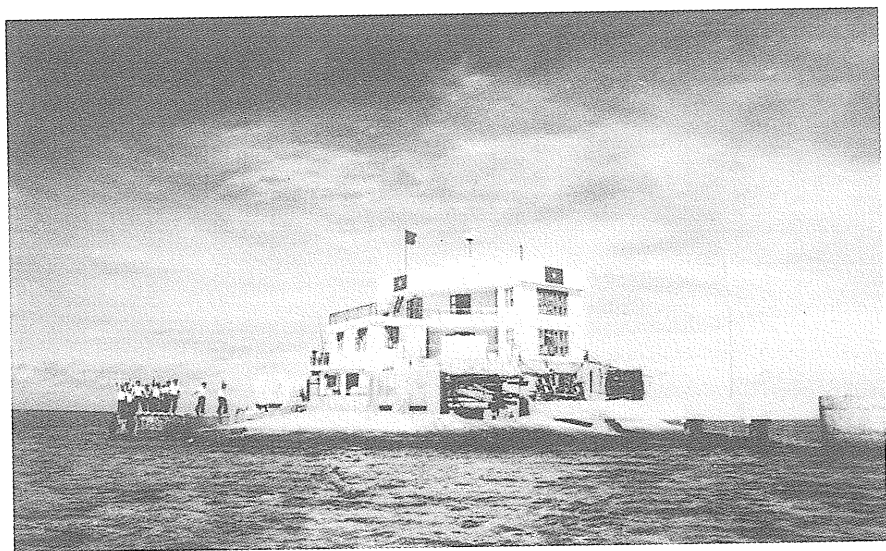
Đảo Đá Nam



Đảo Đá Lớn



Đảo Đá Thuyền Chài



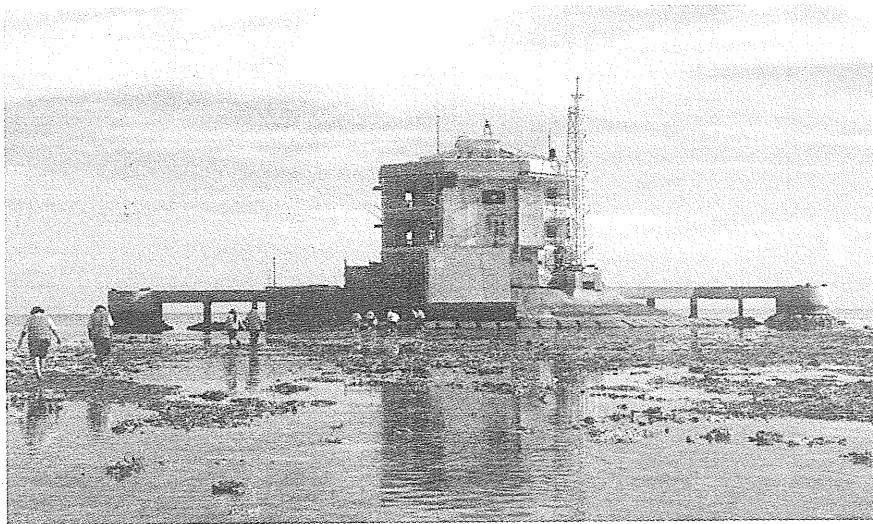
Đảo Đá Cô Lìn



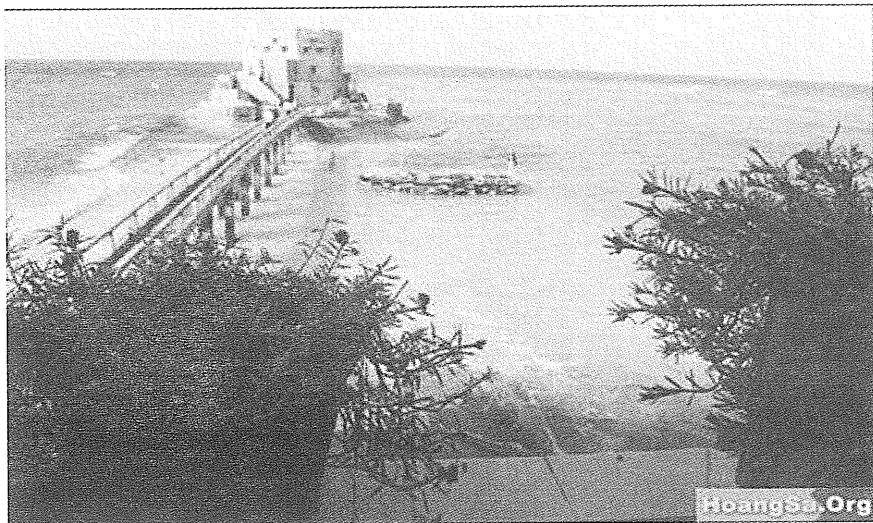
Đảo Đá Len Đảo



Đảo Đá Tiên Nữ



Đảo Đá Núi Le



Đảo Đá Tốc Tan



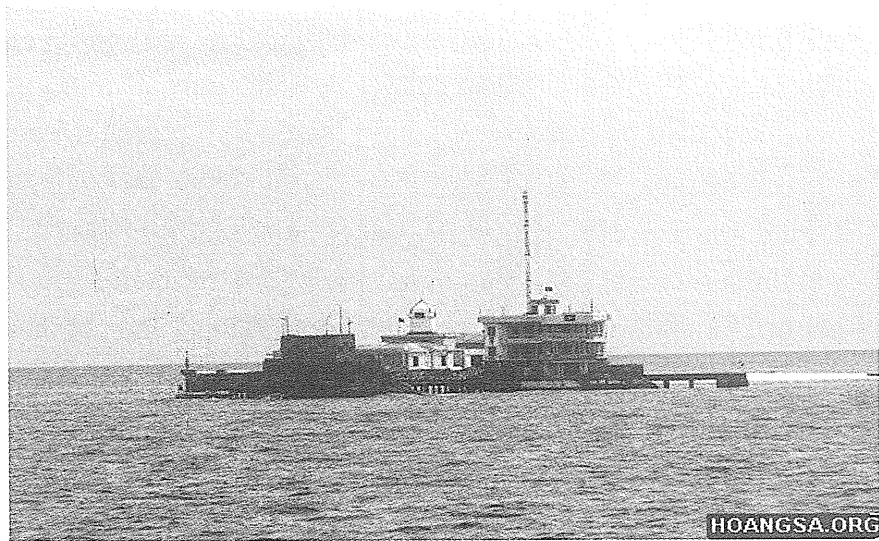
Đảo Đá Đông



Đảo Đá Tây



Đảo Đá Lát



Đảo Đá Thị



PHẦN III

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ THỀM LỤC ĐỊA PHÍA NAM CỦA TỔ QUỐC VÀ CÁC NHÀ GIÀN DK1

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM THỀM LỤC ĐỊA PHÍA NAM

1. Vị trí địa lý

DK1 là cụm Dịch vụ Kinh tế - Khoa học - Kỹ thuật được xây dựng dưới dạng các nhà giàn, trên thềm lục địa phía Nam của Việt Nam, cách đất liền khoảng 250 - 350 hải lý; có vị trí nằm trong giới hạn khoảng từ vĩ độ $07^{\circ}10,0' \text{ N}$ - $08^{\circ}30,0' \text{ N}$ và $109^{\circ}00,0' \text{ E}$ - $112^{\circ}30,0' \text{ E}$, thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Phía Đông Bắc và Đông khu vực DK1 là quần đảo Trường Sa; phía Nam là vùng biển của Việt Nam và vùng biển của các nước Malaixia, Ấnô-nê-xia; phía Tây là khu vực biển quần đảo Côn Đảo của Việt Nam.

Trên khu vực Biển Đông, Việt Nam đã xây dựng cụm 7 khu vực nhà giàn, mỗi nhà giàn là một trạm Dịch vụ Kinh tế - Khoa học - Kỹ thuật thuộc sự quản lý của Lữ đoàn 171 thuộc Vùng 2 Hải quân.

DK là chữ cái đầu viết tắt của cụm từ Dịch vụ Kinh tế - Khoa học - Kỹ thuật, được hiểu như một công trình phục vụ mục đích dân sự trên biển. Số 1 chỉ những nhà giàn ở vòng ngoài cùng, xa nhất, so với phía gần đất liền hơn là hệ thống DK2.

Trong khu vực DKI, nếu lấy Bãi cạn Quế Đường là vị trí gần trung tâm nhất thì khoảng cách từ Bãi cạn Quế Đường đến Vũng Tàu khoảng 254 hải lý; đến đảo Tri Tôn của quần đảo Hoàng Sa khoảng 481 hải lý; đến đảo Trường Sa thuộc quần đảo Trường Sa khoảng 99 hải lý; đến bờ biển của Ma-lai-xia khoảng 286 hải lý; đến đảo Na Tu Na Bắc của In-đô-nê-xia khoảng 233 hải lý; đến khu vực ranh giới ven biển Thái Lan và Ma-lai-xia khoảng 509 hải lý. Khoảng cách từ bãi Quế Đường đến bãi Phúc Nguyên khoảng 32 hải lý; đến bãi Tư Chính khoảng 55 hải lý; đến bãi Phúc Tần khoảng 16 hải lý và đến bãi Ba Kè khoảng 74 hải lý.

2. Đặc điểm địa hình

Khu vực biển DKI có đáy là một bãi thoải từ bờ kéo dài ra đến độ sâu 200m. Từ độ sâu trên 200m trở ra, độ sâu của đáy biển biến đổi nhanh và có độ dốc rất lớn. Trong khu vực DKI có một dãy cồn cao gần sát mép nước, tạo thành những rạn san hô nổi, các điểm nhô cao cách mặt nước trong khoảng (-3m) đến (-20m); có 9 vị trí bãi ngầm được đặt tên: Tư Chính, Phúc Nguyên, Phúc Tần, Huyền Trân, Quế Đường, bãi Vũng Mây, bãi Ba Kè, bãi Đất, bãi Đình. Các bãi này hình thành, phát triển theo hướng Đông Bắc-Tây Nam, cùng với hướng phát triển của các cụm đảo trong quần đảo Trường Sa.

Các bãi ngầm trong thềm lục địa DKI được cấu tạo bởi các lớp thủy thạch tra có độ dày tương đối lớn. Các bãi san hô ở đây phát triển trên thềm lục địa có độ sâu dày từ 500m -



1700m; trải qua nhiều thời kỳ biến đổi của thiên nhiên, các lớp san hô ở đây phát triển chồng lên nhau, tạo thành những bãi san hô. Cùng với thời gian và những chấn động của địa chất, các đám san hô, các vùng đáy biển nông mỗi ngày một phát triển, nhưng do điều kiện phát triển không đều nên đã tạo thành những vòng đai san hô ngầm và các bãi san hô ngầm ở khu vực thềm lục địa DKI.

3. Điều kiện khí tượng hải văn

Điều kiện khí tượng hải văn ở khu vực vùng biển DKI thể hiện rõ nét đặc trưng khí tượng của biển và Đại dương: mùa hè tiết trời mát mẻ, mùa đông ấm hơn trong đất liền. Chế độ gió, thường có gió mạnh xuất hiện từ tháng 11 năm trước đến tháng 2 năm sau, đây là thời kỳ thịnh hành của gió mùa Đông Bắc. Tháng 4 và tháng 10 là tháng ít có gió mạnh (*vận tốc trung bình dưới 5 m/giây*), rất thuận tiện cho hoạt động của tàu thuyền. Từ tháng 6 đến tháng 9 là thời kỳ thịnh hành của gió mùa Tây Nam, thời gian này số ngày có gió mạnh bắt đầu tăng lên, trong tháng trung bình từ 10 - 15 ngày có gió mạnh.

Bão thường xuất hiện từ tháng 10 năm trước đến tháng 1 năm sau, trong đó tháng 11 là tháng có tần suất bão đi qua lớn nhất trong năm; trung bình hàng năm có 2 - 4 cơn bão và áp thấp nhiệt đới hoạt động, với cường độ không lớn lắm và thường di chuyển theo hướng Tây - Tây Nam. Thời tiết ở khu vực này chia làm hai mùa: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa khoảng từ tháng 5 năm trước đến tháng 1 năm sau; mùa khô từ tháng 2 đến tháng 4 trong năm.



Nhiệt độ không khí, tương đối đồng nhất, nhiệt độ trung bình trong năm xấp xỉ $27,7^{\circ}\text{C}$. Chênh lệch nhiệt độ trung bình trong tháng không quá 1°C . Chênh lệch giữa giá trị cực tiểu và cực đại trung bình trong năm không vượt quá 3°C . Sương mù ở đây rất ít xuất hiện; thỉnh thoảng mới có hiện tượng sương mù bốc hơi nhưng tan rất nhanh. Nhưng hiện tượng đông lại rất phổ biến, quanh năm tháng nào cũng có đông xuất hiện; thời gian từ tháng 1 đến tháng 3 trong năm, số ngày có đông ít hơn, trung bình mỗi tháng chỉ có khoảng 1 ngày có đông; các tháng khác, số ngày có đông thường nhiều hơn.

Chế độ thủy triều, là chế độ nhật triều không đều, trong ngày có 1 lần nước lên xuống; vào kỳ nước kém, trong ngày thường có 2 lần triều lên xuống. Vào kỳ nước cường, biên độ thủy triều lớn nhất trung bình khoảng 1,2m - 2m; vào kỳ nước kém, biên độ thủy triều rất nhỏ, trung bình khoảng 0,2m - 0,5m.

Chế độ sóng, trong năm có hai mùa rõ rệt, phù hợp với 2 mùa gió (*Đông Bắc và Tây Nam*) có 2 hướng sóng đối lập nhau. Gió mùa Đông Bắc, hướng sóng chiếm ưu thế là hướng Đông Bắc, sau đó đến hướng Bắc hoặc hướng Đông; độ cao sóng trung bình khoảng 2m đến 2,5m, cực đại có thể đến 8m. Gió mùa Tây Nam, hướng sóng chiếm ưu thế là Tây Nam, sau đó đến Tây hoặc Nam; độ cao trung bình khoảng 1,5m - 1,7m, cực đại có thể đến 6m (*không kể sóng trong bão*). Trong các tháng chuyển tiếp (*tháng 4 hoặc tháng 10*), hướng sóng thay đổi theo hướng gió, không ổn định.

Chế độ dòng chảy ở đây là dòng chảy xoáy ở phạm vi lớn (do bãi ngầm luôn chìm sâu và phần lớn cách mặt nước từ 20m - 100m). Đầu mùa hè, dòng chảy thịnh hành theo hướng Đông Bắc, có vận tốc cực đại từ 1,5 đến 1,8 hải lý/giờ. Thời kỳ chuyển tiếp từ mùa hè sang mùa đông, dòng chảy thịnh hành theo hướng Đông, vận tốc trung bình từ 0,2 đến 0,4 hải lý/giờ. Thời kỳ chuyển tiếp mùa đông sang hè, dòng chảy thịnh hành theo hướng Bắc với vận tốc trung bình khoảng 0,3 đến 0,4 hải lý/giờ. Độ mặn của nước biển trong khu vực DKI khoảng 33,4 đến 34 phần nghìn, tương đối đồng nhất và thấp hơn so với một số khu vực ở quần đảo Trường Sa.

Khu vực vùng biển DK1 nằm án ngữ đường hàng hải quốc tế quan trọng, từ Đông Bắc Á xuống Đông Nam Á và tuyến đường hàng hải chính qua Biển Đông. Là khu vực biển có nguồn hải sản phong phú, với trữ lượng lớn, trong đó có nhiều loài thuộc dòng quý hiếm, có giá trị kinh tế cao. Đồng thời đây cũng là khu vực có nhiều mỏ dầu và khí tự nhiên với trữ lượng lớn, Việt Nam đã và đang khai thác phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Với vị trí địa lý quan trọng và nguồn tài nguyên phong phú như vậy, nên vùng biển DK1 có vai trò vô cùng quan trọng cả về kinh tế, chính trị, quốc phòng - an ninh và đối ngoại của nước ta. Song về điều kiện thời tiết khí hậu, hải văn ở đây diễn biến rất phức tạp, gây nhiều khó khăn cho các hoạt động hoạt động tuần tra, kiểm soát, đóng quân chốt giữ bảo vệ chủ quyền vùng biển, hải đảo và thềm lục địa của Tổ quốc của các lực lượng Hải quân Việt Nam ở khu vực này.



4. Quá trình xây dựng và bảo vệ Cụm kinh tế - khoa học - dịch vụ (DKI)

Ngày 17 tháng 10 năm 1988, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh ký văn bản 19/NQ-TƯ về việc bảo vệ khu vực bãi ngầm trong thềm lục địa phía Nam (DKI).

Ngày 3 tháng 7 năm 1989, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (nay là Chính phủ) ra Chỉ thị số 160/CT chính thức tuyên bố thành lập Cụm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ thuộc sự quản lý hành chính của Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo.

Năm 1989, Quân chủng Hải quân phối hợp với Bộ Tư lệnh Công binh, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Cục Dầu khí triển khai xây dựng 3 nhà giàn đầu tiên tại bãi ngầm Tư Chính (Lô 1), Phúc Tần (Lô 3) và Ba Kè (Lô 6). Năm 1990 đến 1991, tiếp tục xây dựng 3 nhà giàn trên các bãi ngầm còn lại là Phúc Nguyên (Lô 2); Huyền Trân (Lô 4) và Quế Đường (Lô 5).

Tiếp theo, từ năm 1993 đến 1998, Nhà nước tập trung đầu tư lớn, xây dựng phát triển mạnh số lượng, nâng cao chất lượng bền vững và khả năng hoạt động của các nhà giàn trên các bãi ngầm Lô 1, Lô 2, Lô 3, Lô 4, Lô 5 và Lô 6. Cụ thể là:

- Tại Lô 1 (Tư Chính), ngoài 2 giàn (DKI/IA và DKI/IB) xây dựng năm 1989, 1990; năm 1994, 1995 xây thêm trạm DKI/11, DKI/12 và DKI/14. Tại Lô 05 (Tư Chính) năm 2011 xây dựng mới trạm DKI/14.

- Tại Lô 2 (Phúc Nguyên), ngoài nhà giàn DKI/6 xây dựng năm 1990, năm 1995 xây dựng thêm nhà giàn DKI/15. Năm 2011 xây dựng mới trạm DKI/15.

- Tại Lô 3 (Phúc Tần), nhà DKI/3 xây dựng năm 1989, tháng 12 năm 1990 bị bão làm đổ, đến năm 1993 xây dựng lại (hiện là nhà giàn DKI/2 Phúc Tần A) và năm 1996, 1997 xây dựng 3 nhà giàn DKI/16, DKI/17, DKI/18.

- Tại Lô 4 (Huyền Trân) năm 1991 xây dựng nhà DKI/7.

- Tại Lô 5 (Quế Đường), ngoài nhà giàn DKI/8 xây dựng năm 1991, năm 1997 xây dựng thêm nhà giàn DKI/19.

- Tại Lô 6 (Ba Kè), ngoài nhà giàn DKI/3 xây dựng năm 1989, đến năm 1993 xây dựng thêm nhà trạm DKI/9, đến năm 1998 tiếp tục xây dựng nhà giàn DKI/20 và DKI/21.

Tính đến năm 2010, Nhà nước đã đầu tư xây dựng 20 nhà giàn trên 6 bãi ngầm ở khu vực DKI. Song do bão, sóng gió lớn nên nhà giàn DKI/3 (Phúc Tần) bị đổ năm 1990; nhà DKI/6 (Phúc Nguyên) bị đổ năm 1998; nhà DKI/5 (Tư Chính) bị đổ năm 1999 và nhà DKI/4 (Ba Kè) bị đổ năm 2000, và nhà DKI/1 (Tư chính) cũng không còn nguyên vẹn, do sóng gió đánh nghiêng cũng bị rung lắc mạnh.

Hiện nay có 15 nhà giàn hiện diện vững chắc trên các bãi ngầm khu vực DKI; thường trực tại đây là các cán bộ, nhân viên của các Ngành bảo đảm hàng hải, khí tượng, thủy văn, dầu khí ngày đêm làm nhiệm vụ bảo vệ và phục vụ đất nước.

II. NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ CÁC NHÀ GIÀN DKI TRÊN THỀM LỤC ĐỊA VIỆT NAM

1. Tư Chính

Bãi ngầm Tư Chính thuộc thềm lục địa Việt Nam nằm ở trong giới hạn khoảng từ toạ độ $07^{\circ}29,05'$ N đến $07^{\circ}33,33'$ N và $109^{\circ}37,5'$ E đến $109^{\circ}54,96'$ E, cách bãi Quế Đường 55 hải lý về phía Tây Nam. Điểm nhô cao nhất của bãi Tư Chính sâu cách mặt nước khoảng 16m, vị trí cách Vũng Tàu khoảng 229 hải lý về phía Đông Nam. Bãi ngầm Tư Chính có vị trí rất quan trọng trong xây dựng, phát triển kinh tế biển và công tác quản lý chủ quyền vùng biển trên khu vực DKI; phạm vi bãi ngầm trong khoảng độ sâu 16m đến độ sâu 20m có độ dài khoảng 57km, chiều rộng nơi rộng nhất khoảng 13km, hướng phát triển chạy dài theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Tư Chính là bãi ngầm lớn, ở cạnh đường hàng hải quốc tế, nên có vị trí rất quan trọng đối với việc tổ chức lực lượng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên biển và quản lý, bảo vệ chủ quyền vùng biển của Tổ quốc.

Thực hiện chủ trương xây dựng Cụm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ (DKI), từ ngày 22 đến 27 tháng 6 năm 1989, Tổng cục dầu khí phối hợp với Bộ Tư lệnh Công binh tiến hành lắp dựng xong nhà giàn đầu tiên tại bãi ngầm Tư Chính (tên địa danh hành chính là Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Tư Chính, thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Nhà giàn Tư Chính A (DKI/1) thiết kế theo kiểu chôn cột giàn khoan, đặt ở vùng



nước sâu 23m, chiều cao công trình là 39,5m, cách mặt nước biển lúc triều cường là 11m; tháng 11 năm 1990, Nhà nước tiếp tục cho dựng lắp tại đây Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Tư Chính B (Nhà giàn DKI/5). Ngày 5 tháng 8 năm 1994, khung đơn vị nhà giàn DKI/11 tiếp nhận Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Tư Chính C (nhà giàn DK1/11). Ngày 8 tháng 8 năm 1994, khung đơn vị nhà giàn DKI/12 tiếp nhận Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Tư Chính Đ (nhà giàn DK1/12). Ngày 20 tháng 4 năm 1995, khung đơn vị nhà giàn DKI/14 tiếp nhận Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Tư Chính E (nhà giàn DKI/14).

Như vậy liên tục từ năm 1989 đến 1995, Nhà nước ta xây dựng 5 trạm dịch vụ trên bãi ngầm Tư Chính. Kết cấu của nhà vững chắc, có thể chống chọi, chịu đựng sóng trên cấp 12. Đến năm 1999, sau gần 10 năm dựng lắp và hoạt động trong môi trường thiên nhiên khắc nghiệt, nhà Trạm dịch vụ Tư Chính B (DKI/5) xuống cấp không đảm bảo an toàn, toàn bộ khung nhà giàn DKI/5 rút vào bờ và tháng 12 năm 1999 Trạm dịch vụ Tư Chính B bị sóng đánh đổ xuống biển. Sau nhà Trạm DKI/5 là Trạm dịch vụ Tư Chính E (DKI/14) cũng bị sóng đánh làm nhà bị nghiêng. Tháng 12 năm 1999, các đơn vị kỹ thuật của Nhà nước khẩn trương tu sửa, gia cố nhà Trạm Tư Chính E. Sau khi hoàn thành gia cố, năm 2001 tiếp tục hoạt động. Đặc điểm nổi bật của khu vực Tư Chính là nằm cạnh đường hàng hải quốc tế là khu vực biển hoạt động nhảy cảm và hết sức phức tạp, các thế lực bên ngoài thường xuyên

sử dụng tàu nghiên cứu, tàu cải dạng, tàu chiến vào thăm dò địa chấn, trinh sát, quấy rối, vi phạm quyền chủ quyền của ta ở khu vực thềm lục địa phía Nam Tổ quốc. Ngoài ra, có nhiều tàu cá Trung Quốc, Hồng Kông, Philippin, xuống đánh bắt trái phép hải sản ở khu vực này. Hoạt động của tàu nước ngoài tập trung nhiều vào các tháng 3, 4, 5 và tháng 9 tháng 10, thời kỳ sóng yên, biển lặng. Bởi vậy, công tác bảo vệ các nhà trạm Tư Chính luôn căng thẳng, đặt ra yêu cầu rất cao.

*** Các thành tích đạt được:**

- Danh hiệu đơn vị Quyết thắng (2011, 2014).
- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2010).
- Nhà giàn DKI/11 (Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Tư Chính 3) được Quân chủng Hải quân tặng Bằng khen (2001).
- Nhà giàn DKI/12 (Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Tư Chính 4) được Bộ Tổng Tham mưu tặng Bằng khen (2008).
- Nhà giàn DKI/14 (Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Tư Chính 5) được Bộ Tư lệnh Quân chủng tặng Bằng khen (1996, 1998, 2004),
- Giấy khen của Bộ Tư lệnh Vùng 2 (2010).

2. Phúc Nguyên

Bãi Phúc Nguyên thuộc thềm lục địa phía Nam nằm ở trong khoảng tọa độ từ $07^{\circ}48,16'$ N đến $07^{\circ}55,0'$ N và $109^{\circ}55,91'$ E đến $100^{\circ}0,0'$ E; cách Vũng Tàu khoảng 225 hải lý về phía Đông Nam. Tiếp giáp với bãi ngầm Phúc Nguyên



về phía Tây Nam là bãi ngầm Tư Chính; phía Đông là bãi ngầm Quế Đường; phía Đông Bắc là bãi ngầm Phúc Tân và phía Đông Đông Bắc là bãi ngầm Huyền Trân.

Bãi ngầm Phúc Nguyên, theo truyền thuyết kể lại là Nguyễn Phúc Nguyên, con thứ sáu của đức Triệu Tổ Nguyễn Hoàng và Hoàng Hậu họ Nguyễn, ngài sinh ngày 28 tháng 7 năm Quý Hợi (16/8/1563), khi Hoàng Hậu có thai chiêm bao thấy thần nhân cho tờ giấy viết đầy cả chữ “Phúc”, nhiều người đã đề nghị Bà lấy chữ “Phúc” đặt tên con thì Bà cho rằng nếu đặt tên con thì chỉ một người được hưởng phúc, Bà bèn đặt tên con là Nguyễn Phúc Nguyên.

Bãi Phúc Nguyên là một bãi thoải không đều, nằm chìm dưới mực nước biển; điểm nhô cao nhất nằm dưới mặt nước khoảng 18m, điểm nhô thấp nhất nằm sâu dưới mặt nước tới 200m. Từ độ sâu trên 200m trở ra, độ sâu của đáy biển biến đổi nhanh và có độ dốc rất lớn. Phạm vi nằm ở độ sâu khoảng từ 16m - 20m, bãi ngầm Phúc Nguyên có chiều dài khoảng 30km, chiều rộng nơi rộng nhất khoảng 21km, phát triển chạy dài theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, đặt ở vị trí độ sâu mực nước trung bình 21m.

Đầu tháng 12 năm 1998, cơn bão số 8 rất mạnh tràn qua vùng biển DKI. Nằm trong khu vực trọng điểm của bão, trong tình thế hiểm nghèo, dưới sự chỉ huy của đồng chí Trạm trưởng, Vũ Quang Chương, cùng với 8 cán bộ, nhân viên của Nhà giàn DKI/6 Phúc Nguyên đã kiên trì bám trụ, liên tục giữ vững thông tin liên lạc và báo cáo chính xác mọi diễn biến về

Sở chỉ huy; bình tĩnh, dũng cảm chống chọi với bão; dự kiến những tình huống xấu nhất có thể xảy ra và tìm mọi biện pháp nhằm giảm thấp nhất thiệt hại về người và trang bị. Giữa biển khơi mênh mông, đêm tối mịt mù, với sóng, gió, vừa mệt, vừa đói và rét, 9 cán bộ, nhân viên nhà giàn - một tập thể vẫn kiên cường, với tinh thần còn người, còn nhà trạm, kiên quyết bám trụ bảo vệ nhà giàn đến cùng. Trong một thời gian dài, liên tiếp gồng mình chống chọi với những trận cuồng phong; những cơn sóng lớn, đỉnh sóng cao 14m -15m đánh mạnh trùm kín qua cả sàn công tác của nhà giàn, cùng với sức gió giật mạnh làm cho nhà giàn bị rung chấn dữ dội và nghiêng, lắc mạnh. Vào lúc 3 giờ sáng ngày 14 tháng 12 năm 1998, thời điểm mà sức mạnh và sự tàn phá của bão số 8 lên đến đỉnh điểm, cũng là lúc nhà giàn DKI/6 Phúc Nguyên bị đổ, cả 9 cán bộ của nhà giàn bị hất tung xuống biển. Ngay sau đó, lực lượng tàu trực cấp cứu của Hải quân đã khẩn trương, tích cực tổ chức tìm kiếm, cấp cứu những cán bộ, chiến sỹ bị nạn trong cơn bão; đến 3 ngày sau tàu HQ 606 đã phát hiện, cấp cứu được 6 đồng chí, còn lại 3 đồng chí là: Trạm trưởng Vũ Quang Chương; Nhân viên Rađa Lê Đức Hồng và nhân viên cơ điện Nguyễn Văn An mãi mãi ở lại với biển khơi, thi thể các anh đã hóa thân vào với sóng, gió, nước của đại dương mênh mông, nhưng tinh thần quả cảm, tấm gương anh dũng hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ nhà giàn, bảo vệ chủ quyền, vùng biển, thềm lục địa của Tổ quốc mãi mãi in đậm trong nỗi tiếc thương, sự cảm phục và cả niềm kiêu hãnh của người dân Việt Nam.



Sau khi nhà giàn DKI/6 bị đổ, tháng 4 năm 1995, Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Phúc Nguyên 2 (DKI/15) được xây dựng tại tọa độ $07^{\circ}48,10' \text{ N}$ và $109^{\circ}55,55' \text{ E}$ tại bãi cạn Phúc Nguyên. Công trình có chiều cao 47,45m, tổng diện tích 310m^2 , tổng trọng lượng công trình 493 tấn; từ đây trên bãi cạn Phúc Nguyên, nhà giàn DKI/15 tiếp tục sứ mệnh lịch sử làm nhiệm vụ chốt giữ, bảo vệ bảo vệ nhà trạm và vùng biển, vùng trời được phân công.

Để cải thiện đời sống, nâng cao chất lượng bữa ăn của cán bộ, nhân viên nhà giàn, ngoài chế độ, tiêu chuẩn được cung cấp theo đặc thù, nhà giàn thường xuyên chú trọng đẩy mạnh tăng gia trồng rau xanh và đánh bắt hải sản. Nhà giàn, được trên cấp các khay trồng rau, đất màu và con giống theo định lượng đầu người, theo tàu từ đất liền chở ra. Trong điều kiện không gian chật hẹp, rau xanh được trồng trong các khay gỗ, khay nhựa và đặt ở những nơi không gian tận dụng như hành lang, cầu thang, các ô cửa... của trạm; hàng ngày, nước thải trong sinh hoạt được tận dụng triệt để dùng cho tưới rau. Ở đây, rau xanh được trồng đủ các loại, song chủ yếu là rau cải, rau dền, bầu, bí... mỗi năm thu hoạch được từ 300 đến gần 600 kg rau xanh các loại. Do đó, nhà giàn Phúc Nguyên không những cơ bản khắc phục được tình trạng thiếu rau xanh trong bữa ăn hàng ngày, mà còn dành một phần hỗ trợ cho cán bộ, nhân viên trong khu vực.

*** Những thành tích đạt được:**

- Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (2006, 2007, 2008).
- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2008, 2009), Bằng khen của Tổng cục Chính trị (2004).
- Nhà giàn DKI/6 (Lô 2A) được Quân chủng tặng Bằng khen (2009).
- Nhà giàn DK1/15 được Quân chủng tặng Bằng khen (2010).
- Danh hiệu Đơn vị Tiên tiến (2010).
- Giấy khen của Quân chủng Hải quân (2010).
- Đồng chí Vũ Quang Chương, Trạm trưởng Nhà giàn DKI/6, được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì và Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (1998).
- 03 đồng chí nhà giàn DKI/6 là: Đồng chí Nguyễn Văn An, đồng chí Lê Đức Hồng, và đồng chí Hoàng Xuân Thủy, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.
- Đồng chí Dương Văn Hoan, Phó Trạm trưởng Nhà giàn DK1/6 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

3. Phúc Tần

Bãi ngầm Phúc Tần thuộc thềm lục địa Việt Nam nằm ở trong khoảng tọa độ từ 08⁰44,0' N đến 08⁰09,73' N và



110°35,16' E đến 110°35,78'E, cách bãi ngầm Quê Đường 22 hải lý về phía Bắc. Bãi Phúc Tần, Huyện Trân hợp với nhau thành một nhóm, điểm nhô cao nhất của Phúc Tần dưới mặt nước khoảng 5,5m, cách Vũng Tàu khoảng 243 hải lý về phía Đông Nam. Phạm vi bãi ngầm trong khoảng độ sâu 5,5m đến độ sâu 20m, có chiều dài khoảng 28 km, chiều rộng nhất khoảng 26 km, hướng phát triển cánh cung, đầu nhô cánh cung theo hướng Đông Bắc - Tây Nam.

Tương truyền kể lại rằng, Thái Tông Hiếu Triết Hoàng đế húy là Nguyễn Phúc Tần, con thứ hai của đức Thần Tông Nguyễn Phúc Lan và Hoàng Hậu họ Đoàn (không rõ tên). Ngài sinh ngày 19 tháng 6 năm Canh thân (18/7/1620). Lúc làm Thế tử, ngài được phong là Thái phó Dũng Lễ Hầu. Ngài là một võ tướng có tài. Năm Giáp Thân (1644) ngài đốc suất các chiến thuyền vây đánh ba chiếc tàu của người Hà Lan tại cửa Eo làm thuyền trưởng phải tự tử, hai chiếc bỏ chạy, một chiếc bị va vào đá ngầm chìm, đức Thần Tông mừng và khen rằng: "Trước kia Tiên quân ta đã từng đánh phá giặc biển, nay con ta cũng lại như thế, ta không lo gì nữa".

Thực hiện chủ trương xây dựng Cụm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ (DK1), ngày 10 đến 15 tháng 6 năm 1989, Bộ Giao thông Vận tải phối hợp với Bộ Tư lệnh Công binh tiến hành dựng lấp xong nhà giàn đầu tiên tại bãi ngầm Phúc Tần (tên địa danh hành chính là Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Phúc Tần, thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Nhà giàn Phúc Tần

(DKI/3) có diện tích sử dụng là 144m², cách mặt nước biển lúc triều cường là 10,5m.

Đầu tháng 12 năm 1990, cơn bão số 10 tràn qua khu vực DKI với gió mạnh cấp 10, cấp 11. Đêm mùng 4 tháng 12 năm 1990, nhà giàn Phúc Tần bị sóng dâng cao 14m - 15m đánh nghiêng 15⁰, phá vỡ các sàn ghi tầng dưới và đến hơn 2 giờ ngày 5 tháng 12, toàn bộ khối nhà bị đổ xuống biển. Lúc này Trạm trưởng nhà giàn là đồng chí Bùi Xuân Bồng; Trạm phó là đồng chí Nguyễn Hữu Quảng đã bình tĩnh chỉ huy sử dụng các phao, xuồng cứu sinh rời nhà và thường xuyên điện báo về Sở chỉ huy, đến phút cuối cùng mới rời vị trí. Sau khi nhận được điện báo nhà giàn Phúc Tần bị đổ, Quân chủng Hải quân đã lệnh cho các tàu trực trên khu vực là HQ711, HQ713, HQ965 khẩn trương đến cấp cứu bộ đội. Cuộc tìm kiếm từ 6 giờ 30 phút đến 19 giờ ngày 5 tháng 12 tàu HQ711 đã phát hiện cấp cứu được 5 cán bộ, chiến sĩ trong đó có đồng chí Trạm trưởng. Các ngày tiếp theo Quân chủng tiếp tục đưa tàu HQ07, HQ11, HQ682 đi tìm kiếm 3 đồng chí còn lại. Do sóng to, gió lớn việc cứu nạn rất khó khăn, các tàu đã không tìm thấy các đồng đội của mình bị sóng đánh trôi dạt. 03 đồng chí của nhà giàn Phúc Tần: Đồng chí Nguyễn Hữu Quảng, Trạm phó - người con của thủ đô Hà Nội; đồng chí Trần Văn Là, y sĩ và đồng chí Hồ Văn Hiền, nhân viên cơ điện, mãi mãi ở lại với biển cả, các anh đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ thêm lục địa phía Đông Nam của Tổ quốc.



Tháng 8 năm 1993, Nhà nước tiếp tục xây dựng Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Phúc Tần A (DKI/2) cách trạm cũ 3,5 hải lý; tháng 8 năm 1996 dựng lắp xong Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Phúc Tần B (DKI/16) và (DKI/17); tháng 4 năm 1997 dựng lắp xong trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Phúc Tần Đ (DKI/18). Như vậy liên tục từ năm 1993 đến 1997, Nhà nước ta xây dựng 4 trạm trên bãi ngầm Phúc Tần. Đây là các nhà trạm, được thiết kế, chế tạo nội thất đáp ứng ngày càng hiệu quả hơn cho các hoạt động của Trạm cùng với việc tăng cường các trang bị kỹ thuật đảm bảo cho các nhu cầu sinh hoạt, công tác của bộ đội cũng như các hoạt động bảo đảm hàng hải. Kết cấu của nhà vững chắc, có thể chống chọi, chịu đựng sóng trên cấp 12.

Đặc điểm nổi bật của khu vực biển Phúc Tần nói riêng là khu vực biển hoạt động nhảy cảm và hết sức phức tạp, nước ngoài thường xuyên sử dụng tàu nghiên cứu, tàu cải dạng, tàu chiến, tàu cá vào thăm dò địa chấn, trinh sát, quấy rối, vi phạm chủ quyền của ta. Ngoài ra, có nhiều tàu cá Hồng Kông, Philippin, xuống đánh bắt trái phép hải sản khu vực này. Hoạt động của tàu nước ngoài tập trung nhiều vào các tháng 3, 4, 5 và tháng 9 tháng 10, thời kỳ sóng yên, biển lặng. Bởi vậy công tác bảo vệ các nhà trạm Phúc Tần luôn căng thẳng, đặt ra yêu cầu rất cao.

*** Các thành tích đạt được:**

- Nhà giàn DKI/2 (Trạm kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Phúc Tần A) được tặng thưởng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” 11 lần, trong đó có 09 năm liên tục từ năm 1998 - 2006 và năm 2008, 2012.

- Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2006 - 2010, 2012), Bằng khen của Tổng Cục Chính trị (2005, 2008).

- Nhà giàn DKI/3 được Quân chủng Hải quân tặng Bằng khen (2011).

- Nhà giàn DKI/16 được Tổng cục Chính trị tặng Bằng khen (2010); được Tổng cục Chính trị và Bộ Tư lệnh Hải quân tặng Bằng khen (2010); Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen (2010).

- Nhà giàn DKI/18 được Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân tặng Bằng khen (1998, 1999).

- Nhà giàn DKI/12 được Vùng 2 tặng Giấy khen năm 2012.

- Nhà giàn DKI/10 được Quân chủng Hải quân tặng Giấy khen về thành tích 5 năm liên xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh.

- Nhà giàn DKI/16 và nhà giàn DKI/2 được Bộ Tư lệnh Quân chủng tặng Danh hiệu đơn vị Quyết thắng (2014).

4. Huyện Trân

Bãi Huyện Trân thuộc thêm lục địa Việt Nam hợp với Phúc Tần thành một nhóm. Bãi Huyện Trân nằm về phía Nam Phúc Tần, nằm ở trong khoảng tọa độ từ $08^{\circ}01,5'$ N đến $110^{\circ}37,167'$ E, điểm nhô cao nhất của Huyện Trân dưới mặt nước khoảng 5,5m, cách Vũng Tàu khoảng 253,5 hải lý về phía Đông Nam. Phạm vi bãi ngầm trong khoảng độ sâu 5,5 m đến 20m, có chiều dài khoảng 28km, chiều rộng nhất khoảng 26km, hướng phát triển cánh cung, đầu nhô cánh cung theo hướng Đông Bắc - Tây Nam.

Truyền thuyết kể lại, bà Huyện Trân sinh vào năm 1287, một công chúa đời nhà Trần, là con gái của vua Trần Nhân Tông và là em gái vua Trần Anh Tông. Năm 1306, Huyện Trân được gả cho vua Chiêm Thành (Champa) là Chế Mân (tiếng Phạn: Jaya Sinhavarman III) để đổi lấy hai châu Ô, Lý (từ đèo Hải Vân, Thừa Thiên đến phía bắc Quảng Trị ngày nay). Vào năm 1293, vua Trần Nhân Tông thoái vị, hoàng thái tử Trần Thuyên lên nối ngôi (tức là hoàng đế Trần Anh Tông). Vua Trần Nhân Tông trở thành Thái thượng hoàng, lên tu ở núi Yên Tử. Năm 1301, Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông nhận lời mời, du ngoạn vào Chiêm Thành, được vua Chiêm Thành là Chế Mân tiếp đãi nồng hậu, có ở lại trong cung điện Chiêm Thành gần 9 tháng. Khi ra về, Trần Nhân Tông có hứa gả con gái là Huyện Trân cho Chế Mân, mặc dù khi đó Chế Mân đã có chính thất là hoàng hậu Tapasi, người Java (Nam Dương ngày nay). Sau đó nhiều lần Chế Mân sai sứ sang hỏi

về việc hôn lễ, nhưng triều thần nhà Trần phản đối, chỉ có Văn Túc Vương Đạo Tái và Nhập nội hành khiển Trần Khắc Chung chủ trương tán thành.

Thực hiện chủ trương xây dựng Cụm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ (DKI), tháng 6 năm 1989 năm, Nhà nước đã tiến hành dựng lấp 3 trạm tại bãi ngầm Tư Chính, Phúc Tần, Ba Kè. Đây là những vị trí quan trọng trên khu vực DKI. Năm 1990, ta dựng lấp thêm 1 trạm ở bãi ngầm Tư Chính và 1 trạm mới tại bãi ngầm Phúc Nguyên, đồng thời khẩn trương sửa chữa gia cố 3 trạm xây dựng năm 1989. Cuối năm 1991, Nhà nước tiếp tục triển khai dựng lấp 2 trạm dịch vụ mới tại 2 bãi ngầm Quế Đường, Huyện Trân để đẩy nhanh việc tổ chức khai thác hải sản và quản lý nguồn lợi biển trên khu vực DKI cũng như triển khai việc nghiên cứu theo dõi và thông báo khí tượng, hải văn cho quốc tế cùng với tăng cường các trang bị kỹ thuật bảo đảm hàng hải. Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Huyện Trân (DKI/7) do Bộ Giao thông Vận tải phối hợp với Bộ Tư lệnh Công binh dựng lấp và hoàn thành vào ngày 11 tháng 11 năm 1991. Nhà trạm Huyện Trân đặt ở vị trí có độ sâu từ mặt san hô lên đến mặt nước biển khoảng 12m; độ cao từ mặt nước biển lên tới sân thượng khoảng 15m. Đây là nhà trạm được thiết kế, chế tạo nội thất đáp ứng ngày càng hiệu quả hơn cho các hoạt động của Trạm và các nhu cầu sinh hoạt, công tác của bộ đội cùng với việc tăng cường các trang bị kỹ thuật đảm bảo. Kết cấu của nhà có độ bền vững cao có thể chống chọi, chịu đựng sóng trên cấp 12. Ngay sau khi hoàn thành ngày 11 tháng 11 năm 1991, Khung nhà giàn



Huyền Trân (DKI/7) đã trực tiếp ra tiếp nhận nhà trạm và nhanh chóng tiến hành các nhiệm vụ chốt giữ bảo vệ trạm, bảo vệ chủ quyền vùng biển khu vực bãi ngầm Huyền Trân.

*** Các thành tích đạt được:**

- Nhà giàn DKI/7 (Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Huyền Trân) được Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân tặng Bằng khen (2003, 2005).

- Giấy khen của Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân (1993 – 2003).

5. Quế Đường

Bãi ngầm Quế Đường là một bãi ngầm thuộc thềm lục địa phía Nam của Tổ quốc; nằm ở trong khoảng tọa độ từ $07^{\circ}47,08' \text{ N}$ - $07^{\circ}47,133' \text{ N}$ đến $07^{\circ}48,617' \text{ E}$ và $110^{\circ}27,183' \text{ E}$ đến $110^{\circ}29,438' \text{ E}$. Từ bãi Quế Đường đến Vũng Tàu khoảng 254 hải lý, đến đảo Tri Tôn của quần đảo Hoàng Sa khoảng 481 hải lý, đến đảo Trường Sa khoảng 99 hải lý, đến bờ biển Malaixia khoảng 286 hải lý, đến đảo Natunapắc của Indônêxia khoảng 233 hải lý, đến khu vực ranh giới ven biển Thái Lan và Malaixia khoảng 509 hải lý; đến bãi Phúc Nguyên khoảng 32 hải lý, đến Tư Chính khoảng 55 hải lý, đến bãi Phúc Tần khoảng 22 hải lý, đến Ba Kè khoảng 74 hải lý. Điểm nhô cao nhất của Quế Đường nằm dưới nước khoảng 11m. Phạm vi bãi ngầm trong khoảng độ sâu 11m đến độ sâu 200m, có chiều dài khoảng 13km, chiều rộng nơi rộng nhất khoảng 7,5 km, hướng phát triển chạy dài theo hướng Đông Bắc - Tây Nam.



Quế Đường là lấy theo tên phong truyền của Lê Quý Đôn. Lê Quý Đôn là con trai cả của ông Lê Trọng Thứ. Thân sinh của Lê Quý Đôn đậu tiến sĩ năm Bảo Thái thứ 2 (1721) và làm quan đến chức Hình bộ Thượng thư, được phong tước hầu. Thuở nhỏ, ông có tên là Danh Phương, đến năm 1743 sau khi đỗ giải nguyên trường Sơn Nam thì đổi thành Quý Đôn; tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường. Còn theo tên khoa học “Quế đường” là một loại giống mía mới.

Khí tượng, thủy văn ở bãi Quế Đường cũng rất phức tạp. Về mùa mưa từ cuối tháng 6 năm trước đến đầu tháng 2 năm sau hầu như ngày nào cũng có dông. Gió Tây Nam là chủ yếu, mạnh cấp 4 đến cấp 6 có lúc lên tới cấp 7, đặc biệt là vào những tháng 11, 12 và đầu tháng 1 năm sau, bãi ngầm chịu sóng cồn do đó làm tăng từ 1 đến 2 cấp sóng. Trong năm có 2 mùa sóng rõ rệt, phù hợp với hai mùa gió, thể hiện sự tương phản của hai hướng sóng đối lập nhau. Mùa đông, hướng sóng chiếm ưu thế là hướng Đông Bắc, sau đó lên Bắc hoặc Đông. Độ cao sóng trung bình từ khoảng $2m \div 2,5m$, cực đại có thể lên đến 8m. Mùa hè, hướng sóng ưu thế là Tây Nam, sau đó đến Tây hoặc Nam, độ cao trung bình của sóng khoảng 1,5m - 1,7m, cực đại có thể đến 6m (không kể sóng trong bão). Trong các tháng chuyển tiếp (tháng 4 hoặc tháng 10), hướng sóng thay đổi theo hướng gió, không ổn định. Độ cao sóng trung bình tương đối nhỏ, khoảng 0,5m. Chế độ thủy triều ở bãi đá ngầm Quế Đường tuân theo chế độ nhật triều không đều, hàng ngày có 1 lần nước lên xuống; vào kỳ nước kém, trong ngày



thường có 2 lần triều lên xuống. Vào kỳ nước cường, biên độ thủy triều lớn nhất trung bình khoảng 1,2m - 2 m. Dòng chảy ở bãi đá ngầm Quế Đường là dòng chảy xoáy, đầu hè dòng chảy có hướng thịnh hành là Đông Bắc. Cuối mùa hè dòng chảy thịnh hành hướng Đông, vận tốc trung bình 0,2 đến 0,4 hải lý/giờ. Thời kỳ chuyển mùa Đông sang mùa Hè dòng chảy thịnh hành là hướng Bắc, vận tốc trung bình 0,3 đến 0,4 hải lý/giờ.

Nhà giàn Quế Đường là 1 trong 6 trạm nghiên cứu thuộc Cụm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ trên thềm lục địa phía Nam. Theo sự phân chia địa quân sự thì Quế Đường là lô 5 trong 6 lô của khu vực dầu khí I (gọi tắt là DKI) và nằm ở trung tâm của khu vực DKI.

**** Các thành tích đạt được:***

- Nhà giàn DKI/8 (Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Quế Đường A), được Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân tặng Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (2007, 2008); Cục kỹ thuật Hải quân tặng Giấy khen (2007).

- Nhà giàn DKI/19 (Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Quế Đường B) được Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân tặng Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (2001, 2003, 2004) và Bằng khen (2002, 2005).

- Nhà giàn DKI/8 được Vùng 2 tặng Danh hiệu Đơn vị tiên tiến (2010).



6. Ba Kè

Bãi ngầm Ba Kè thuộc thềm lục địa Việt Nam nằm ở trong khoảng tọa độ từ $07^{\circ}32,567'$ N đến $07^{\circ}53,617'$ N và $111^{\circ}32,567'$ E đến $111^{\circ}45,7'$ E, gồm các Bãi Vũng Mây, Bãi Ba Kè, Bãi Đất, Bãi Đình, các vị trí bãi ngầm này nằm trên cùng một khu vực bãi ngầm có độ sâu dưới mặt nước trong khoảng từ 3,2m - 100m; bãi ngầm nằm theo hướng Bắc Đông Bắc - Tây Tây Nam, vị trí cách bãi Quế Đường 74 hải lý về phía Đông. Chiều dài bãi ngầm khoảng chừng 50 km; chiều rộng nơi rộng nhất khoảng 24 km. Điểm bãi ngầm Ba Kè có độ sâu 3,2 dưới mặt nước, vị trí cách Vũng Tàu khoảng 579 km về phía Đông Nam.

Ba Kè (địa danh căn cứ cách mạng). Tên địa danh Ba Kè thuộc thị trấn Cái Ngang - huyện Tam Bình - Vĩnh Long “Từ cuối năm 1946 đến cuối tháng 9/1949, các lực lượng vũ trang đánh địch hàng chục trận trên các tuyến lộ giao thông và đồn bót, giải phóng hoàn toàn huyện Tam Bình, thị trấn Cái Ngang, Ba Kè... Đầu năm 1949, lần đầu tiên lực lượng vũ trang Vĩnh Long dùng súng bộ binh bắn tan xác một chiếc máy bay của địch tại quận lỵ Tam Bình”. Cái Ngang đã trở thành một điểm chiến lược quan trọng, mặc dù có vẻ trống trải. Các đơn vị lẻ tẻ của địch chưa dám dòm ngó đến từ nhiều năm liền.

Đặc điểm nổi bật của khu vực Ba Kè là khu vực biển hết sức phức tạp, nước ngoài thường xuyên sử dụng tàu nghiên



cứu, tàu cải dạng, tàu chiến vào thăm dò địa chấn, trinh sát, quấy rối, vi phạm chủ quyền của ta. Ngoài ra, có nhiều tàu cá Hồng Kông, Philippin... xuống đánh bắt trái phép hải sản khu vực này. Hoạt động của tàu nước ngoài tập trung nhiều vào các tháng 3, 4, 5 và tháng 9 tháng 10, thời kỳ sóng yên, biển lặng. Bởi vậy công tác bảo vệ các nhà trạm Ba Kè luôn căng thẳng, yêu cầu rất cao.

Thực hiện chủ trương xây dựng Cụm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ (DK1), từ ngày 12 đến 16 tháng 6 năm 1989, Bộ Giao thông Vận tải phối hợp với Bộ Tư lệnh Công binh tiến hành lắp dựng xong nhà giàn đầu tiên tại bãi ngầm Ba Kè (tên địa danh hành chính là Trạm kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Ba Kè, thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Trạm Ba Kè A (DKI/4) thiết kế theo kiểu khung nhà liên kết với chân đế pông tông bơm bê tông đánh chìm, định vị bằng các cột bê tông chôn sâu xuống thềm san hô. Tháng 8 năm 1993, Nhà nước ta tiếp tục xây dựng Trạm kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Ba Kè B (DKI/9) cách trạm cũ 7 hải lý. Ngày 22 tháng 8 năm 1993, 1 khung gồm 8 cán bộ, nhân viên nhà giàn (DKI/9) ra tiếp nhận, chốt giữ bảo vệ Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Ba Kè B tiếp tục làm nhiệm vụ là lực lượng tại chỗ bảo vệ nhà trạm và quản lý khu vực biển và vùng trời được phân công. Ngày 13 tháng 8 năm 1998, xây dựng xong Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Ba Kè C (DKI/20) và 01 Khung nhà giàn (DKI/20) ra tiếp nhận chốt giữ trạm Ba Kè C, Ngày 19 tháng 8 năm 1998 xây dựng xong trạm Ba Kè D (DKI/21) và Khung nhà giàn

(DKI/21) ra tiếp nhận chốt giữ trạm Ba Kè Đ. Như vậy, đến 1998, nhà nước ta xây dựng 4 trạm dịch vụ trên bãi ngầm Ba Kè. Kết cấu của nhà vững chắc, có thể chống chọi, chịu đựng sóng trên cấp 12.

** Các thành tích đạt được:*

- Nhà giàn DKI/9 (Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Ba Kè B) được Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân tặng Bằng khen (2003).

- Bằng khen của Tổng Cục Chính trị (2003); Bằng khen của Bộ Tổng Tham mưu (2009), Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2009).

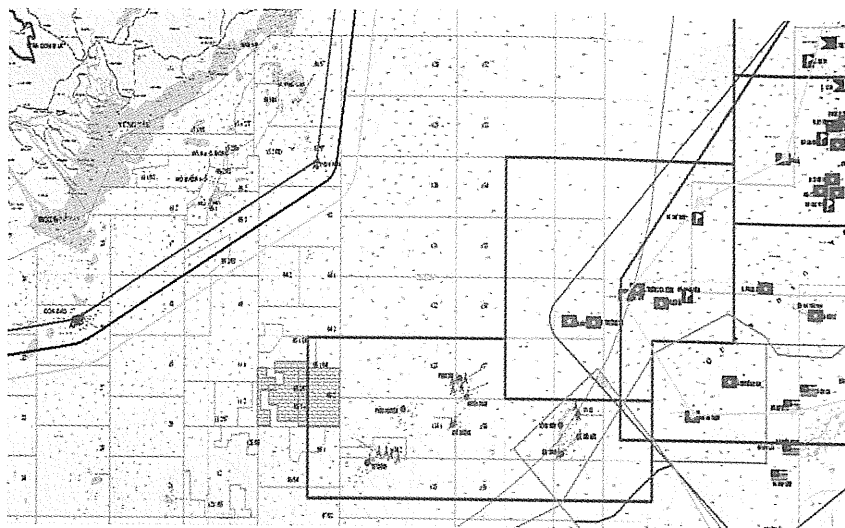
- Nhà giàn DKI/20 (Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Ba Kè C) được Quân chủng Hải quân khen thưởng Đơn vị Quyết thắng (2001) và Bằng khen (2002), được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen (2008).

- Nhà giàn DKI/21 (Trạm Kinh tế - Khoa học - Dịch vụ Ba Kè D) được Quân chủng Hải quân khen thưởng Đơn vị Quyết thắng (1999, 2000, 2005).

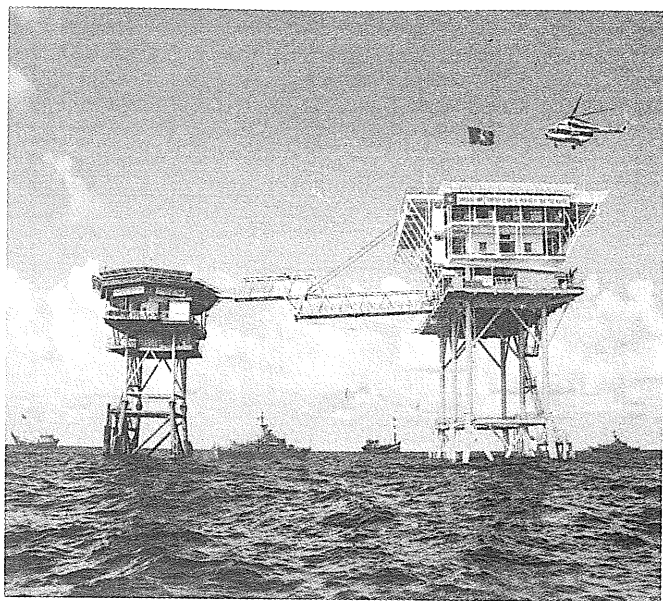
- Bằng khen của Bộ Tư lệnh Hải quân (2005), Bằng khen của Bộ Quốc phòng (2008).

- Nhà giàn DKI/19 được Vùng 2 tặng Danh hiệu Đơn vị tiên tiến (2010).

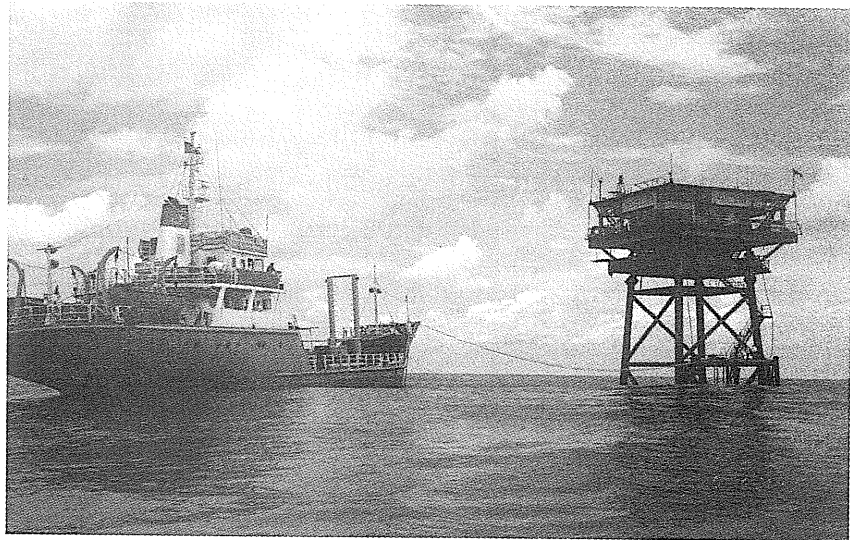
- Nhà giàn DKI/20 được Vùng 2 tặng Giấy khen (2010).



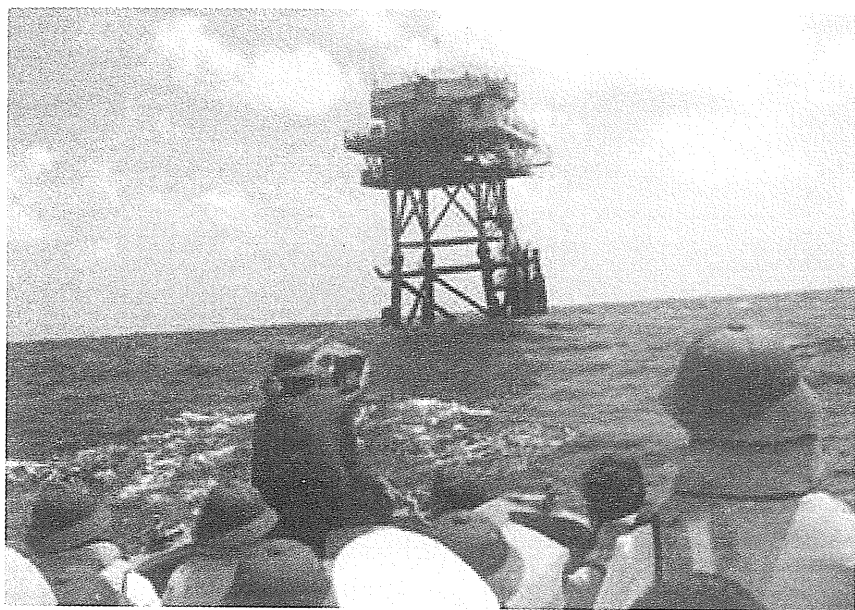
Khu vực biển thềm lục địa phía Nam (DKI)



Nhà giàn DK1/14



Nhà giàn DK1/15



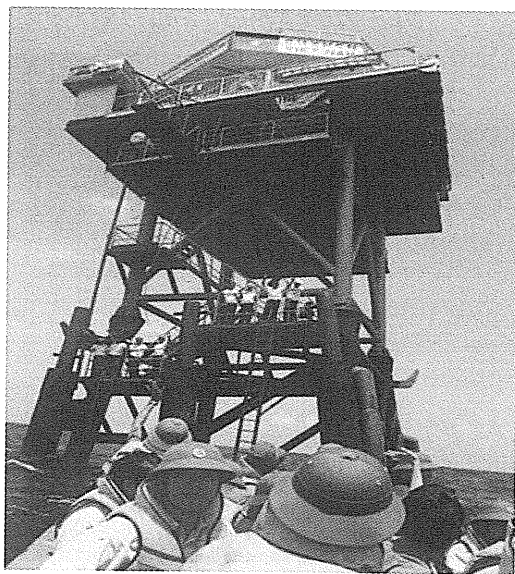
Nhà giàn Phúc Tân (DKI/3)



Nhà giàn Huyền Trân (DKI/7)



Nhà giàn Quế Đường (DKI/5)



Nhà giàn DKI/21

PHẦN IV

HẢI QUÂN NHÂN DÂN VIỆT NAM LÀM NÒNG CỐT BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO CỦA TỔ QUỐC

I. TRUYỀN THỐNG VÀ NHỮNG CHIẾN CÔNG TIÊU BIỂU CỦA HẢI QUÂN NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Ngày thành lập: Ngày 07/5/1955, Bộ Quốc phòng ra Nghị định số 284/NĐ-A thành lập Cục phòng thủ bờ biển (tiền thân của Hải quân nhân dân Việt Nam ngày nay). Ngày 07/5/1955 trở thành ngày thành lập Hải quân nhân dân Việt Nam.

2. Những chiến công tiêu biểu: Trải qua hơn nửa thế kỷ xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành, Hải quân nhân dân Việt Nam đã lập nên nhiều chiến công vẻ vang. Có những chiến công như những huyền thoại.

Một là: Hải quân nhân dân Việt Nam đã mưu trí, dũng cảm, *dám đánh, quyết đánh và quyết thắng* giặc Mỹ xâm lược; đánh đuổi tàu khu trục Ma-đốc của Mỹ ra khỏi vùng biển của ta và đánh trả cuộc tập kích chiến lược bằng Không quân và Hải quân của Mỹ, lập nên chiến thắng trận đầu ngày 2 và 5/8/1964; được Bác Hồ gửi thư khen.

Trong chiến thắng trận đầu, ngày 02/8 Hải quân đã bắn rơi 01 chiếc, bắn bị thương 01 chiếc; ngày 05/8 bắn rơi 8 máy bay, bắn bị thương nhiều chiếc khác và bắt sống tên phi công Mỹ đầu tiên trên miền Bắc.

Hai là: Cùng với quân dân miền Bắc đánh thắng 02 cuộc chiến tranh phá hoại bằng Không quân và Hải quân của đế quốc Mỹ.

Hải quân nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu 716 trận, bắn rơi 118 máy bay, bắn bị thương 102 lần chiếc khác và bắn bị thương 45 lần chiếc tàu chiến Mỹ.

Ba là: Với quyết tâm "*Đánh địch mà đi, mở đường mà tiến*", Hải quân Nhân dân Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ làm nòng cốt rà phá, tháo gỡ thủy lôi của Mỹ, mở tuyến thông luồng trên các cửa sông, cửa biển và hải cảng miền Bắc.

Đã trực tiếp rà phá, tháo gỡ làm mất hiệu lực 2.400 quả thủy lôi, mở tuyến thông luồng, đảm bảo cho tàu thuyền hoạt động, sản xuất cũng như vận tải, chi viện cho chiến trường miền Nam trên hầu hết các cửa sông, cửa biển và hải cảng miền Bắc.

Bốn là: Mở đường Hồ Chí Minh trên biển để chi viện cho chiến trường miền Nam lập nhiều chiến công huyền thoại.

Cùng với Đoàn 559 mở đường Hồ Chí Minh trên dãy Trường Sơn. Đoàn 759 (tiền thân của Đoàn 125) được thành lập để mở đường Hồ Chí Minh trên biển. Trong suốt 15 năm



vận chuyển chi viện cho chiến trường miền Nam, Hải quân nhân dân Việt Nam đã sẵn sàng chấp nhận mọi hy sinh gian khổ, mưu trí vượt qua các tuyến bao vây, phong toả, đối phó với từng thủ đoạn của địch; sáng tạo ra nhiều phương thức hoạt động độc đáo, táo bạo; hình thành nhiều tuyến, mở hàng chục bến bãi đến hầu hết các tỉnh ven biển miền Nam và tận cửa ngõ Sài Gòn; vận chuyển kịp thời, đúng thời cơ hàng trăm ngàn tấn vũ khí, đạn dược, thuốc men, hàng chục ngàn lượt người đến những chiến trường khó khăn, nơi mà đường Hồ Chí Minh trên bộ không vươn tới được, góp phần chi viện đắc lực cho cách mạng miền Nam.

Năm là: Tìm ra cách đánh sáng tạo, độc đáo, táo bạo và đạt hiệu quả cao của Đặc công Hải quân.

Trong điều kiện trang bị kỹ thuật còn thô sơ lại phải đương đầu với Hải quân hiện đại của Mỹ - Ngụy, Hải quân nhân dân Việt Nam đã nghiên cứu, tìm ra cách đánh sáng tạo, độc đáo, táo bạo và đạt hiệu quả cao của Đoàn 126 đặc công Hải quân; đã vượt qua tuyến bao vây phong toả dày đặc của địch, dựa vào dân, luồn sâu vào các cảng, dùng đơn vị nhỏ, tinh nhuệ, sử dụng vũ khí có uy lực cao, đánh đau, đánh hiểm. Trong 7 năm chiến đấu trên chiến trường Cửa Việt - Đông Hà đặc công Hải quân đã đánh trên 300 trận, đánh chìm, đánh hỏng nặng 336 tàu xuồng chiến đấu, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Góp phần cùng với các lực lượng trên khắp chiến trường miền Nam đánh chìm, đánh hỏng 7.473 tàu thuyền, đánh sập hàng trăm cầu

cống, bến cảng, diệt hàng nghìn lính địch, phá huỷ hàng vạn tấn vũ khí đạn dược, vật chất phục vụ chiến tranh của địch, cùng với quân dân miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Sáu là: Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Hải quân nhân dân Việt Nam đã phối hợp hoạt động, chiến đấu trên hướng biển, đặc biệt là kịp thời phối hợp với một bộ phận Bộ đội Quân khu 5 thần tốc, táo bạo, bí mật, bất ngờ giải phóng 5 đảo thuộc quần đảo Trường Sa góp phần vào thắng lợi trọn vẹn, vĩ đại của dân tộc.

Bảy là: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế cao cả ở Lào và Campuchia.

Sau chiến thắng mùa Xuân năm 1975, bọn phản động Pôn Pôt Iêng Xary lại gây chiến tranh ở biên giới Tây Nam nước ta. Hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc cứu nước Campuchia, chấp hành mệnh lệnh của Bộ chỉ huy mặt trận, Hải quân nhân dân Việt Nam đã dũng cảm chiến đấu, bảo vệ toàn vẹn hải đảo và vùng biển Tây Nam của Tổ quốc, cùng với quân dân Campuchia anh em và các lực lượng khác tiêu diệt và bắt hàng ngàn tên địch, góp phần cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi hoạ diệt chủng, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong 10 năm bảo vệ thành quả cách mạng và công cuộc lao động hồi sinh của nhân dân Campuchia. Đồng thời đào tạo hàng trăm lượt cán bộ Hải quân Lào và Campuchia sang học tập và đóng mới, sửa chữa hàng trăm lượt tàu thuyền giúp các nước bạn.



Tám là: Vượt qua mọi khó khăn thử thách, kể cả hy sinh xương máu, là lực lượng nòng cốt, cùng với quân và dân cả nước bảo vệ trọn vẹn chủ quyền vùng biển, đảo, thêm lực địa của Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc.

3. Truyền thống vẻ vang: Quá trình xây dựng, chiến đấu, chiến thắng, trưởng thành, Hải quân nhân dân Việt Nam đã xây đắp nên truyền thống vẻ vang:

"Chiến đấu anh dũng

Mưu trí sáng tạo

Làm chủ vùng biển

Quyết chiến, quyết thắng"

Hải quân nhân dân Việt Nam vinh dự được đón Bác Hồ về thăm 3 lần:

- Lần 1: 30/3/1959.

- Lần 2: 15/3/1961. Bác căn dặn *"Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng. Ngày nay ta có ngày, có trời, có biển. Bờ biển ta dài, tươi đẹp ta phải biết giữ gìn lấy nó"*.

- Lần 3: 13/11/1962.

4. Những thành tích đạt được.

- Quân chủng Hải quân được Đảng, Nhà nước 02 lần tuyên dương Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (1989) và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới (2014).



* Các phần thưởng cao quý:

- 02 Huân chương Sao vàng (1985, 2010)
- 02 Huân chương Hồ Chí Minh (1979, 2011).
- 02 Huân chương Độc lập (hạng Nhì năm 1965, hạng Nhất năm 2000).
- 03 Huân chương Quân công (hạng Nhì năm 1964 và 1983, hạng Nhất năm 1984).
- 01 Huân chương Lao động hạng Ba (1963).
- Có 78 lượt tập thể và 46 cá nhân trong Quân chủng được tuyên dương Danh hiệu Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng Lao động, trong đó: Đội 1 thuộc Lữ đoàn 126 tuyên dương 3 lần, các Lữ đoàn 125, 126, 101, 131, 83 và tàu HQ 671 tuyên dương 2 lần. Có hàng ngàn lượt tập thể và cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động, Huân chương Quân công, Huân chương Chiến công và Huân chương bảo vệ Tổ quốc các hạng.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT CỦA HẢI QUÂN NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO CỦA TỔ QUỐC THỜI GIAN GẦN ĐÂY

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ làm nòng cốt bảo vệ trọn vẹn chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc. Duy trì sự ổn định trên các vùng biển

- Quân chủng Hải quân luôn luôn nhận thức đúng tình hình, tính chất phức tạp trên các vùng biển trọng điểm. Tổ

chức lực lượng quan sát nắm địch, không để bị động, bất ngờ. Tổ chức lực lượng thực hiện các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu.

- Nắm chắc các động thái mới của đối phương, tham mưu cho Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng các chủ trương, biện pháp; xử lý các tình huống, đúng đối sách, trên từng khu vực biển.

- Phối hợp chặt chẽ các lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam và các lực lượng khác: Công an, Biên phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tốt tuần tra, tuần tiễu, duy trì pháp luật, giữ vững sự ổn định hoà bình trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc, tạo điều kiện cho các lực lượng làm ăn trên biển.

- Phối hợp với các quân khu, các tỉnh thành, huy động lực lượng tàu thuyền của nhân dân tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

2. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại quân sự, củng cố, tăng cường mối quan hệ hữu nghị, hợp tác và hiểu biết tin cậy lẫn nhau giữa Hải quân Việt Nam với Hải quân các nước, góp phần giải quyết có hiệu quả các tình huống trên biển

- Nhiều năm qua, nhất là trong những năm gần đây, Hải quân nhân dân Việt Nam đã cử nhiều đoàn đến thăm, giao lưu và làm việc với Hải quân các nước trong khu vực và thế giới, đồng thời cũng tổ chức đón nhiều đoàn lãnh đạo của Hải quân các nước đến thăm và làm việc tại Việt Nam; nhiều tàu của Hải quân các nước đã cập cảng Việt Nam.



- Hàng năm tổ chức khoảng 100 đoàn của Quân chủng Hải quân với gần 600 lượt người đi thăm và làm việc tại các nước: Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Phi-lip-pin, Sin-ga-po, Ma-lai-xia, Mỹ, Nga, Pháp, Nhật Bản, Thụy Điển, Ca-na-đa, Ấn Độ, Rumani, Pakistan. Đồng thời đã tổ chức đón các đoàn tàu quân sự, các đoàn khách với hơn 500 lượt người từ các nước trong khu vực và trên thế giới đến thăm và làm việc với Quân chủng Hải quân.

- Duy trì tuần tra chung với Hải quân các nước trong khu vực, trung bình hàng năm với Thái Lan 4 chuyến, Campuchia 2 chuyến, Trung Quốc 2 chuyến. Đến năm 2014 tuần tra chung với Trung Quốc đã thực hiện chuyến thứ 17, Thái Lan chuyến thứ 29, Campuchia chuyến thứ 36.

- Lập kênh thông tin đường dây nóng giữa Tư lệnh Hải quân Việt Nam với Tư lệnh Hải quân một số nước trong khu vực, qua đó đã góp phần giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề nảy sinh trên biển.

3. Là lực lượng nòng cốt thực hiện tìm kiếm, cứu nạn trên các vùng biển, đặc biệt là vùng biển xa, nơi các lực lượng khác không đến được

- Việt Nam là 1 trong 10 quốc gia trên hành tinh thường xuyên chịu thiên tai khắc nghiệt (bình quân 1 năm có 9 -12 cơn bão, áp thấp nhiệt đới đi vào nước ta). Do vậy, ngoài thực hiện chức năng, nhiệm vụ làm nòng cốt bảo vệ chủ quyền

biển, đảo của Tổ quốc, Quân chủng Hải quân thường xuyên tổ chức các lực lượng, tàu trực trên các khu vực biển để kịp thời tìm kiếm, cứu nạn trên biển; tổ chức 11 đài canh 24/24 giờ ở ven bờ, trên các đảo; tổ chức 13 điểm bắn pháo hiệu báo bão trên các vùng biển, 9 trạm tìm kiếm, cứu nạn trên 9 đảo nổi ở Trường Sa. Trạm tìm kiếm cứu nạn có diện tích xây dựng hơn 100 m², gồm 3 phòng ở, có đủ bàn, ghế, giường chiếu và dụng cụ sinh hoạt; 1 buồng vệ sinh, 1 bể nước ngầm; có bộ phận quân y cấp cứu, điều trị bệnh nhân và 1 xuồng cứu nạn; đây sẽ là những điều kiện tốt để triển khai công tác cứu nạn ở vùng biển xa, mà Hải quân là lực lượng nòng cốt, chủ yếu.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn: Tìm kiếm ngư dân Việt Nam và ngư dân các nước bạn; cấp dầu, lương thực, thực phẩm; cấp cứu trên biển, trên đảo, trên các vùng biển xa (Trường Sa, Hoàng Sa, Phi-lip-pin...); kéo hàng trăm tàu thuyền của ngư dân gặp nạn vào bờ an toàn tuyệt đối ...

4. Không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng huấn luyện chiến đấu gắn với xây dựng phát triển lực lượng và vũ khí trang bị mới, để xây dựng Quân chủng chính qui, tinh nhuệ, hiện đại

- Chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện chiến đấu, huấn luyện theo phương án trang bị vũ khí hiện có, huấn luyện thực chất, lấy chiến trường làm thao trường, lấy mục tiêu quản lý bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo làm mục tiêu huấn luyện.

- Tập trung huấn luyện cán bộ, huấn luyện kỹ thuật, khuyến khích và yêu cầu cán bộ, nhân viên kỹ thuật học ngoại ngữ, tin học để khai thác làm chủ trang bị vũ khí kỹ thuật, nhất là vũ khí trang bị mới.

- Làm tốt công tác chấn chỉnh biên chế tổ chức, thành lập đơn vị mới, phát triển lực lượng mới, xây dựng lực lượng chiến đấu của Quân chủng cân đối, đồng bộ, hiện đại đủ sức làm nòng cốt quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

5. Phối hợp hiệp đồng với các lực lượng bảo vệ các hoạt động kinh tế biển, thăm dò, khai thác dầu khí

Quân chủng Hải quân phối hợp với Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam và các lực lượng bố trí các tàu trực để bảo vệ ở các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí; bố trí lực lượng trên các Nhà giàn DK1, bảo vệ các tàu khảo sát, thăm dò và các hoạt động của ngư dân ta làm ăn trên biển...

6. Thực hiện tốt vai trò làm nòng cốt công tác tuyên truyền về biển, đảo trong các tầng lớp xã hội

* Từ năm 2006 đến nay, Quân chủng Hải quân ký kết và triển khai chương trình phối hợp hoạt động tuyên truyền về biển, đảo với 46 tỉnh, thành phố (11 tỉnh không có biển), 15 cơ quan ban, ngành Trung ương như: Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin & Truyền thông, Bộ Ngoại Giao, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân



dân, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Thông tấn xã Việt Nam, Đảng uỷ Ngoài nước...

* Hàng năm, Quân chủng Hải quân đã phối hợp tổ chức cho các đoàn đại biểu các ban, bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố, tổ chức chính trị, các tập đoàn, doanh nghiệp kinh tế, phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương đi thăm, kiểm tra, động viên cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trên quần đảo Trường Sa và Nhà giàn DK1 trên thềm lục địa phía Nam của Tổ quốc.

Liên tục từ năm 2006 đến nay, hàng năm Quân chủng Hải quân phối hợp với các cơ quan ban, bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố, tập đoàn, doanh nghiệp kinh tế, tổ chức chính trị-xã hội đưa đón nhiều đoàn, với 2.000 - 2.700 đại biểu trong nước, kiều bào ta ở nước ngoài, thân nhân của cán bộ, chiến sĩ đang công tác trên đảo và Nhà giàn đi thăm, động viên quân, dân trên quần đảo Trường Sa và cán bộ, chiến sĩ Nhà giàn DK1.

Qua chuyến thăm, các đại biểu đều có chung cảm nhận khâm phục sự chịu đựng, hy sinh vượt qua mọi khó khăn gian khổ để trụ vững nơi đầu sóng, ngọn gió của bộ đội Hải quân, đồng thời tin tưởng ở những người giữ biển; thấy được trách nhiệm, tình cảm và ý chí quyết tâm của Bộ Tư lệnh Quân chủng và cán bộ, chiến sĩ Hải quân đã giành cho các đại biểu. Giúp cho các đại biểu hiểu rõ hơn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và

bảo vệ Tổ quốc, phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trên các vùng biển, đảo, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 4 (Khoá X) của Đảng về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”; thấy được về tính chất khó khăn phức tạp và nhạy cảm trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc trong tình hình hiện nay; qua đó tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Cả nước vì Trường Sa, Trường Sa vì cả nước” với những việc làm thiết thực, cụ thể, hiệu quả.

7. Tận dụng năng lực sẵn có, tích cực tham gia phát triển kinh tế biển, đảo đạt hiệu quả cao

Các đơn vị trong Quân chủng đã đẩy mạnh các hoạt động lao động sản xuất, kinh doanh với một số ngành nghề có lợi thế, kết hợp kinh tế quốc phòng, nuôi trồng thủy sản, cùng các lực lượng đấu tranh bảo vệ chủ quyền như:

- Đánh bắt thủy hải sản: (hai Công ty 128, 129) tổ chức lực lượng đánh bắt xa bờ, kết hợp trinh sát nắm tình hình trên biển, làm nòng cốt, chỗ dựa, giúp đỡ nhân dân, cùng nhân dân khẳng định chủ quyền.

- Nuôi trồng thủy sản: Cá chim trắng, cá chẽm, cá song, tu hài ở đảo Đá Tây, Trường Sa Đông. Xây dựng công trình thủy; Đóng mới, sửa chữa tàu thuyền; dịch vụ cảng biển... Tiêu biểu là Quân cảng Sài Gòn, liên tục nhiều năm liền được xếp nằm trong top 40 cảng biển lớn của thế giới và là cảng biển số 1 của nước ta về năng lực khai thác.

- Xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng Âu tàu ở đảo Song Tử Tây, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân làm ăn trên biển xa mang lại hiệu quả kinh tế cao và góp phần mở rộng không gian kinh tế cho đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

* Một số quyền lợi của ngư dân đến Âu tàu thực hiện các dịch vụ:

- Được cung ứng nhiên liệu theo giá quy định của Nhà nước như trong đất liền. Cung ứng lương thực, thực phẩm; thu mua sản phẩm và dịch vụ, chuyển sản phẩm vào bờ để tiêu thụ theo giá thoả thuận. Được cung cấp nước ngọt và chăm sóc y tế miễn phí.

- Được sửa chữa tàu miễn phí tiền công, chỉ tính tiền vật tư, phụ tùng thay thế, sửa chữa theo giá gốc tại bờ.

- Được hướng dẫn đưa tàu vào âu thực hiện dịch vụ neo đậu tránh bão miễn phí. Được cấp cứu, cứu nạn trên biển. Được sử dụng dịch vụ điện thoại mạng Viettel.

8. Thực hiện tốt dự án "Xây dựng và phát triển kinh tế về biển, đảo ở quần đảo Trường Sa", Hải quân nhân dân Việt Nam đã tích cực vận chuyển, xây dựng các công trình quân sự và dân sinh trên quần đảo.

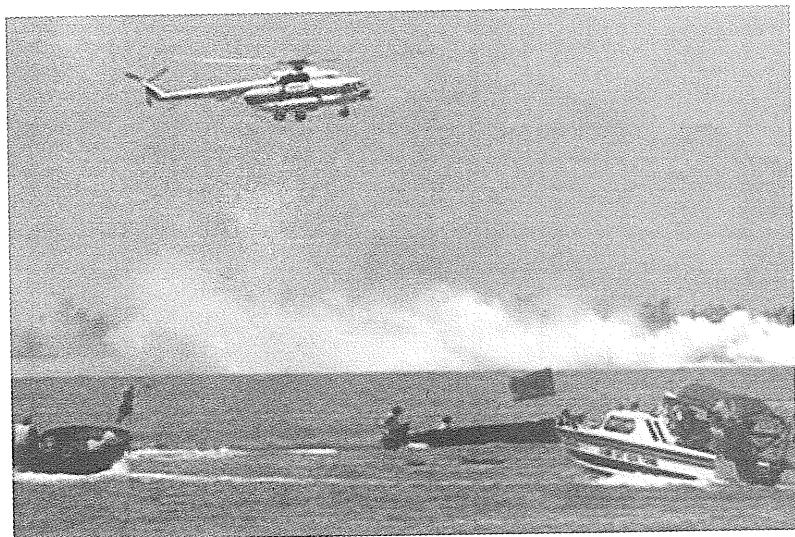
9. Xây dựng một số công trình dân sự, văn hoá ở Trường Sa



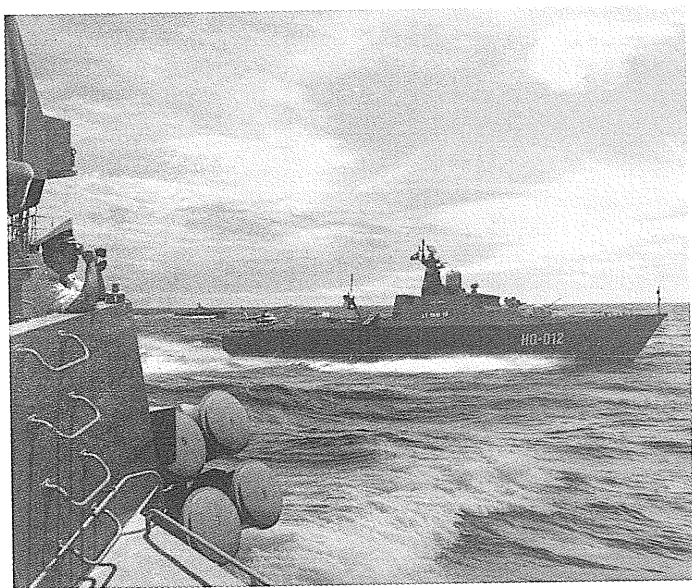
*Hội nghị Tư lệnh Hải quân các nước ASEAN lần thứ 5
tổ chức tại Hà Nội, Việt Nam*



*Đồng chí Đô đốc Nguyễn Văn Hiến, UVTW Đảng,
Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tư lệnh Hải quân Việt Nam
và Tư lệnh Hải quân các nước ASEAN tham quan
Lữ đoàn Tên lửa bờ 679 Hải quân, Việt Nam*



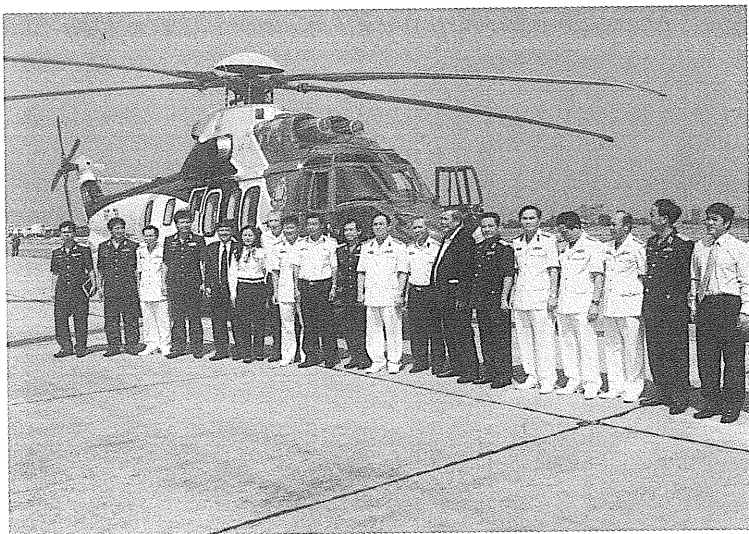
Diễn tập phối hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển



Tàu hộ vệ tên lửa của Hải quân Việt Nam



Tàu ngầm hiện đại của Hải quân nhân dân Việt Nam



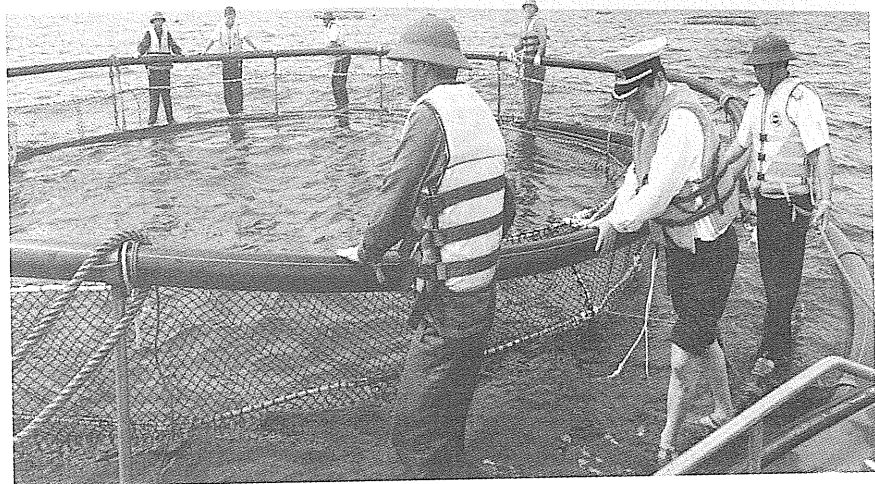
*Đồng chí Đô đốc Nguyễn Văn Hiến, Ủy viên Trung ương Đảng,
Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Tư lệnh Hải quân
cùng các đại biểu dự lễ tiếp nhận máy bay EC-225
trang bị cho Không quân Hải quân*



*Đồng chí Chuẩn Đô đốc Đinh Gia Thật, Bí thư Đảng ủy,
 Chính ủy Hải quân ký kết chương trình phối hợp
 tuyên truyền biển, đảo với Tỉnh Hà Nam*



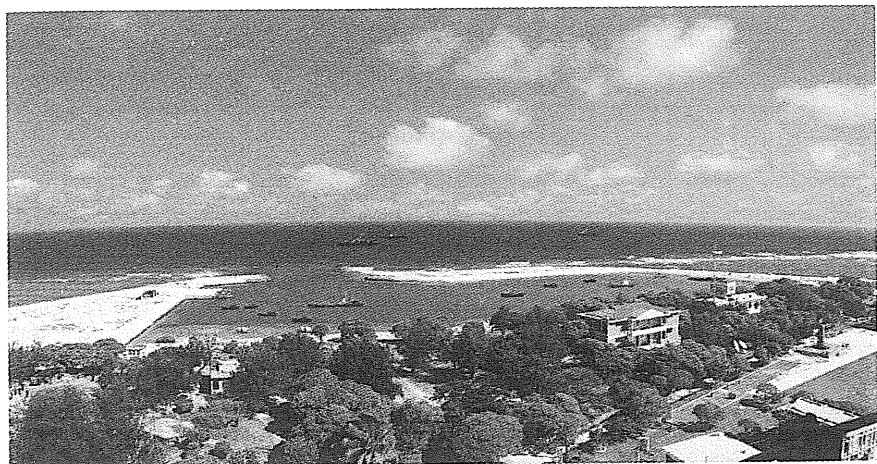
Đoàn Trung ương Đoàn TNCSHCM thăm quần đảo Trường Sa



Nuôi cá lồng ở đảo Đá Tây



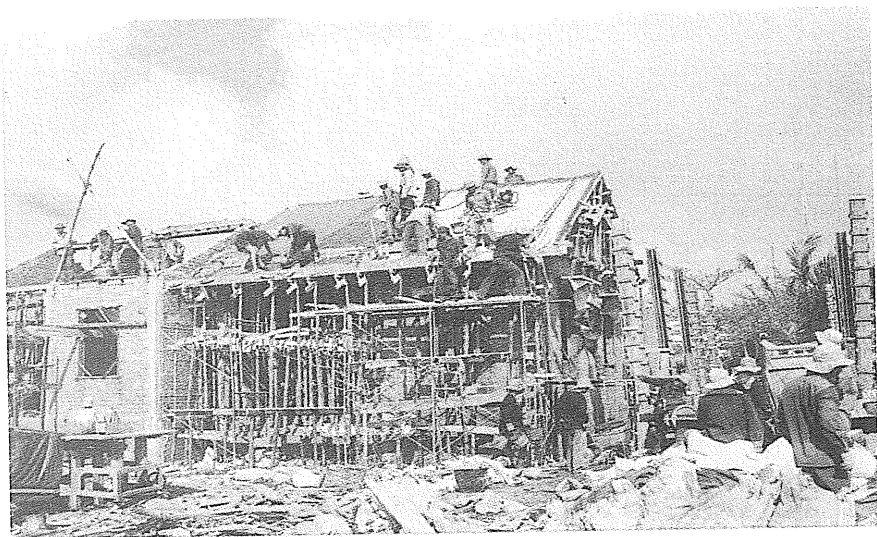
Đánh bắt cá ở quần đảo Trường Sa



Âu tàu ở đảo Song Tử Tây



Nhà dân trên đảo Song Tử Tây



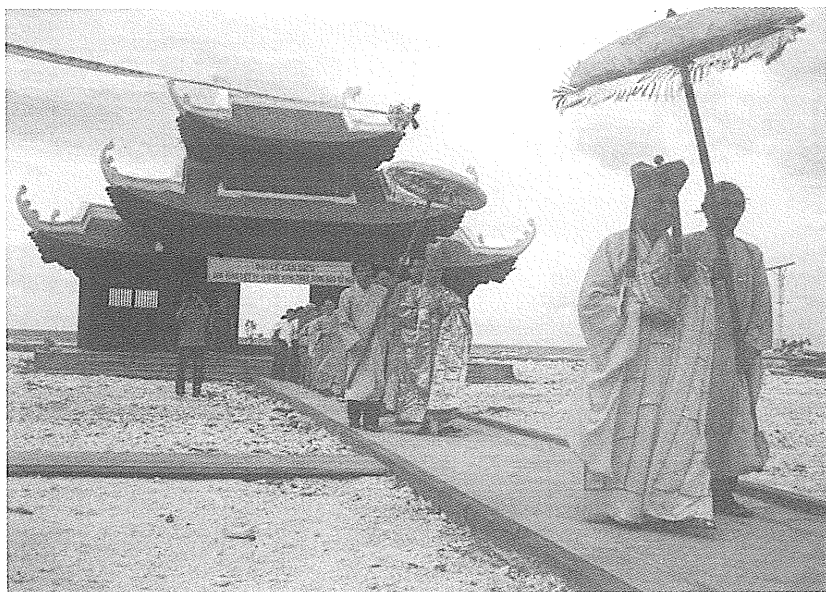
Bộ đội Hải quân xây dựng nhà dân trên đảo Song Tử Tây



Nhà khách thủ đô tại đảo Trường Sa.



Nhà tưởng niệm Bác Hồ tại đảo Trường Sa



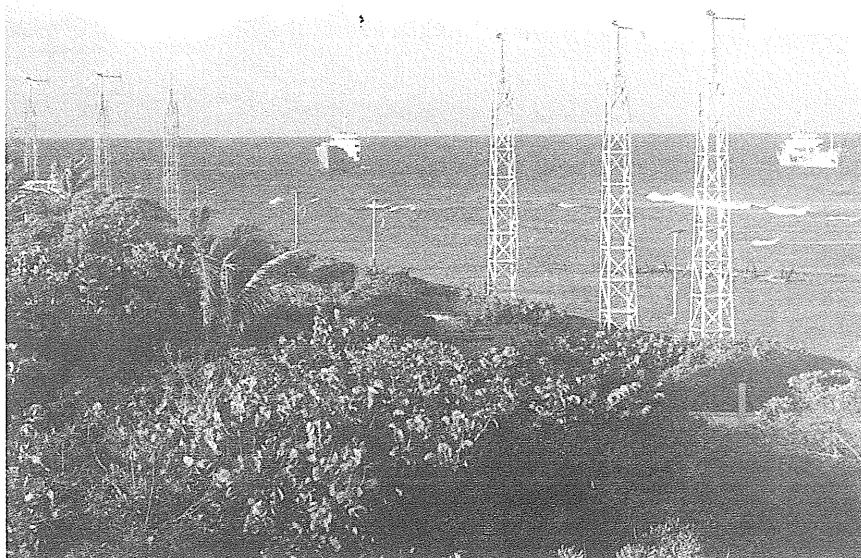
Các nhà sư làm lễ ở chùa trên đảo Song Tử Tây



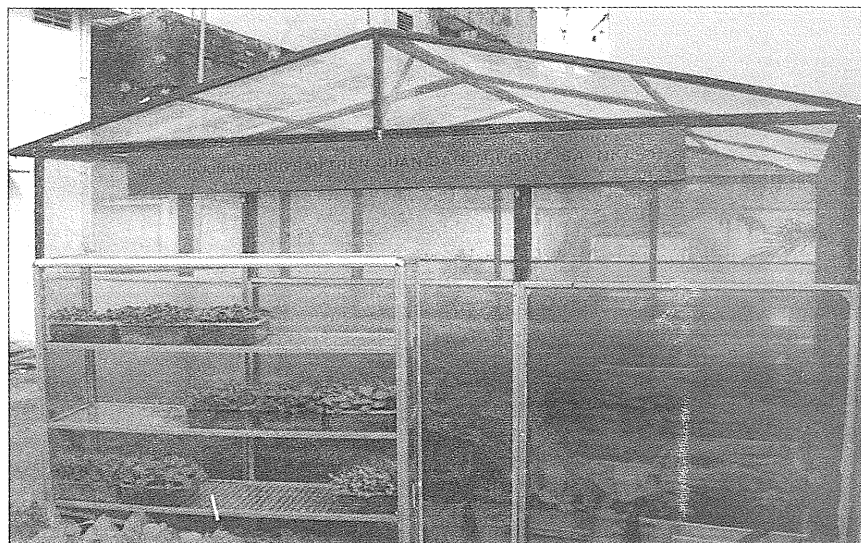
Chùa ở đảo Song Tử Tây



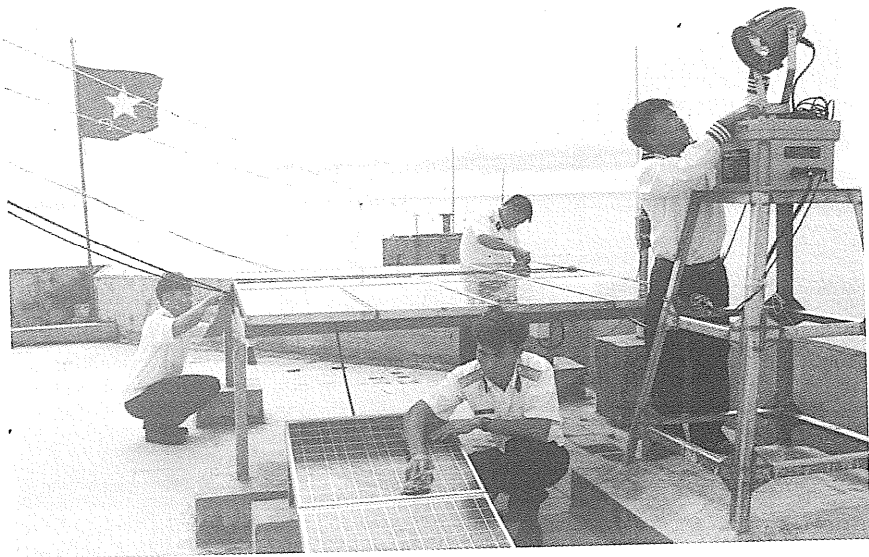
Các đại biểu dự khánh thành tượng đài liệt sĩ ở đảo Trường Sa



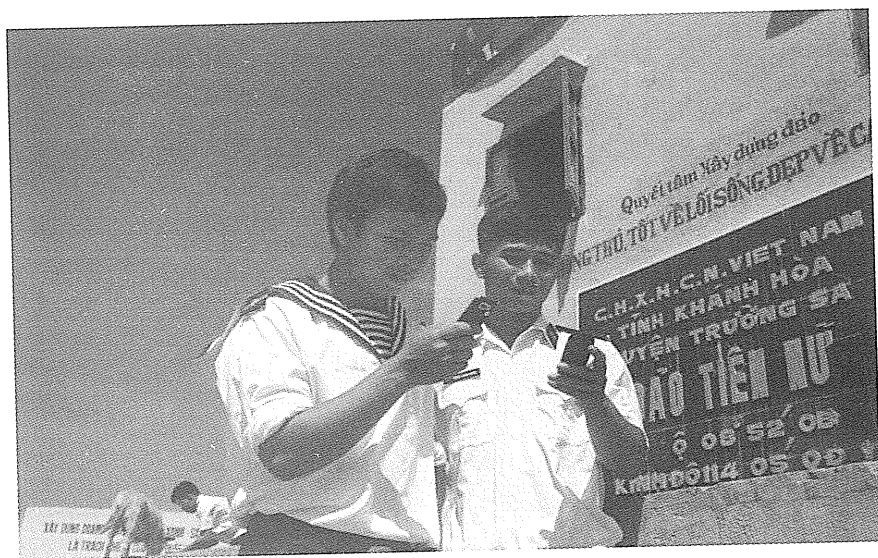
Hệ thống máy phát điện chạy bằng sức gió ở Trường Sa



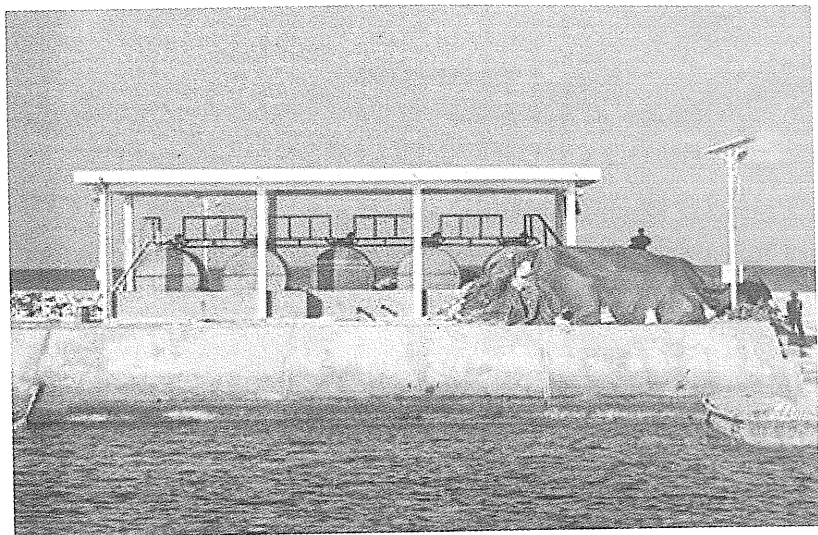
Trồng rau trong nhà kính ở đảo Trường Sa



Bảo quản hệ thống pin năng lượng mặt trời



Phủ sóng điện thoại di động ở quần đảo Trường Sa



Trạm dịch vụ nhiên liệu tại âu tàu đảo Song Tử Tây



Trẻ em trên Thị trấn Trường Sa

PHẦN V

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LƯU Ý TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VÀ KHI ĐI CÔNG TÁC Ở QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA, NHÀ GIÀN DK1 TRÊN THỀM LỤC ĐỊA PHÍA NAM CỦA TỔ QUỐC

I. BẢO VỆ SỨC KHOẺ KHI ĐI CÔNG TÁC Ở TRƯỜNG SA VÀ NHÀ GIÀN DK1 TRÊN THỀM LỤC ĐỊA PHÍA NAM CỦA TỔ QUỐC

1. Chống nóng

- Tăng hiệu lực của biện pháp thông gió tự nhiên và hệ thống quạt của tàu. Tưới nước làm mát sàn tàu.

- Đội mũ rộng vành. Bảo đảm đầy đủ nước uống. Điều chỉnh thời gian biểu làm việc trên đảo, nhà giàn cho hợp lý.

- Tránh những giờ cao điểm nắng nóng.

** Khi bị say nắng.*

- Đưa nhanh bệnh nhân ra nơi thoáng mát, cởi bớt quần áo ngoài. Cho uống nước chè nguội pha ít muối hoặc uống nước chanh đá.

- Trường hợp nặng tiêm ca phê in 0,25g. Nếu ngừng thở phải kết hợp các biện pháp hô hấp nhân tạo.

2. Chống lạnh

- Trước khi xuống nước cần khởi động 5-10 phút. Xuống từ từ, đầu tiên nhúng tay rồi đến chân, dần dần té nước lên mình, đầu, cổ....

- Ở những tàu có trang bị hầm lạnh khi xuống hầm lạnh chú ý bảo vệ chân để chống công lạnh 2 chân.

- Khi ở dưới nước lên, đến chỗ khuất gió lau khô người và mặc ngay quần áo ấm.

* *Khi nhiễm lạnh.* Nhanh chóng đưa người vào buồng kín gió, lau khô người và cho mặc quần áo ấm. Dùng dầu xoa nóng, cho uống nước chè đường nóng hoặc rượu cấp cứu. Uống thuốc kháng sinh để phòng viêm đường hô hấp.

3. Chống say sóng

- Rèn luyện chống say sóng như đu quay, cầu sóng, xà đơn, xà kép, nhảy cao, nhảy xa, chạy dài, bơi lội đua thuyền.... Rèn luyện thực tế, đi biển nhiều lần làm quen với sóng gió.

- Trước khi đi biển phải được ngủ tối thiểu 2-3 giờ và ăn trước 1-2 giờ. Thức ăn dùng cho những ngày đi biển gồm những thức ăn dễ tiêu có chất lượng dinh dưỡng cao, có nhiều gia vị để kích thích tiêu hoá.

- Người đi biển lần đầu tiên nên ngồi chỗ thoáng gió, ít mùi hôi, nhìn ra xa, không nhìn xuống nước ở gần tàu, nghe đài đọc sách giải trí, quần chặt bụng chống di chuyển phù tạng, khi nằm thì nằm ngửa và ngửa đầu ra sau.

- Sử dụng thuốc phòng và điều trị như Adêdôn, Amynagin.



4. Chống nhiễm độc do ăn cá biển

Nghiêm cấm không được ăn cá nóc. Nếu bị nhiễm dẫn đến ngộ độc do ăn cá nóc, sau khi ăn 5-30 phút lưỡi tê.

- Nếu ăn chưa lâu, không tự nôn mửa được thì cho uống nước ấm pha muối, ngoáy họng bằng ngón tay cho nôn mửa thức ăn ra, cho uống bột than thảo mộc (gạo rang cháy, bã mía, gạo dứa đốt cháy) để hấp thụ các chất độc chưa bị tổng ra ngoài.

- Nếu bị ngừng thở thì làm hô hấp nhân tạo, cho uống nước đường pha một ít muối, uống ít một, uống nhiều lần để chống mất nước; cho uống sinh tố B1, C hoặc nước hoa quả; chuyển đến cơ sở y tế gần nhất để theo dõi và điều trị tiếp.

5. Những chú ý khi đi trên tàu, trên đảo

- Chấp hành tuyệt đối các qui định và sự chỉ dẫn của chỉ huy tàu và đảo để tránh những tai nạn bất thường xảy ra.

- Quá trình lên, xuống tàu, xuống phải chú ý bảo đảm an toàn, khi lên, xuống đảo phải chấp hành theo sự phân công của sĩ quan điều hành.

- Trong suốt hành trình tàu hành quân cũng như khi tàu neo đậu phải hết sức chú ý đề phòng sóng, gió không để trượt ngã rơi xuống biển gây mất an toàn.

- Khi lên đảo không tùy tiện đi lại tự do, nhất là ban đêm để tránh rơi xuống hầm hào công sự và ngã xuống biển.

- Bảo quản tốt lương thực, thực phẩm, phục vụ ăn uống hợp vệ sinh bảo đảm tốt sức khỏe.

II. TUYÊN TRUYỀN VỀ HAI QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA, HOÀNG SA VÀ NHÀ GIÀN DK1 TRÊN THỀM LỤC ĐỊA PHÍA NAM CỦA TỔ QUỐC

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong và ngoài Quân đội khi tuyên truyền về Quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, Nhà giàn DK1 cũng như tuyên truyền về thềm lục địa và các vùng biển, đảo khác của Việt Nam phải quán triệt, thực hiện đúng quy định của Bộ Quốc phòng về nguyên tắc, nội dung, hình thức tuyên truyền; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong tuyên truyền về Quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, Nhà giàn DK1, thềm lục địa và các vùng biển, đảo khác của Việt Nam.

2. Nội dung tuyên truyền:

- Các chứng cứ lịch sử, căn cứ pháp lý khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam đối với Quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, Nhà giàn DK1, thềm lục địa và các vùng biển, đảo khác của Việt Nam.

- Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, đối ngoại trên các vùng biển, đảo của Việt Nam.

- Những quan điểm của Đảng, các văn bản pháp luật về biển, đảo của Nhà nước; Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982; Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); Bộ quy tắc của các bên ở Biển Đông (COC) khi được thông qua; các thỏa thuận song phương, đa phương của các nước có lợi ích chung ở Biển Đông.



- Chiến công của quân và dân ta trong giải phóng và bảo vệ Quần đảo Trường Sa. Vai trò nòng cốt của Hải quân nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam.

- Những tấm gương tiêu biểu thể hiện ý chí quyết tâm, trách nhiệm trong huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, lao động sản xuất của quân, dân trên Quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, Nhà giàn DK1, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và các vùng biển, đảo khác của Việt Nam.

- Tinh thần trách nhiệm, tình cảm của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trong đất liền đối với quân, dân trên Quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1 và các vùng biển, đảo, thềm lục địa của Việt Nam; của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trên Quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và các vùng biển, đảo khác của Việt Nam đối với đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trong đất liền.

- Đời sống, vật chất, tinh thần làm chủ biển, đảo của quân, dân trên Quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1, thềm lục địa, các vùng biển, đảo, quần đảo khác của Việt Nam; hoạt động dịch vụ của các âu tàu; hoạt động tìm kiếm, cứu nạn ở Trường Sa, Hoàng Sa, Nhà giàn DK1, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và các vùng biển, đảo khác của Việt Nam.

- Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các ban, bộ, ngành Trung ương, địa phương, nhân dân cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài đối với quân, dân huyện đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và các vùng biển, đảo khác của Việt Nam.

- Quan hệ đoàn kết hữu nghị hợp tác, các hoạt động đối ngoại quốc phòng, đối ngoại của Hải quân, Kiểm ngư Việt Nam với Hải quân, kiểm ngư của các nước; quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam - Trung Quốc cũng như quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước láng giềng có chung lợi ích ở Biển Đông, góp phần xây dựng vùng biển ổn định, hòa bình.

- Đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch lợi dụng những vấn đề phức tạp xảy ra trên biển để tuyên truyền kích động quần chúng nhân dân, thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ.

- Xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; các hoạt động ủng hộ quân, dân trên Quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và trên các vùng biển, đảo khác của Việt Nam.

- Các hoạt động của lực lượng Hải quân, Cảnh sát biển, Kiểm ngư Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Việt Nam; hoạt động bảo vệ thăm dò, khai thác dầu khí, giúp đỡ ngư dân trên các vùng biển, đảo, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam.

3. Hình thức tuyên truyền:

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tuyên truyền thông qua các hình thức: Phóng sự, ký sự, phim, ảnh, bài viết, truyền hình trực tiếp, trực tuyến trên Internet.



- Tuyên truyền thông qua tổ chức các hoạt động: Giao lưu, kết nghĩa, tặng quà cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đang làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.

- Biên soạn tài liệu, ấn phẩm; sáng tác thơ ca, bài hát về biển, đảo quê hương.

- Tổ chức họp báo, hội thảo, trưng bày, triển lãm tư liệu, hiện vật về Hoàng Sa, Trường Sa, Nhà giàn DK1, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và các vùng biển, đảo khác của Việt Nam.

4. Hoạt động thu thập và xử lý thông tin.

- Các hoạt động tổ chức giao lưu trên Quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1 phải được phép của Tổng cục Chính trị.

- Các hoạt động quay phim, chụp ảnh công trình, hệ thống công trình chiến đấu trên Quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1 phải được phép của cơ quan có thẩm quyền. Các băng, đĩa hình, phim, ảnh phải được đăng ký và quản lý theo chế độ tài liệu mật.

- Trước khi đưa tin, bài, hình ảnh, những nội dung nào chưa rõ hoặc còn băn khoăn, không nằm trong quy định trên đây (tại mục 3, II); những vấn đề nhạy cảm liên quan đến bí mật quân sự, bí mật quốc gia, phóng viên và cơ quan báo chí cần trao đổi với các cơ quan có trách nhiệm (Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị hoặc Cục Chính trị, Quân chủng Hải quân) để làm rõ thêm.